

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Võ Thạch Anh

**LINH THẦN TRONG
TRUYỀN THUYẾT VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ VĂN HỌC

Thành phố Hồ Chí Minh - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Võ Thạch Anh

**LINH THẦN TRONG
TRUYỀN THUYẾT VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Văn học Việt Nam
Mã số : 60 22 34

LUẬN VĂN THẠC SĨ VĂN HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TS. HỒ QUỐC HÙNG**

Thành phố Hồ Chí Minh - 2012

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn tất chương trình Cao học và hoàn thành luận văn tốt nghiệp chuyên ngành Văn học Việt Nam, tôi đã nhận được sự hướng dẫn và chỉ bảo tận tình của quý thầy cô trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước tiên, tôi xin được gửi lời cảm ơn đến Ban giám hiệu, khoa Ngữ văn, phòng Sau đại học trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đã tạo điều kiện tốt nhất để tôi có thể thực hiện luận văn trong thời gian cho phép.

Nhân đây, tôi cũng xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Lãnh đạo tỉnh Bình Dương, Phòng Giáo dục huyện Bến Cát, Ban giám hiệu, quý thầy cô trường THCS Bình Phú, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi giúp tôi hoàn thành chương trình Cao học trong thời gian hai năm.

Nhân đây, tôi cũng xin được bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến gia đình, bạn bè, những người thân yêu đã luôn quan tâm, động viên tôi trong suốt quá trình học tập và thực hiện luận văn.

Với tôi, **“Linh thần trong truyền thuyết Việt Nam”** là một đề tài tương đối mới. Để thực hiện đề tài này, tôi đã nhận được sự hướng dẫn tận tâm, nhiệt tình và chu đáo của **TS. Hồ Quốc Hùng**. Nhân dịp này, cho phép tôi được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Thầy. Trong quá trình thao tác, tôi đã gặp không ít khó khăn từ bố cục nội dung đến hình thức trình bày. Khi ấy, tôi luôn nhận được những lời góp ý và chỉ bảo tận tình của Thầy. Những hướng dẫn, chỉ bảo của Thầy đã giúp cho đề tài của tôi ngày một hoàn thiện để tôi có được kết quả như hôm nay.

Dẫu đã cố gắng hoàn thành luận văn bằng tất cả năng lực và tâm huyết, song, chắc chắn luận văn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp chân thành của quý thầy cô và các bạn.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 09 năm 2012

Tác giả luận văn

Võ Thạch Anh

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN

MỞ ĐẦU.....	4
1. Lý do chọn đề tài.....	7
2. Lịch sử vấn đề	8
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu	12
3.1. Đối tượng nghiên cứu.....	12
3.2. Phạm vi nghiên cứu	13
4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	13
5. Phương pháp nghiên cứu.....	13
5.1. Phương pháp thống kê, miêu tả.....	13
5.2. Phương pháp loại hình lịch sử.....	14
5.3. Phương pháp cấu trúc	14
5.4. Phương pháp nghiên cứu liên ngành	14
6. Đóng góp mới của luận văn	14
7. Cấu trúc luận văn	14
NỘI DUNG	17
CHƯƠNG 1 - NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI.....	17
1.1. Mối quan hệ giữa linh thần với đời sống tâm linh, tín ngưỡng người Việt	17
1.1.1. Đời sống tín ngưỡng ở Việt Nam	17
1.1.2. Biểu hiện của tâm linh trong đời sống tín ngưỡng	19
1.1.3. Tâm linh với tín ngưỡng sùng bái tự nhiên	20
1.1.4. Tâm linh với tín ngưỡng sùng bái con người	22
1.2. Quan niệm về linh thần	25
1.2.1. Khái niệm về linh thần.....	25
1.2.2. Các khái niệm liên quan	28
1.3. Mối quan hệ giữa truyền thuyết linh thần và thần tích.....	34

CHƯƠNG 2 - THỐNG KÊ, PHÂN LOẠI TRUYỀN THUYẾT LINH THẦN VIỆT NAM.....	39
2.1. Tình hình tư liệu	39
2.1.1. Đánh giá tình hình tư liệu	39
2.1.2. Kết quả thống kê	40
2.1.3. Vấn đề dị bản	42
2.2. Phân loại	44
2.2.1. Truyện kể về nhân vật truyền thuyết được “hóa thân” từ linh thần đời trước	45
2.2.2. Truyện kể về nhân vật truyền thuyết có “yếu tố linh thần” phò trợ	49
2.2.3. Truyền thuyết về nhân vật có công “hóa Thánh” trở thành linh thần	55
2.2.4. Truyện kể về sự “hóa thân” truyền đời của linh thần qua nhân vật truyền thuyết	59
CHƯƠNG 3 - ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO TRUYỀN THUYẾT LINH THẦN.....	74
3.1. Khái niệm “cấu tạo”	74
3.2. Cấu tạo truyền thuyết linh thần	75
3.2.1. Cốt truyện	75
3.2.1.1. Nhóm truyện về nhân vật truyền thuyết được “hóa thân” từ linh thần đời trước	75
3.2.1.2. Nhóm truyền thuyết có “yếu tố hiển linh” của linh thần	80
3.2.1.3. Nhóm truyền thuyết về nhân vật có công được “hiển Thánh” trở thành linh thần.....	86
3.2.1.4. Nhóm truyện kể về nhân vật truyền thuyết được “hóa thân” từ linh thần đời trước và tiếp tục “hóa Thánh” sau khi có công để hiển linh âm phù người đời sau.....	96
3.2.2. Kiểu nhân vật linh thần.....	103
3.2.3. Các hình thức hiển linh.....	106
3.2.4. Một số motif tiêu biểu.....	110
3.2.4.1. Motif sinh nở thần kỳ.....	111

3.2.4.2. Motif chiến công phi thường.....	110
3.2.4.3. Motif “Ngài hóa”	114
3.2.4.4. Motif hiển linh	116
3.2.4.5. Motif giấc mơ, điềm báo.....	117
KẾT LUẬN.....	121
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	126
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Việc thờ phụng linh thần (thiên thần, nhiên thần, nhân thần, thần Thành Hoàng, nữ thần, Thánh mẫu, ...) trong hệ thống thần linh Việt vốn là một tập quán, thói quen trong tâm thức người Việt từ xa xưa. Trước khi có các tôn giáo hiện hữu, hệ thống thần linh Việt đã được dân chúng tôn thờ cho đến hôm nay. Đó là một khuynh hướng tín ngưỡng thiêng liêng của dân tộc. Khuynh hướng ấy chứng tỏ bề dày và chiều sâu của văn hóa tâm linh người Việt. Tín ngưỡng thờ phụng linh thần tồn tại dưới nhiều dạng thức và được biểu hiện phong phú trong hệ thống truyền thuyết Việt Nam.

Chính vì thế, vấn đề linh thần trong truyền thuyết Việt Nam từ lâu đã được quan tâm ở nhiều góc độ khác nhau. Về mặt bản chất, có thể nói giữa truyền thuyết với tín ngưỡng và tôn giáo có một mối quan hệ tương tác lẫn nhau. Việc tìm hiểu các vấn đề về linh thần trong truyền thuyết giúp ta hiểu sâu hơn mối quan hệ của thể loại này trong đời sống tinh thần của dân tộc suốt chiều dài lịch sử.

Với đề tài **“Linh thần trong truyền thuyết Việt Nam”**, người viết mong muốn tìm hiểu, tập hợp, phân loại và hệ thống các kiểu truyện về linh thần trong truyền thuyết Việt Nam để làm rõ thêm mối quan hệ của chúng như những mắt xích trong đời sống văn hóa tâm linh người Việt.

Bên cạnh đó, với đề tài này, người viết mong muốn làm rõ đặc điểm cấu tạo của truyền thuyết linh thần dựa trên các tiêu chí: cốt truyện, kiểu nhân vật, các hình thức hiển linh, các motif tiêu biểu để qua đó thấy được tính kế thừa và khác biệt của truyền thuyết linh thần trong hệ thống truyền thuyết Việt Nam.

Là giáo viên Ngữ văn, thông qua đề tài của mình, người viết mong muốn góp phần bồi dưỡng các thế hệ học sinh lòng tự hào về truyền thống và lịch sử dân tộc, về sự đa dạng và sức sống trường tồn của văn hóa tín ngưỡng dân gian; giáo dục học sinh lòng biết ơn, sự ngưỡng mộ, tôn kính những người anh hùng có công trong sự nghiệp dựng nước, giữ nước. Đồng thời, góp phần lưu giữ và phát triển một thể

loại văn học dân gian có khả năng kết nối quá khứ - hiện tại, truyền thống - hiện đại. Từ đó, góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

2. Lịch sử vấn đề

Trong lịch sử nghiên cứu văn học dân gian, việc nghiên cứu linh thần trong truyền thuyết Việt Nam một cách hệ thống, bài bản, chuyên sâu hiện vẫn còn bỏ ngõ nhất là hình thức cấu tạo, tổ chức của truyện. Nhìn nhận lại, các ý kiến đề cập đến mối quan hệ của chúng trong từng tác phẩm không phải là ít nhưng chủ yếu ở hai dạng: tục thờ Thành hoàng (các trung đẳng thần, hạ đẳng thần cấp địa phương, làng, xã) và tục thờ các anh hùng chống giặc ngoại xâm, các danh nhân văn hóa lịch sử (các thượng đẳng thần cấp quốc gia). Như vậy, dù còn quá ít những công trình chuyên sâu nghiên cứu linh thần dưới góc độ thể loại truyền thuyết, nhưng tùy mức độ trực tiếp hay gián tiếp các công trình vẫn gợi lên nhiều hướng suy nghĩ.

Qua quá trình tìm hiểu việc nghiên cứu linh thần trong truyền thuyết Việt Nam cấp độ địa phương (các công trình chủ yếu nghiên cứu văn hóa làng, xã), chúng tôi nhận thấy tục thờ Thành hoàng ở phạm vi làng, xã khá phổ biến. Phần lớn, việc nghiên cứu ấy thiên về mô tả gốc tích các thần, mô tả các nghi lễ, nghi thức thờ cúng và hướng việc nghiên cứu ấy vào đời sống cộng đồng, đời sống tâm linh là chủ yếu.

Tương tự như vậy, việc nghiên cứu linh thần trong truyền thuyết Việt Nam cấp độ quốc gia - dân tộc, chúng tôi nhận thấy việc nghiên cứu ở đây chủ yếu thiên về tục thờ các Thượng đẳng thần, những người anh hùng có công với đất nước, các danh nhân văn hóa lịch sử, tuy chết đi nhưng oai linh vẫn còn và trở thành biểu tượng cho tinh thần chống giặc ngoại xâm. Như vậy, dù nói kiểu nào thì các bài viết cũng chỉ đề cập đến khía cạnh hoạt động tín ngưỡng mà không chú trọng vào các linh thần như yếu tố nghệ thuật của tác phẩm truyền thuyết.

Xét dưới góc độ này, chúng tôi nhận thấy nhà sử học Tạ Chí Đại Trường trong công trình *Thần Người và Đất Việt* (2006) đã hệ thống hóa khá kỹ các tập tục tín ngưỡng “*giúp chúng ta nhìn lại quá trình phát triển của tín ngưỡng dân gian Việt Nam từ thời cổ đại đến ngày nay*”. Từ đó “*hiểu thêm diễn biến của tín ngưỡng*

thờ thần của dân tộc ta, đi sâu vào cuộc sống tâm linh của dân tộc qua các thời đại.” [68]. Dĩ nhiên, công trình này không đặt vấn đề tìm hiểu mối quan hệ giữa tín ngưỡng, tâm linh với thể loại truyền thuyết Việt Nam nhưng chắc chắn không thể không sử dụng nó như những cứ liệu quan trọng để tìm hiểu mối quan hệ thâm sâu giữa chúng.

Có thể kể đến một số bài viết khác có liên quan đến đề tài nghiên cứu của luận văn dưới nhiều góc độ khác nhau:

- Năm 1981, trong bài viết ***Từ truyền thuyết ven sông Nhuệ về hình ảnh người phụ nữ anh hùng thuở đánh Tống***//TCVH, số 2 của mình, tác giả Cung Văn Lược đặt ra và giải quyết vấn đề nghiên cứu những người nữ anh hùng nên tập trung khai thác ở họ trên cả hai phương diện. Thứ nhất là phương diện khái quát, có tính dân tộc như Bà Trưng, Bà Triệu, ... ; thứ hai là nghiên cứu những người nữ anh hùng chỉ lưu truyền ở một vùng, một địa phương cụ thể. Và trong bài viết ấy, tác giả đã giới thiệu về hình ảnh một người phụ nữ bình thường mà anh hùng thuở đánh Tống, những hình ảnh này được lấy ra từ truyền thuyết ven sông Nhuệ, truyền thuyết về cô gái Tó. Cô gái Tó (Bà Chúa Tó) nguyên là vợ vua Lê Đại Hành, có công giúp vua Lê trong việc đánh tan quân Tống xâm lược. Sau khi “hóa”, Thánh Bà hiển linh giúp vua - dân nhà Trần đánh tan quân Nguyên xâm lược, giúp vua - dân nhà Lê (Lê Thái Tổ) đánh thắng giặc Minh trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Bà được vua Lê Thái Tổ gia phong mỹ tự, sắc chủ sai dân ấp sửa sang đền miếu thờ Bà mãi mãi. Bài viết dừng lại ở một hiện tượng cụ thể về một nữ thần trong tín ngưỡng thờ cúng của dân gian và đã chỉ ra được hiện tượng thờ cúng này xuất phát từ truyền thuyết. Dĩ nhiên, đây là mối quan hệ tất yếu đã được các lý thuyết trước đây đề cập. Nhưng việc chỉ ra các biểu hiện của nó trong cấu tạo tác phẩm thì không thấy nói đến.

- Năm 1992, trong bài viết ***Tục thờ Mẫu Liễu Hạnh – một sinh hoạt tín ngưỡng văn hóa cộng đồng*** // TCVH, số 5, tr.17, tác giả Ngô Đức Thịnh đã đi từ việc khái quát hình tượng “*Mẫu Liễu trong Đạo Mẫu và tôn thờ nữ thần*” đến việc nhìn nhận diện mạo đồng đại của tục thờ Mẫu Liễu với tư cách là một sinh hoạt tín

ngưỡng, văn hóa cộng đồng. Đồng thời, tác giả bài viết còn đặt vấn đề nhìn tục thờ này trong cội nguồn và quá trình phát triển của nó để nhận thấy một điều mới mẻ: *“tục thờ Mẫu đang trong quá trình chuyển biến từ hình thức tín ngưỡng nguyên thủy đến một hình thức tôn giáo dân gian sơ khai”*. Tiếc rằng, bài viết cũng không đi sâu tìm hiểu mối quan hệ giữa tín ngưỡng, tâm linh với thể loại truyền thuyết Việt Nam thông qua hệ thống các linh thần.

- Năm 1993, trong hai bài viết: ***Tìm hiểu một số ý nghĩa về tục thờ Thành Hoàng không có sắc phong qua truyền thuyết và lễ hội*** // TC Văn hóa dân gian, số 44, tr. 57 và bài viết ***Tà thần, yêu thần, sự ra đời và bước đi của tục thờ cúng*** // TC Dân tộc học, số 4, tr.66, chúng tôi nhận thấy, hai bài viết tuy có khác nhau về chủ đề nhưng hai tác giả Lê Văn Kỳ và Nguyễn Minh San bằng cái nhìn khách quan, khoa học đã cùng đề cập và lý giải vấn đề về sự tồn tại cũng như ý nghĩa đích thực của việc thờ cúng các “tà thần, yêu thần” hay các “Thành hoàng không có sắc phong” trong dân gian. Cả hai tác giả đều cho rằng tục thờ cúng đối tượng thần linh này là có thực trong tâm thức dân gian. Dù rằng cứ liệu của công trình có dựa vào truyền thuyết nhưng bài viết cũng chỉ dừng lại ở việc lý giải sự tồn tại của các đối tượng thần linh như đã nói mà chưa đi sâu khai thác mối quan hệ giữa tín ngưỡng, tâm linh với thể loại truyền thuyết Việt Nam thông qua hệ thống các linh thần.

- Năm 2000, trong bài viết ***Bà chúa Kho trong tục thờ cúng nữ thần của người Việt***// TC Văn hóa dân gian Việt Nam: Những suy nghĩ, tr.231, tác giả Nguyễn Chí Bền đã *“lần lại quá trình huyền thoại hóa nhân vật vào cõi thần linh, để hiểu rõ hơn bản chất của thái độ phụng thờ của người dân, nói khác đi là tâm linh người nông dân Việt trong xã hội xưa”*. Qua đó, tác giả lý giải những nét chung, riêng của bà chúa Kho trong diện mạo các nữ thần của người Việt. Bài viết có đề cập đến quan hệ giữa tập tục thờ cúng với truyền thuyết dưới các chứng cứ cụ thể. Ở đây truyền thuyết được xem như một chất xúc tác làm cầu nối đến tín ngưỡng. Đây chính là cách tiếp cận liên ngành rất cần thiết và dĩ nhiên truyền thuyết chỉ được xem là cứ liệu về mặt xã hội học.

- Năm 2011, trong bài viết ***Tục thờ thần linh ở Thanh Hóa*** đăng trên báo Văn hóa nghệ thuật, Cơ quan của Bộ văn hóa, thể thao và du lịch, tác giả Lê Văn Tạo đã cho thấy tục thờ thần linh này “*phản ánh nổi trội qua các yếu tố huyền thoại hóa nhân vật và sự kiện lịch sử, làm cho hình tượng thần linh gần gũi với đời thường và ngược lại, các sự kiện, nhân vật lịch sử càng trở nên thiêng liêng*”. Đây là bài viết có đề cập ít nhiều quan hệ giữa linh thần với việc chuyển hóa vào huyền thoại qua tục thờ thần linh ở một vùng đất cụ thể (Thanh Hóa).

Ngoài ra, một số bài viết của các tác giả khác cũng đều xoay quanh hướng tiếp cận đó như:

- Đặng Văn Lung, ***Thử tìm hiểu cách xây dựng hình tượng Mẫu Liễu*** // TCVH, 1992, số 5, tr.24

- Đinh Gia Khánh, ***Tục thờ Mẫu và những truyền thống văn hóa dân gian Việt Nam*** // TCVH, 1992, số 5, tr 5

- Lê Sỹ Giáo - Phạm Quỳnh Phương, ***Tục thờ Liễu Hạnh trong hệ thống thờ nữ thần của người Việt*** // TCVH, 1992, số 5, tr.57

- Nguyễn Thị Huế, ***Từ Phật Mẫu Man Nương đến Thánh Mẫu Liễu Hạnh*** // TCVH, 1992, số 5, tr.50

- Phan Đăng Nhật, ***Những yếu tố cấu thành hình ảnh “Địa tiên Thánh Mẫu”*** // TCVH, 1992, số 5, tr.29

- Trần Thị An, ***Sự vận động về truyền thuyết về Mẫu qua những truyện kể về Liễu Hạnh và truyền thuyết về nữ thần Chăm*** // TCVH, 1992, số 5, tr. 44

- Vũ Ngọc Khánh, ***Chúa Liễu qua nguồn thư tịch*** // TCVH, 1992, số 5, tr. 32

Nhìn chung, các bài viết ở đây cũng chủ yếu khai thác các khía cạnh liên quan đến tín ngưỡng mà ít chú trọng cấu tạo của nó trong truyền thuyết.

Chúng tôi có tham khảo thêm cuốn sách ***Cổ tích và thắng cảnh Hà Nội*** của Doãn Kế Thiện, NXB Văn hóa, Hà Nội - 1959. Cuốn sách có đăng một loạt những truyền thuyết kể về tín ngưỡng thờ linh thần (thiên thần, nhân thần, nhiên thần, vật thần) và sự hiển linh, âm phù của các vị thần ấy. Như các truyện: *Hồ Hoàn Kiếm, Con trâu vàng Hồ Tây, truyền thuyết về Hồ Tây*... Cuốn sách đã cung cấp cho

chúng tôi một nguồn tư liệu quý báu, giúp quá trình tìm hiểu và thực hiện đề tài được thuận lợi và có cơ sở.

Cuốn *Văn học dân gian người Việt, góc nhìn thể loại* (2006) của Kiều Thu Hoạch cũng là tài liệu được chúng tôi tham khảo ở nhiều khía cạnh có liên quan đến đề tài. Đây là nguồn tài liệu quan trọng giúp người viết thuận lợi hơn trong việc thực hiện đề tài. Thông qua các bài viết: “Truyền thuyết anh hùng trong thời kỳ phong kiến”, “Thể loại truyền thuyết dưới mắt các nhà nghiên cứu folklore Nhật Bản và Trung Quốc”, “Xác định thể loại truyền thuyết”, “Kho tàng truyện kể dân gian Thăng Long - Hà Nội”, “Danh nhân văn hoá Thăng Long - Hà Nội qua giai thoại, truyền thuyết”... nhà nghiên cứu Kiều Thu Hoạch đã giúp chúng tôi có cái nhìn hệ thống về thể loại truyền thuyết nói chung, truyền thuyết Việt Nam nói riêng để từ đó đi sâu nghiên cứu thể loại truyền thuyết linh thần Việt Nam.

Tóm lại, quá trình tìm hiểu lịch sử vấn đề, người viết nhận thấy việc nghiên cứu mối quan hệ giữa truyền thuyết với linh thần, mặt biểu hiện của linh thần, hiệu quả linh ứng của linh thần, tương tác giữa đời sống tín ngưỡng, tâm linh với sự linh thiêng của linh thần trong truyền thuyết Việt Nam được đề cập dưới góc độ dân tộc học, xã hội học là chính. Còn tính hệ thống của nó được biểu hiện trong cấu tạo tác phẩm truyền thuyết vẫn còn bỏ ngỏ. Đây là động lực thôi thúc chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài này.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài của luận văn tập trung tìm hiểu mối quan hệ giữa truyền thuyết với linh thần, mặt biểu hiện của linh thần, hình thức linh ứng của linh thần. Trong giới hạn nhất định, tìm hiểu thêm tương tác giữa đời sống tín ngưỡng, tâm linh với linh thần trong truyền thuyết. Theo đó luận văn sẽ tập trung khảo sát những biểu hiện uy linh, phù trợ của nhân vật thần linh được thể hiện trong cấu tạo thể loại tác phẩm và hệ thống truyền thuyết Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Để thực hiện đề tài, chúng tôi tiến hành khảo sát tất cả các truyền thuyết trong các tuyển tập đã xuất bản thời phong kiến và hiện nay. Vì số lượng lớn nên có thể chúng tôi sẽ chọn lựa một số truyền thuyết tiêu biểu. Cho dù vậy, con số khảo sát cũng sẽ đến hàng trăm truyện.

Ngoài ra, đề tài còn tham khảo thêm tất cả những tài liệu về đời sống tâm linh có liên quan đến thể loại truyền thuyết.

Để đảm bảo dung lượng của một luận văn thạc sỹ, chúng tôi chỉ tập trung vào hệ thống linh thần trong truyền thuyết người Việt (Kinh). Tuy vậy, một số truyền thuyết của dân tộc ít người có tương tác về mặt văn hóa với người Việt cũng được chúng tôi khảo sát.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn nhằm hệ thống, phân loại, miêu tả kết cấu của nhóm truyền thuyết linh thần và tìm hiểu mối quan hệ giữa nó với đời sống tín ngưỡng, tâm linh Việt Nam. Từ đó có thể thấy được sức sống, sự vận động của những truyền thuyết này trong đời sống tinh thần, tâm linh, tín ngưỡng của dân tộc.

Xác định nhiệm vụ khoa học này, luận văn sẽ tập trung vào mấy vấn đề sau:

Thứ nhất, tổng hợp các tư liệu đã công bố bằng văn bản, xử lý triệt để nguồn tư liệu ấy.

Thứ hai, hệ thống, phân loại và mô tả kết cấu nhóm truyền thuyết linh thần.

Thứ ba, tìm hiểu mối quan hệ giữa truyền thuyết linh thần với đời sống tín ngưỡng, tâm linh của các cộng đồng dân tộc Việt Nam.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong phạm vi luận văn, chúng tôi đã sử dụng những phương pháp cụ thể sau:

5.1. Phương pháp thống kê, miêu tả

Sử dụng số liệu thống kê làm cơ sở phát hiện sự tồn tại của các dạng linh thần trong hệ thống truyền thuyết linh thần.

Miêu tả kết cấu, đặc điểm nội dung từng mảng, nhóm của truyền thuyết linh thần.

5.2. Phương pháp loại hình lịch sử

Phương pháp này giúp chúng tôi khảo sát từng văn bản truyền thuyết và cả hệ thống truyền thuyết dân gian về linh thần. Đặt tác phẩm trong bối cảnh lịch sử - xã hội để hình dung sự vận động hai chiều của nó: sự khúc xạ của lịch sử vào tác phẩm và sự soi chiếu ánh hào quang của tác phẩm lên trên nền lịch sử, đặc biệt là biểu hiện của nó qua các thời đại.

5.3. Phương pháp cấu trúc

Với phương pháp này, chúng tôi chú trọng phân tích kết cấu tác phẩm dưới góc độ cốt truyện, cấu tạo nhân vật, các hình thức hiển linh, các motif tiêu biểu.

5.4. Phương pháp nghiên cứu liên ngành

Phương pháp này được sử dụng để nghiên cứu các tác động của văn hóa, lịch sử và đặc biệt là dân tộc học vào các thành tố của truyền thuyết để tạo cơ sở cho việc lý giải những vấn đề đặt ra trong đề tài.

6. Đóng góp mới của luận văn

Với đề tài “Linh thần trong truyền thuyết Việt Nam” luận văn sẽ góp phần làm rõ kiểu truyền linh thần trong truyền thuyết Việt Nam. Phần nào luận văn sẽ giúp hiểu mối quan hệ giữa truyền thuyết với tập tục, tín ngưỡng và vai trò của nó trong đời sống tâm linh dưới góc độ hệ thống và cấu tạo tác phẩm.

7. Cấu trúc luận văn

Luận văn có tất cả là 129 trang (chưa kể phụ lục). Ngoài mở đầu, kết luận và danh mục các tài liệu tham khảo, nội dung luận văn được triển khai trong 3 chương.

Chương 1: Những vấn đề chung liên quan đến đề tài

Trong chương này, chúng tôi nêu lên những tiền đề cơ bản để nghiên cứu truyền thuyết linh thần Việt Nam như nghiên cứu mối quan hệ giữa linh thần với đời sống tâm linh, tín ngưỡng người Việt. Cụ thể là tìm hiểu đời sống tín ngưỡng ở Việt Nam, những biểu hiện của tâm linh trong đời sống tín ngưỡng người Việt: tâm linh với tín ngưỡng sùng bái tự nhiên, sùng bái con người. Ngoài ra, ở chương này,

luận văn cũng khái quát nên những quan niệm về linh thần như việc tìm hiểu các khái niệm về linh thần và một số khái niệm khác có liên quan. Vấn đề mối quan hệ giữa truyền thuyết linh thần và thần tích cũng là một trong những vấn đề liên quan đến đề tài và cũng được chúng tôi đề cập đến trong chương 1. Sau cùng là phần giới thiệu truyền thuyết linh thần, một trong những bước cần thiết để xác lập hướng đi cho các chương tiếp theo.

Chương 2: Thống kê, phân loại truyền thuyết linh thần Việt Nam

Chương này có nhiệm vụ thống kê, phân loại truyền thuyết linh thần Việt Nam. Để thực hiện nhiệm vụ này, chúng tôi tiến hành khảo sát các nguồn tư liệu có liên quan và đánh giá tình hình của chúng để có được kết quả thống kê một cách khách quan. Vấn đề dị bản của truyền thuyết linh thần cũng được chúng tôi nêu ra như một đối chứng cần thiết cho việc thống kê và phân loại. Từ đó, luận văn sẽ tổng hợp, khái quát, phân loại, mã hóa những tiểu loại truyền thuyết linh thần như truyền thuyết về nhân vật “hóa thân” từ linh thần đời trước, truyền thuyết về nhân vật “hóa Thánh” trở thành linh thần, truyện kể về nhân vật truyền thuyết có yếu tố linh thần phò trợ, truyện kể về sự “hóa thân” truyền đời của linh thần qua nhân vật truyền thuyết.

Chương 3: Đặc điểm cấu tạo truyền thuyết linh thần

Trong chương này, luận văn sẽ tiến hành mô tả và phân tích cấu tạo truyền thuyết linh thần dựa trên các tiêu chí: cốt truyện, kiểu nhân vật của truyền thuyết linh thần, các hình thức hiển linh của linh thần trong truyền thuyết và một số motif tiêu biểu của truyền thuyết linh thần. Ở nội dung cốt truyện của truyền thuyết linh thần, luận văn sẽ lần lượt mô tả và phân tích cấu tạo của các nhóm truyền thuyết: nhóm truyện về nhân vật truyền thuyết được “hóa thân” từ linh thần đời trước, nhóm truyện có “yếu tố hiển linh” của linh thần, nhóm truyện về nhân vật có công được “hiển Thánh” trở thành linh thần, truyện kể về nhân vật truyền thuyết được “hóa thân” từ linh thần đời trước và tiếp tục “hóa Thánh” sau khi có công để hiển linh âm phù người đời sau. Nội dung kiểu nhân vật linh thần và các hình thức hiển linh sẽ được chúng tôi phân tích như là một trong những đặc điểm quan trọng của

truyền thuyết linh thần. Đối với vấn đề một số motif tiêu biểu của truyền thuyết linh thần sẽ được chúng tôi khảo sát ở 4 motif chủ yếu: motif sinh nở thần kỳ, motif “Ngài hóa”, motif hiển linh, motif giấc mơ, điềm báo.

Tóm lại, với ba chương quan trọng của luận văn, người viết mong muốn làm rõ những vấn đề nổi bật, trọng tâm của đề tài qua đó góp phần hình thành nên cái nhìn hệ thống, mạch lạc về thể loại truyền thuyết linh thần Việt Nam.

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1 - NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Mối quan hệ giữa linh thần với đời sống tâm linh, tín ngưỡng người Việt

1.1.1. Đời sống tín ngưỡng ở Việt Nam

Việt Nam là một dân tộc có đời sống văn hóa, đời sống tâm linh, tín ngưỡng lâu đời, đa dạng, phong phú, đặc sắc. Đời sống ấy được biểu hiện thông qua cách nhìn, cách nhận thức của con người về vũ trụ, thế giới, nhân sinh.

Như mọi dân tộc khác, từ xa xưa, người Việt đã hình thành nên một thứ vũ trụ luận cho riêng mình. Điều đó được biểu hiện qua việc thờ cúng totem (vật tổ), vật linh với những dấu vết lưu lại trong nhiều công trình kiến trúc, trong các phong tục, tín ngưỡng, trong các lễ hội, diễn xướng dân gian. Đó là tục thờ chim, tục thờ những loài thủy tộc (rồng, rắn, cá sấu, giao long, ba ba, thường luồng, ...) của người Việt cổ cũng như ở các cư dân miền núi. Tín ngưỡng cổ nhất của người Việt là hai totem: rồng - chim. Chúng đã hòa hợp thành biểu tượng cha Rồng - mẹ Tiên (Lạc Long Quân - Âu Cơ), và được xem là totem giáo chung của dân tộc buổi đầu dựng nước. Đời sống tâm linh ấy ăn sâu vào trong tiềm thức cư dân mọi vùng miền và trở thành một năng lực sống qua mọi thời đại.

Như vậy, đời sống tâm linh, trước hết, được hiểu là tinh thần, tâm hồn, tình cảm hướng về thế giới siêu thực của một cá nhân hay cộng đồng được bảo lưu qua nhiều thế hệ và có vai trò chi phối đến cuộc sống. Thực ra, để hiểu cho đúng nghĩa của nó, chúng tôi phải tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Tuy cùng xuất phát từ một khái niệm nhưng cách hiểu và lý giải vẫn có nhiều chỗ lệch nhau về cấp độ nhận thức. Theo cách hiểu đơn giản nhất trong *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên) và *Từ điển tiếng Việt 2000*, tâm linh được hiểu là “tâm hồn, tinh thần”. Trong đó, “tâm hồn” là “ý nghĩ và tình cảm làm thành đời sống nội tâm, thế giới bên trong của con người” [66, tr.896] và “tinh thần” là “tổng thể nói chung những ý nghĩ, tình cảm, những hoạt động thuộc về đời sống nội tâm của con người” [66; tr.994]. Cách

hiểu như vậy thiên về khoa học tâm lý hiện đại mà chưa đề cập đến mặt vô thức, siêu nghiệm của con người trước bí hiểm của thế giới. Dù sao cách hiểu thế giới tâm linh là thế giới tâm hồn, thế giới tinh thần, tình cảm của con người cũng không phải sai nhưng chưa đề cập đến chiều sâu, tính đa dạng của nó.

Vấn đề này còn được chú giải sâu hơn ở khía cạnh: *tâm linh* là khả năng phán đoán, biết trước sự việc sẽ xảy đến. Trong *Đại từ điển tiếng Việt*, *tâm linh* là “khả năng cảm nhận, đoán định trước các biến cố xảy ra với mình” [98, tr.1502]. Tương tự, trong *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên), *tâm linh* là “khả năng biết trước một số biến cố nào đó sẽ xảy ra đối với mình, theo quan niệm duy tâm” [66, tr.897]. Vậy, trong trường hợp này, *tâm linh* được hiểu với nghĩa “tiên tri”.

Dưới góc độ thế giới quan và vũ trụ quan, *tâm linh* được hiểu là các hiện tượng gắn với thế giới của người đã khuất. Trong tiếng Anh có hai thuật ngữ đề cập đến vấn đề này. Thuật ngữ *spiritism* (thuyết thông linh) và *spiritualism* (thuyết duy linh; việc duy linh). *Thuyết thông linh* (spiritism) giả định về một số hiện tượng liên quan đến thế giới siêu nhiên cần sự can thiệp của người chết, người sống có thể liên lạc với người chết qua lực lượng trung gian là thế giới đồng cốt, những ông bóng, bà bóng, những người được tin là có khả năng trò chuyện với người chết. *Thuyết duy linh* (spiritualism) là niềm tin tôn giáo, triết học về sự tồn tại sau cái chết. Chủ nghĩa duy linh tin rằng có linh hồn, âm hồn, thánh thần, cõi thiêng luôn tồn tại. Như vậy, trong trường hợp này *tâm linh* được hiểu là niềm tin thiêng liêng vào sự tồn tại bất tử của linh hồn, là khả năng thông linh với linh hồn, hay nói cách khác là mối quan hệ giữa thế giới thực tại và thế giới siêu thực.

Ngoài ra, trong *Hán - Việt từ điển* của Đào Duy Anh, *tâm linh* còn được định nghĩa là “cái trí tuệ có trong lòng người” [5, tr.243]. Nếu như con người có trí não để tư duy, phán xét sự việc theo quy luật khách quan của lí trí thì tinh thần, tình cảm, tâm hồn của con người cũng chứa đựng một “trí thông minh”, một “trí tuệ” để cảm nhận những gì diễn ra ngoài quy luật khách quan mà tư duy lí tính không phán đoán được. Với ý nghĩa này, *tâm linh* có thể hiểu là trí tuệ của tâm hồn.

Khái niệm *tâm linh* còn có thể được xét ở hình thức ngôn từ của chính nó và nhất là từ thực tiễn đời sống tinh thần của con người. *Tâm linh* gồm hai chữ “tâm” và “linh”. Chữ “tâm” ở đây được hiểu là “tâm niệm”, nghĩa là “thường xuyên nghĩ tới và tự nhắc mình để ghi nhớ, làm theo”. Có thể hiểu “tâm” trong “tâm linh” là niềm tin. Còn “linh” là “thiêng” trong linh thiêng, thiêng liêng. Vậy, “tâm linh là niềm tin của con người vào sự linh thiêng”. Tâm linh là một phần quan trọng, không thể thiếu trong đời sống tinh thần con người, nó quan trọng với mỗi cá nhân và cả cộng đồng. Bởi, con người sống trên cõi đời, ngoài sự hiện hữu của thể xác còn tồn tại mặt tâm linh của tâm hồn. Mặt hiện hữu thường được nhận thức bằng lí trí, lí tính còn tâm linh thường gắn với nhận thức cảm tính. Tâm linh có khuynh hướng gắn với cái gì đó rất trừu tượng, mông lung, nhưng lại cần thiết cho việc cân bằng đời sống tinh thần con người. Vì, “con người sở dĩ trở thành con người, một phần căn bản là do nó có đời sống tâm linh” [58, tr.36].

Một khía cạnh khác của *tâm linh* là thế giới của cái thiêng liêng, cao cả mà con người luôn hướng tới, luôn tin tưởng nên nó có giá trị gắn kết cộng đồng trên cơ sở cái thiêng liêng, cao cả ấy. Thế giới tâm linh là vô hình nhưng nó lại được biểu hiện qua những hoạt động hữu hình trong đời sống hằng ngày của con người. Do vậy, tâm linh có mặt trong đời sống tinh thần, đời sống xã hội và đời sống tôn giáo, tín ngưỡng “không chỉ có Thượng đế, có Chúa, Trời, Thần, Phật mới thiêng liêng mà cả Tổ quốc, lòng yêu thương con người, sự thật, công lí cũng thiêng liêng không kém” [85, tr.8]. Từ tính chất đa nghĩa, đa trị ấy mà Nguyễn Đăng Duy đã phát biểu về khái niệm *tâm linh* một cách khá toàn diện: “*Tâm linh là cái thiêng liêng, cao cả trong cuộc sống đời thường, là niềm tin thiêng liêng trong cuộc sống tín ngưỡng Tôn giáo. Những cái thiêng liêng cao cả, niềm tin thiêng liêng đọng lại ở những không gian, biểu tượng, hình ảnh, ý niệm thiêng liêng*” [16, tr.299].

1.1.2. Biểu hiện của tâm linh trong đời sống tín ngưỡng

Rõ ràng, có nhiều cách hiểu về *tâm linh*. Song, biểu hiện của nó trong đời sống tín ngưỡng, tinh thần của người Việt thì như thế nào?

Có thể nói, đời sống tâm linh của người Việt được biểu hiện ở niềm tin vĩnh cửu của họ vào “cái thiêng”, vào “hoàn cảnh thiêng”, “không gian thiêng”, “thời gian thiêng”. Đó là những hoàn cảnh, những nỗi niềm riêng tây. Đó là không, thời gian của trời, thần, Phật, của thế giới bên kia; của ngày Giỗ, Tết, lễ hội, ...

Không, thời gian đó là thời điểm thuận lợi giúp con người, lòng người giao hòa cùng đất trời, cùng các thế lực siêu nhiên, các thế lực thiêng liêng. Trong những hoàn cảnh ấy, trong không gian, thời gian tâm linh ấy tâm hồn con người thật sự được giải tỏa. Con người có thể cầu mong cho mình và người thân những điều tốt lành, có thể cởi bỏ những ưu phiền đeo mang trong lòng.

Người Việt có phong tục thắp nén hương lên bàn thờ gia đình, cầu mong tổ tiên, thần hộ mệnh thiêng liêng phù hộ cho gia đình bình yên, mạnh khỏe, ăn nên làm ra vào các ngày rằm, mùng một. Điều đó giúp con người yên tâm thanh thản làm ăn, tâm linh được giải tỏa. Nhu cầu thể hiện niềm tin vào sự thiêng liêng được đáp ứng. Như vậy, tâm linh là niềm tin vào sự thiêng liêng có ở trong mỗi con người, trong mỗi gia đình, trong khắp cộng đồng.

Tâm linh được thể hiện trong nhiều mặt của đời sống tinh thần con người, nhất là trong tín ngưỡng, tôn giáo. Trước đây, khi nói về việc thờ cúng thần, Phật, người ta thường dùng thuật ngữ *linh thiêng*, kèm theo những khái niệm *tối linh*, *linh ứng*, *linh nghiệm*, những từ này chỉ nói được về một phía thần, Phật (linh thiêng). Chữ *tâm linh* nói lên được cả hai phía thần, Phật “linh thiêng” và niềm tin của con người vào sự linh thiêng ấy.

Việt Nam là dân tộc có truyền thống nông nghiệp lúa nước rất đặc trưng. Đời sống tâm linh của người Việt thể hiện ở tín ngưỡng sùng bái tự nhiên, sùng bái con người. Trước những điều “thiên liêng” con người dùng lễ nghi để bày tỏ sự tôn kính, sùng bái. Đó cũng là nhân tố cơ bản hình thành và chi phối đời sống tâm linh của người Việt.

1.1.3. Tâm linh với tín ngưỡng sùng bái tự nhiên

Đời sống tâm linh, tinh thần của người Việt được thể hiện ở quan niệm cho rằng “mọi vật đều có linh hồn”. Đây là hiện tượng mà các nhà dân tộc học gọi là

thuyết “vạn vật hữu linh”. Thuyết này ngay từ đầu đã trở thành nhận thức phổ biến trong tiến trình phát triển của văn hóa nhân loại, khi “con người động vật trở thành con người xã hội” [53, tr.46]. Như trên có nói, tín ngưỡng của người Việt bắt đầu từ hiện tượng người Việt cổ thờ thần lửa, thần Mặt trời, thần nước (thủy thần); tục thờ các con vật hiền lành, gần gũi với cuộc sống của người nông dân: trâu, cóc, chim, rắn, cá sấu; thờ những con vật mang ý nghĩa biểu trưng: rùa, rồng. Xuất phát từ tín ngưỡng thờ vật tổ của một số tộc người sinh sống ở miền núi nước ta, rùa vàng vì thế cũng được xem là vật linh. Cùng với biểu tượng rồng - chim, rùa vàng cũng đi vào truyền thống văn hóa Việt và trở thành huyền thoại về sự ra đời của nhà nước Âu Lạc.

Từ khát vọng hòa hợp với tự nhiên vì một nhu cầu sống tốt đẹp hơn, người Việt có tục thờ cúng những hiện tượng, sự vật quanh mình như cây đa, bến nước, khe núi, mỏm đá nơi mình cư trú. Mỗi gia đình lại có tục khấn vái ngay tại bờ ruộng, góc ao, nơi sân, vườn, nơi những sự vật, hiện tượng gần bó và có quan hệ mật thiết với đời sống hàng ngày. Tục thờ cúng, khấn vái ấy thể hiện lòng thành kính, biết ơn đồng thời mong muốn một mối quan hệ hài hòa, nương tựa với tự nhiên.

Cùng với tục thờ những vật thiêng, người Việt còn có tục thờ các linh mộc là các loại cây to, cây cổ thụ “thần cây đa, ma cây gạo”. Người Việt quan niệm các con vật, đồ vật, cây cối sống lâu năm đều có thể thành tinh, có thần, ma trú ngụ. Vì thế, trong dân gian, bên cạnh việc thờ cúng các vị thần linh cao quý còn có tục cúng vái, yểm bùa trừ ma quỷ trong các tinh vật.

Với nền nông nghiệp lúa nước, tôn trọng và gần bó mật thiết với thiên nhiên, tín ngưỡng sùng bái tự nhiên của người Việt được biểu hiện thành các nghi thức tế, lễ như lễ tế thần nông, lễ cầu mưa, lễ tế trời, đất, trăng, sao, ... “Sự thờ cúng thần sông nước thể hiện trong một lễ hội có dấu vết vào đầu những năm 20 thế kỷ IX, ở ngay những người bản xứ thuộc tầng lớp trên” [90, tr.54], hay như “lễ đua thuyền nhằm vào ước vọng cầu được mùa” [90, tr.54]. Thậm chí cả hiến tế bằng mạng người. Có thể tìm bằng chứng về cổ tục này từ những hình tượng trên các trống

đồng xưa có chạm khắc các cảnh hành hình hiến tế thần sông nước. Lê Quý Đôn còn kể chuyện vua Lý đầu mắt được thần báo mộng chỉ cho phép chữa lành bằng cách xem coi “người nào đến chỗ bến sông này, hỏi họ thích gì thì ban cho đầy đủ rồi quẳng xuống sông” [90, tr.55].

Với người Việt, bên cạnh tín ngưỡng “vạn vật hữu linh” người Việt còn có tín ngưỡng đa thần. Trong tín ngưỡng đa thần của mình, người Việt cho rằng trời đất không chỉ là những vị thần quyết định sự thành bại của nghề nông, nhà nông mà còn là đẳng tối cao linh thiêng định đoạt phúc họa, vận số, may rủi cho con người. Vì vậy, trong dân gian việc tế, lễ trời đất với ý nghĩa cầu khẩn, cảm tạ khá phổ biến. Nho giáo quan niệm “trời đất là nguồn gốc sinh ra tất cả muôn loài muôn vật” [16, tr.117]. Vì thế, trong thế giới tâm linh của con người, Trời là đẳng tối cao ngự trị có quyền năng vô hạn. Trời còn được gọi bằng nhiều tên khác nhau: hóa nhi, hóa công, hồng quân, ông xanh, ông tơ... Thập hương van vái, khẩn nguyện, thề nguyện trước trời đất là những ứng xử tâm linh mang đậm dấu ấn người Việt nhằm tạo dựng cuộc sống hạnh phúc cho mỗi cá nhân. Đây cũng là cách thức thông linh với trời đất trong tâm thức người Việt.

1.1.4. Tâm linh với tín ngưỡng sùng bái con người

Nếu như tín ngưỡng sùng bái tự nhiên trong đời sống tâm linh, tinh thần người Việt được thể hiện ở quan niệm “mọi vật đều có linh hồn”, ở quan niệm địa linh nhân kiệt, khí thiêng sông núi thì tín ngưỡng sùng bái con người của người Việt được thể hiện ở niềm tự hào về dòng giống Rồng - Tiên. Niềm tự hào ấy được tích tụ và kết tinh thành huyền thoại “bọc trăm trứng nở trăm con” trong truyền thuyết “Lạc Long Quân - Âu Cơ”.

Bên cạnh đó, người Việt Nam còn quan niệm vũ trụ này là sự tồn tại của ba thế giới: thiên giới - địa giới - trần giới hay thiên đàng - địa ngục - trần gian. Con người không chỉ hiện hữu trong thế giới của chính mình mà còn vĩnh hằng trong thế giới của trời, Phật, thần thánh, ma quỷ. Thực ra, vũ trụ luận này mang tính phổ quát toàn nhân loại chứ không riêng gì ở người Việt. Bởi thế, tín ngưỡng sùng bái con người của người Việt thể hiện đậm nét ở niềm tin vào thế giới vĩnh hằng của con

người sau khi chết. Nghĩa là, người Việt tin rằng những người thân yêu của mình sau khi chết đi sẽ “hóa” thành một thể phách khác có thể “âm phù dương thế” cho họ. Từ niềm tin thiêng liêng trong phạm vi gia đình, dòng tộc ấy, người Việt kết nối thành niềm tin trong phạm vi cộng đồng làng xã, dân tộc.

Từ tín ngưỡng sùng bái con người, người Việt cho rằng, con người ngoài sự tỉnh thức của lí trí còn có một thế giới của chiêm bao, mộng mị, bói toán, của điềm báo, điềm lạ, ... Dù *thiên cơ bất khả lậu* nhưng người Việt vẫn thích xem bói, thích bói toán. Họ luôn có nhu cầu muốn biết trước số mệnh của mình để cầu xin trời, đất, thần, Phật, tổ tiên phù hộ, độ trì cho tai qua nạn khỏi, bình an, may mắn. Nằm mộng hay giấc chiêm bao và cả niềm tin vào các điềm lạ, điềm báo trong tự nhiên cũng là một trong những biểu hiện thường nhật trong đời sống tâm linh người Việt. Khi con người có những điều lo sợ in dấu trong đời sống hằng ngày thì nỗi sợ ấy sẽ trở đi trở lại trong những giấc chiêm bao của họ. Hoặc, khi có nhu cầu về những vấn đề nào đó thì nỗi khát khao, mong muốn ấy cũng thường trực trong những giấc mơ. Hay, tin vào những điềm lạ, điềm may vẫn thường xảy ra trong tự nhiên như tiếng chim kêu, tiếng thú rừng kêu, hoặc một hình ảnh, một biểu tượng có tính chất báo động nào đó để ngầm đoán định trước tương lai.

Người Việt xưa quan niệm rằng con người không chỉ có phần *thể xác* mà còn có phần *linh hồn*. *Linh hồn* chỉ được sinh ra sau khi con người chết. Nói cách khác, khi *thể xác* con người bị tan rã thì vẫn tồn tại cái gọi là *linh hồn*. Khi thể xác chết đi, linh hồn bắt đầu đi vào thế giới thuộc về nó (thế giới âm), thế giới này tồn tại theo một dạng thức riêng, ngoài tầm hiểu biết của con người bình thường mà đối với giới thiền sư quan niệm đó là một thế giới siêu hình, ngoài tầm mô tả của ngôn ngữ, nó chỉ được “nhìn thấy” trong trạng thái thiền định, cảm nhận, hoặc bằng những luân xa bí ẩn.

Phần *linh hồn* được cho là vĩnh hằng, bất tử. Con người khi chết chỉ mất đi *phần xác* còn lại *phần hồn*, *phần hồn* đi từ cõi dương gian đến cõi âm ty, cõi *sống* của người chết. Phần *hồn* này luôn quanh quẩn bên cạnh người sống. Người sống có thể hỏi ý kiến, xin phép, khấn nguyện với người chết những điều họ mong muốn.

Điều nổi bật ở tư duy về “sống - chết” này (như cốt lõi của mọi tín ngưỡng và tôn giáo), đó là không có sự ngăn cách tuyệt đối giữa người sống và người chết. Chết không phải là hết, mà là chuyển từ trạng thái sống này sang trạng thái sống khác, đó chỉ là sự “khuất núi”, nghĩa là vẫn ở trên mặt đất này nhưng ở bên kia núi, sự xa cách được rút lại. Chết là một khởi đầu cho sự tái sinh. Ở đây, chúng ta bắt gặp một nét quan trọng trong tâm thức người Việt: cõi âm là cõi vĩnh hằng của con người. Không phải “đi sang cõi âm” mà là “về cõi âm” “xem cái chết như về nhà mới”. “Về”, khái niệm này hàm nghĩa một sự trở về và là một sự trở về với nơi cũ. “Về”, không chỉ là tiếp nối sự sống sau cái chết, nó còn hơn là một sự tiếp nối đơn thuần, đó là sự tồn tại vĩnh hằng sau cái chết. Chết đối với người Việt không phải là một sự trừng phạt ghê gớm, người ta coi đó là quy luật tự nhiên của Tạo hoá. Vì thế, theo quan niệm xưa, con người, tuy chết đi nhưng phần tinh anh vẫn còn. Nho giáo cho rằng “cái chết chỉ là thể xác còn khí dương tinh thần tinh anh bay lên không trung, có thể trở thành thần thánh”, “thác là thể phách, còn là tinh anh”, “Người ta thường rất hay tin rằng linh hồn của vị thần đã hóa thân, sau khi chết sẽ chuyển vào một hiện thân khác của vị thần ấy” [39, tr.475]. Dân gian còn tin rằng các vị anh hùng có công lập làng, giữ nước, tổ các ngành nghề “sống khôn thác thiêng”, sau khi “hóa Thánh” tiếp tục “hiển linh âm phù” người đời sau trong công cuộc làm ăn sinh sống, giữ làng giữ nước.

Đối với người Việt, thần là các vị có công dựng làng, giữ nước, tổ nghề, thần là biểu tượng gắn với cuộc sống địa phương. Có những vị dần dần được nâng lên khỏi cộng đồng lớn hơn gọi là thần của dân tộc. Trong tâm linh người Việt xưa, thần là những vị hộ mệnh thiêng liêng cho cuộc sống chiến thắng thiên tai địch họa, cuộc sống ăn nên làm ra. Thần với người như đồng hành, ở đâu có người cư trú thì ở đó có thần. Thờ thần được tiến hành chủ yếu ở làng. Tín ngưỡng thờ thần của người Việt còn mở rộng phạm vi ra ngoài gia đình, dòng tộc. Người Việt, ngoài việc thờ cúng các vị thần tại gia còn thờ cúng các vị thần linh chung của thôn, xã, làng hoặc toàn cộng đồng dân tộc. Đó là tục thờ thần Thành hoàng, vị thần cai quản, che chở, âm phù, định đoạt phúc họa cho dân làng. Thành hoàng vốn là những người có

“lí lịch” không hay ho gì như trẻ con, ăn mày, ăn trộm, gắp phân, người mù... và loại này được gọi là tà thần. Những người này được thờ vì theo niềm tin của dân làng, họ chết vào giờ thiêng nên đã ra oai (gây dịch bệnh, hỏa hoạn, chết chóc...) khiến cho dân làng nể sợ.

Trong phạm vi quốc gia, dân tộc, người Việt Nam có tín ngưỡng thờ Vua tổ - vua Hùng. Mảnh đất Phong Châu (Vĩnh Phú), nơi đóng đô của các vua Hùng khi xưa được xem là Đất tổ. Ngày mùng 10 tháng 3 (âm lịch) là ngày Giỗ tổ. Bên cạnh đó, người Việt Nam còn có tín ngưỡng thờ *tứ bất tử*: Tản Viên, Thánh Gióng, Chử Đồng Tử và Bà chúa Liễu Hạnh. Tín ngưỡng ấy thể hiện những giá trị văn hóa tinh thần cao đẹp của dân tộc, một dân tộc vừa lao động sản xuất vừa chiến đấu chống thù trong giặc ngoài trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước.

Tóm lại, tâm linh với tín ngưỡng người Việt là một vấn đề lớn. Trong phạm vi đề tài, chúng tôi nhận thấy vấn đề này ít nhiều có liên quan đến việc lý giải các hiện tượng linh thần trong truyền thuyết người Việt như nguồn gốc lai lịch, tài đức, sự nghiệp, chết thần kỳ, hiển linh âm phù, đặc biệt là các motif sinh nở thần kỳ, motif “Ngài hóa”, motif hiển linh và motif giấc mơ, điềm báo của linh thần trong kết cấu truyền thuyết. Đây là cơ sở khoa học quan trọng làm tiền đề cho việc khảo sát cách tổ chức của linh thần trong tác phẩm thể loại cụ thể.

1.2. Quan niệm về linh thần

1.2.1. Khái niệm về linh thần

Giữa linh thần với đời sống tâm linh, tín ngưỡng người Việt có mối quan hệ khăng khít. Vì vậy, để triển khai đề tài, chúng tôi thấy cần làm rõ một số khái niệm công cụ sau đây.

Trước hết, cần hiểu *linh thần* là gì? Mối quan hệ giữa *linh thần* với đời sống tâm linh, tín ngưỡng được biểu hiện như thế nào?

Có nhiều cách hiểu về khái niệm *linh thần*. Có người cho rằng *linh thần* và *thần linh* là một khái niệm vì cả hai đều là từ Hán - Việt và chỉ khác nhau ở trật tự từ. Cái gốc khái niệm này phải bắt đầu từ “thần”. Đây là một thực thể siêu phàm. *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới* của Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (NXB Đà

Năng, Trường Viết văn Nguyễn Du, 2002) giới thuyết về *thần* như sau: “Trong phần lớn những truyền thuyết xa xưa đều cho là mỗi con người có một thần linh đi kèm, gọi bằng nhiều tên khác nhau: là bản sao, quỷ thần hai vai, thiên thần hộ mệnh, vị cố vấn, trực giác của người đó, là tiếng nói của một lương tri siêu lí trí. Thần tượng trưng cho tia ánh sáng không thể bị khống chế và tạo ra niềm kiên tín sâu sắc nhất và mãnh liệt nhất. Thần tượng trưng cho bản thể tinh thần, tồn tại trong mỗi con người, xét về mặt thể xác hoặc tinh thần.” [40, tr.878]. Còn Nguyễn Đăng Duy thì cho rằng “Thần là vị tài giỏi phán bảo mọi điều mọi nhẽ” [16, tr.86]. Ở quan niệm thứ nhất, thần vừa là tượng trưng cho sự cao quý, siêu nghiệm, vừa gắn bó trong một con người. Điều đó cho thấy thần linh chính là sản phẩm của trí tuệ con người. Quan niệm thứ hai đề cập đến năng lực của thần. Đó là sự tiên nghiệm, tiên đoán. Trên đại thể thần là một năng lực siêu phàm. Tuy nhiên, trên thực tế, người ta thường gắn thần linh với những cá thể lịch sử có ý nghĩa đối với đời sống cộng đồng qua các thời đại. Đối với người Việt nói chung, thần là các vị có công dựng làng, giữ nước, tổ nghề, là biểu tượng gắn với cuộc sống địa phương. Bên cạnh đó, trong tâm linh người Việt xưa, thần là những vị hộ mệnh thiêng liêng cho cuộc sống nhằm chiến thắng thiên tai, địch họa, cuộc sống ăn nên làm ra của con người. Người Việt xem thần với người như đồng hành, ở đâu có người cư trú thì ở đó có thần.

Nếu *thần* hay *thần linh* là một khái niệm mang ý nghĩa khái quát, chỉ các vị thần nói chung thì *linh thần* trong truyền thuyết là một khái niệm dùng để chỉ sự hiển linh, linh thiêng, linh ứng, linh phù, oai linh, linh nghiệm,... của các vị vốn được “hóa thân” của đời trước nay hiện lên để phò trợ cho đời sau. “Người ta thường rất hay tin rằng linh hồn của vị thần đã hóa thân, sau khi chết sẽ chuyển vào một hiện thân khác của vị thần ấy” [39, tr.475].

Khái niệm *linh thần* còn dùng để khái quát sự hiển linh của các vị tổ nghề, các vị có công khai khẩn vùng đất mới, phù trợ cuộc sống yên bình và bảo vệ an nguy cho dân. Tóm lại, *linh thần* là khái niệm dùng để chỉ sự hiển linh của các vị “hóa Thánh” có khả năng trừ gian diệt ác, trấn yểm ma quỷ, tà thần ... Sự hiển linh

của các vị thần trong truyền thuyết được biểu hiện hoặc ở dạng trực tiếp “hữu hình” qua mô tả hình dáng hoặc ở dạng gián tiếp được “truyền lưu” trong lời kể, truyền tụng của dân gian. Và điều quan trọng là *thần linh* tồn tại ở một thế giới khác ta, khi hiển linh là chuyển sang thế giới thực tại. Đó là sự chuyển đổi vị trí của *thần linh* giữa hai thế giới tồn tại song song.

Như vậy khái niệm *linh thần* được xác định gồm những tiêu chí sau:

Thứ nhất, *linh thần* là những vị có gốc tích từ thần linh hoặc hiển linh từ những người có công và điều hóa thân vào người đời sau. Dạng linh thần này thường có nguồn gốc từ thiên thần, nhiên thần (thủy thần, sơn thần, vật thần), là sự chuyển hóa từ thế giới trên trời hay là siêu phàm sang thế giới trần thế.

Thứ hai, *linh thần* phải có lực siêu phàm để trấn áp, chế ngự hoặc trợ giúp cho một đối tượng có liên quan.

Thứ ba, *linh thần* xuất hiện dưới dạng người, hay vật hoặc vô hình

Trong cấu tạo cốt truyện của một truyền thuyết hay thần tích, nhân vật linh thần thường xuất hiện với ít nhất một trong ba tính chất trên. Tất cả các cách hiểu của chúng tôi về khái niệm *linh thần* kể trên suy cho cùng đều liên quan trực tiếp đến kết cấu của kiểu truyện về linh thần trong thần tích. Điều này sẽ được chúng tôi làm rõ trong phần mô tả đặc điểm cấu tạo của truyền thuyết linh thần.

Thực ra, khái niệm *linh thần* thường gắn với khái niệm “hiển linh phù giúp” có nguồn gốc từ trong quan niệm của dân gian. Nếu trong truyền thuyết sự “hiển linh hóa thân” của linh thần đời trước vào nhân vật ở trần thế thì trong cổ tích đó là sự hiển linh của các đấng siêu nhiên như tiên (Đạo giáo), Phật, bụt (Phật giáo). Suy cho cùng, hình thức này trở thành một thủ pháp nghệ thuật không thể thiếu nhằm giúp nhân vật trong truyện hóa giải tình thế và đạt được ước mơ. Mô hình này đều có cùng một công thức: Thần linh, tiên, Phật (ở cõi Thiên giới) chuyển sang kiếp sống ở địa giới (tức trần gian) để thực hiện sứ mệnh phò trợ, giúp đỡ chủ yếu cho người lương thiện, yếu thế hay đang gặp trắc trở trong sự nghiệp lớn.

1.2.2. Các khái niệm liên quan

Có rất nhiều khái niệm biểu thị sự linh ứng của *linh thần* trong truyền thuyết Việt Nam. Để tìm hiểu các khái niệm này, chúng tôi phải tiến hành khảo sát cách gọi các hiện tượng liên quan đến *linh thần* và *hiển linh* ngay chính trong hệ thống truyền thuyết được khảo sát. Các cách xưng, gọi này xuất hiện trong các kiểu hiển linh với cách thức biểu thị sự linh ứng như: trực tiếp (hữu hình), tức được miêu tả qua ngoại hình và gián tiếp (truyền lưu), tức lưu truyền qua lời truyền tụng của truyền thuyết.

Hiển linh là sự chuyển hóa từ dạng thần linh sang dạng thức người ở cõi trần gian có điều kiện. Vì vậy, những hiện tượng “hiển linh” trong cốt truyện chỉ xuất hiện sau khi có sự cố và thường ở đó phải có sự khẩn cầu. Riêng trường hợp nhân vật truyền thuyết từ đầu là “hóa thân” của thần linh thì không được gọi là “hiển linh”. Cho nên, chúng tôi nhận thấy truyền thuyết không dùng khái niệm này để chỉ sự “hoá thân” từ sự hiển linh của linh thần đời trước vào nhân vật mà chủ yếu dùng các cách biểu đạt như: *giáng sinh, giáng thế, giáng trần, giáng xuống* (66 lượt xuất hiện), *đầu thai* (45 lượt), *trời cho* (21 lượt), *từ trời rơi vào, rơi xuống, chui vào, sa vào, sà xuống* (13 lượt) và một số cách gọi khác với tần suất xuất hiện rải rác: *quấn quanh người, phủ quanh mình, bao trùm lên thân thể, bay lên quấn chung quanh người, phủ lên mình, diễu quanh mình, hóa thân thành, hóa thành người...* Với kiểu hiển linh này, truyện chủ yếu kể về sự “hóa thân” của linh thần đời trước vào nhân vật truyền thuyết thông qua motif giấc mơ, điềm báo, điềm mộng và linh thần hiển linh chủ yếu thông qua cách thức “hữu hình”. Trong khi đó, kiểu truyện kể về *nhân vật truyền thuyết có sự hiển linh của linh thần phò trợ* và kiểu truyện kể về *nhân vật có công sau khi “hoá Thánh” trở thành linh thần hiển linh âm phù người đời sau*, chúng tôi nhận thấy có rất nhiều cách gọi chỉ sự linh ứng của linh thần trong cốt truyện. Vì sự phức tạp ấy nên chúng tôi thấy cần phải thống nhất một số cách sử dụng khái niệm.

Trước hết, xin quy ước khái niệm “hiển linh hữu hình” tức chỉ các hiện tượng hiển linh dạng hóa thành một hình hài cụ thể. Thí dụ như truyện D.1, D.3,

D.31 kể về sự “hóa thân” của nhân vật truyền thuyết từ linh thần đời trước theo cách thức “hữu hình” như sau: “Người mẹ lên núi Bàn Thạch hái thuốc bị quái vật đầu gà thân rắn quấn lấy thân mình ba vòng sợ hãi ngất đi. **Trong mơ thấy một đại thần tướng, thân người đầu gà xưng hiệu Thiên Bồng vâng mệnh trời xin làm con.** Người mẹ thụ thai sinh được một con trai thân người đầu gà, trong lòng bàn tay có in dấu bốn chữ “Thiên Bồng chi ấn”” (D.1), “Hai vợ chồng **mơ thấy một người con trai dáng thanh tú** thừa mệnh Ngọc Hoàng thượng đế giáng sinh làm con. Bà mẹ thụ thai và sinh một cậu con trai hình dung tuyệt vời, diện mạo khôi kỳ, văn chương thông thái, võ bị tinh tường” (D.3), “Ông bà có tuổi muộn con, cầu tự ở đền Phù Đồng, Tiên Du. Đêm, ông bà ngủ mộng **gặp thần nhân cho biết sẽ được Ngọc Hoàng cho một người con trai, dẫn về nhà đúc một tượng đá, ngày đêm hương khói.** Nhân mộng ấy bà có thai sinh một người con trai khôi ngô tuấn tú, tướng mạo đường đường, uy nghiêm lắm liệt, mặt đỏ hồng hồng, sau lưng có dòng chữ lớn đề Thạch Thần Đại tướng quân, rốn rất sâu, lông chân màu đỏ, kỳ hình dị tướng, thân cao sáu thước, có sức khỏe trăm người không địch nổi” (D.31). Bên cạnh đó, đối với sự hiển linh của “linh thần đời sau” thì cách thức “hữu hình” cũng xuất hiện một cách cụ thể trong truyền thuyết qua lời kể của dân gian. Có thể tìm thấy cách thức hiển linh này trong rất nhiều truyện, chẳng hạn như truyện *Truyện núi Tản Viên* (bản khác của truyện D.5): “Vào những ngày quang đăng Sơn thần hiển hiện với bóng cờ xí thấp thoáng trong hang núi. **Sơn thần hiển linh cưỡi ngựa trắng trên mây nhả nước bọt vào thuật yểm những nơi linh tích ở An Nam của tướng giặc Cao Biền, nhà Đường, Trung Quốc**”, truyện C.9 kể rằng: “Vào thời Lý Nam Đế, quân Lâm Ấp cướp phá đất Nhật Nam. Đêm, **vua mộng thấy người đàn bà đội mũ trện, mặc áo giáp, tự xưng họ tên (Triệu Thị Trinh) xin theo đánh giặc**”, truyện C.10 cũng kể: “Đời vua Lê Đại Hành đánh giặc Tống xâm lược. Vua đem quân từ Hoa Lư ra chống giặc. Quân đến trang Xuyên Bảo nghỉ lại. Đêm, **vua mộng thấy một người con gái xin âm phù giết giặc.** Nàng hiển dâng kế sách và hẹn khi vua ra trận sẽ hiển linh phù trợ. Vua hỏi họ tên nàng nhận là bà Chén ở Xuyên Bảo trang”...

Tương tự, chúng tôi cũng quy ước khái niệm “hiển linh truyền lưu” là khái niệm dùng để chỉ việc nêu sự hiển linh qua lời kể biểu thị thái độ sùng kính mà không mô tả hình dáng cụ thể. Chẳng hạn, truyện D.1, D.4, kể về sự hiển linh qua “truyền lưu” của linh thần như sau: “Về sau, Tản Viên Sơn Thánh cùng các tướng phụng mệnh Hùng Duệ Vương đánh giặc Thục có làm lễ mật đảo Thiên Bồng đại vương xin được âm phù hộ quốc và được toàn thắng” (D.1), “Trải các triều Đinh, Lê, Lý, Trần thần đều có hiển linh giúp nước giữ dân, cầu mưa cầu nắng được mưa được nắng” (D.4), truyện G.5 cũng kể: “Sau khi “hóa”, bà (Cảo Nương) rất linh thiêng, cầu mưa, cầu tỵ đều có linh nghiệm. Bà còn hiển linh âm phù Thánh Tổ nhà Trịnh đánh nhà Mạc”, truyện *Truyện hai anh em Tây Hải đại vương* (bản khác của truyện A.33) cũng kể: “Từ đó thần linh thiêng hiển hách, cầu tất được, khẩn ắt thông”, truyện C.1 thì kể: “Trải các triều Tiền Lý, Hậu Lý, Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Tây Sơn, Nguyễn hai vị đều có hiển linh phù nước hộ dân, cầu mưa đảo hạn nên các triều đều gia phong mỹ tự”. So với các truyện trên, những truyện này không mô tả hình dáng linh thần.

Sau đây là cách sử dụng các khái niệm:

Kiểu truyện có “yếu tố hiển linh” của linh thần phò trợ nhân vật truyền thuyết (mộng thần) với cách thức **hữu hình**, có 23 cách gọi/130 truyện (17.69%) và số lần xuất hiện của các cách gọi này là 105 lượt. Cụ thể cách gọi như sau: *hiển linh* (43 lượt), *âm phù* (10 lượt), *hiển linh âm phù* (7 lượt), *mách tìm/ hiển lên mách bảo/ thần nhân bảo* (6 lượt), *nghe thấy/ chợt thấy/ mộng thấy/ mộng báo* (8 lượt), *hiển linh báo mộng/ hiển linh báo trước* (4 lượt), *linh ứng/ anh linh/ ứng nghiệm phù hộ* (6 lượt), *linh thiêng hiển hách* (2 lượt), *uy linh* (2 lượt), *hiển ứng* (2 lượt), *trợ chiến* (2 lượt), *thần (miếu) giúp* (3 lượt), *hóa thân thành* (4 lượt), *hóa thành người* (3 lượt), *từ trời xuống* (3 lượt); với cách thức **truyền lưu**, có 7 cách gọi được dùng/130 truyện (5.38%), số lần xuất hiện của các cách gọi này là 21 lượt. Cần nói rõ thêm khái niệm “yếu tố hiển linh”. Đây là sự hiển linh với tư cách là tình tiết khi được kể. Tình tiết này khác với sự mô tả nhân dạng của thần linh. Vì vậy, tuy cùng hiển linh nhưng hai loại này chúng tôi vẫn xem là hai dạng thức khác nhau. Cụ thể như sau:

hiển linh (6 lượt), *âm phù* (4 lượt), *hiển linh âm phù* (5 lượt), *linh ứng/ ứng nghiệm* (4 lượt), *anh linh/ uy linh hiển hách* (2 lượt).

Kiểu truyện về nhân vật có công sau khi “hoá Thánh” trở thành linh thần *hiển linh âm phù* người đời sau, với cách thức **hữu hình**, có 14 cách gọi được dùng/131 truyện (10.68%) và số lần xuất hiện của các cách gọi này là 84 lượt. Cụ thể như sau: *hiển linh* (21 lượt), *âm phù* (19 lượt), *hiển linh âm phù* (16 lượt), *linh ứng* (10 lượt), *thiên/ linh thiên/ khí thiên/ dấu thiên* (7 lượt), *hiện ra/ hiện hình/ hiển hiện* (4 lượt), *anh linh* (2 lượt), *hiển ứng* (1 lượt), *linh thiên hiển ứng* (1 lượt), *hiển thánh* (1 lượt), *hiển báo âm phù* (1 lượt), *hiển phép oai linh* (1 lượt); với cách thức **truyền lưu**, có 35 cách gọi được dùng/131 truyện (28.24%), số lần xuất hiện của các cách gọi này là 145 lượt. Cụ thể như sau: *hiển linh/ linh hiển* (25 lượt), *hiển linh âm phù* (7 lượt), *âm phù/ phù giúp/ phù hộ* (13 lượt), *linh ứng* (18 lượt), *linh thiên/ thiên* (10 lượt), *hiển hiện/ hiển thánh/ hiển thánh uy linh/ hiển thánh anh linh* (4 lượt), *anh linh* (10 lượt), *hiển ứng* (8 lượt), *linh thiên hiển ứng/ linh thiên phù giúp/ linh thiên hiển hiện* (7 lượt), *linh ứng thần thông/linh ứng phò trợ/ linh ứng hiển hách/ linh ứng hiệu nghiệm/linh ứng âm phù* (6 lượt), *oai linh /anh linh biến hóa/anh linh hiển ứng/ ứng đạt* (6 lượt), *Linh nghiệm/ nghiệm* (5 lượt), *hiển ứng âm phù* (5 lượt), *linh thiên hiển hách* (5 lượt), *ứng nghiệm / ứng nghiệm sự linh thiên hiển hách* (11 lượt), *anh linh hiển ứng* (2 lượt), *linh dị* (1 lượt), *thần thiên* (1 lượt), *cầu gì được nấy* (1 lượt).

Thực ra, **xét về nghĩa** tất cả các khái niệm tìm được đều có quan hệ đồng đẳng, trực tiếp với khái niệm *linh thần* và suy cho cùng nghĩa của chúng không khác bao nhiêu so với khái niệm này. Nghĩa là, chúng đều chỉ sự linh ứng của thần thiên trong cấu tạo cốt truyện. Có khác chăng là tình huống xuất hiện cụ thể của chúng trong truyền thuyết (trực tiếp: *hữu hình* hay gián tiếp: *truyền lưu*).

Theo kết quả khảo sát trên thì, khái niệm “hiển linh” là khái niệm được dùng nhiều nhất so với các cách gọi khác để chỉ sự linh ứng của linh thần trong cấu tạo cốt truyện. Cụ thể, khái niệm “hiển linh” dùng trong các kiểu hiển linh của “mộng thần” và “linh thần đời sau” là 95/355 lượt, 26.76%. Bên cạnh đó, khái niệm “âm

phù” và “hiển linh âm phù” cũng là hai khái niệm được truyền thuyết sử dụng nhiều khi nói về sự linh ứng của thần thiêng (81/355 lượt, 22.81%). Từ đây, luận văn rút ra kết luận về việc sử dụng các khái niệm liên quan đến khái niệm linh thần như sau: Mặc dù kiểu truyện về linh thần trong truyền thuyết Việt Nam có sử dụng rất nhiều các khái niệm đồng đẳng để chỉ sự linh ứng của linh thần trong cấu tạo cốt truyện, song, khái niệm “hiển linh” vẫn là khái niệm được dùng nhiều nhất vì nó bao gồm phẩm chất thần linh và chức năng của nó. Điều đó chứng tỏ, đây là một trong những khái niệm chuẩn mực mà truyền thuyết, thần tích dùng để nói về linh thần, tức nói về sự linh thiêng hiển ứng của các vị đã hóa thần, hóa thánh. Từ kết luận trên, trong luận văn của mình, chúng tôi sẽ dùng khái niệm “hiển linh” để khảo sát, mô tả, phân tích và đánh giá các kiểu truyện về linh thần trong truyền thuyết Việt Nam.

Bên cạnh các khái niệm biểu thị sự linh ứng của linh thần trong truyền thuyết Việt Nam, theo chúng tôi còn có nhiều khái niệm khác có liên quan với khái niệm *linh thần* như khái niệm *thần thiêng*, *thần Thành hoàng*, *thần bốn mạng*, *thần hộ mệnh* ...

Theo chúng tôi, **thần linh** là một khái niệm dùng để chỉ các nhân vật tượng tượng có tính chất của người nhưng cũng có tính chất siêu tự nhiên. Một trong những giới thuyết của Nguyễn Đăng Duy về *thần linh* theo quan niệm Nho giáo trong sách Lễ Ký đã khẳng định tính chất người đó ở thần: “Người ta chỉ chết thể xác còn lại tinh anh, tinh thần. Nếu là người bình thường thì tinh thần đó tan biến vào không trung, nếu là người khi sống có nhiều tài ba, công đức, thì tinh thần đó sẽ thành thần, mãi mãi có tác động phù trợ người sống nên người sống phải thờ tế thần” [16, tr. 86]. Ông cũng cho rằng “Thần là vị tài giỏi phán bảo mọi điều mọi nhẽ” [16, tr.86]. Một trong những đặc điểm của thần linh là thần linh thường có mặt trong các truyền thuyết cổ đại và cũng là đối tượng tôn thờ của các tôn giáo.

Cũng giống như khái niệm *thần linh*, theo tín ngưỡng dân gian **thần thiêng** là tên gọi dùng để chỉ các vị thần có sự linh thiêng, hiển ứng để âm phù người đời sau, nhằm đáp ứng nhu cầu và khát vọng của họ. Như vậy, thiêng là phẩm chất đi

kèm của thần linh. Bản thân khái niệm này đã bao hàm chức năng mang tính dự báo của thần.

Như trên có nói, **thần Thành hoàng** cũng là khái niệm dùng để định danh các vị thần được tôn thờ chính trong đình làng Việt Nam. Các vị thần này dù có hay không có họ tên, lai lịch, dù xuất thân từ bất kỳ tầng lớp nào, cũng được xem là chủ tể trên cõi thiêng của làng và đều mang tính chất chung là *hộ quốc tỳ dân* (hộ nước giúp dân) ở ngay địa phương đó. Theo tập quán làng xã và tín ngưỡng dân gian, mỗi làng thường phụng sự một vị thần Thành hoàng. Tuy nhiên cũng có làng thờ hai ba vị, có làng thờ năm bảy vị, các vị thần Thành hoàng được làng, xã thờ ấy được gọi chung là Phúc thần.

Đối với các vị được gọi là **thần bổn mạng, thần hộ mệnh**, theo như đức tin Thiên Chúa trong kinh Cựu Ước thì mỗi người đều có một Thiên Thần bổn mạng chăm sóc. Trong bài đọc *Bữa nay* được Thánh Bernard, Tiến Sĩ Hội Thánh nói về Thiên Thần như sau: “Các Thiên Thần luôn bên cạnh chúng ta, ở với chúng ta, hiện hữu trong cuộc sống này để bảo vệ và giúp đỡ chúng ta trong cuộc sống trần gian.” Còn trong văn hóa tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo người Việt, bắt nguồn từ mối quan hệ giữa con người tiểu vũ trụ với đại vũ trụ là trời đất, trăng sao, người Việt tin rằng mỗi người có riêng một vị thần hộ mệnh chi phối mọi duyên số, công danh, sức khỏe, đường đời của mình. Vị thần đó thường bí ẩn ở tướng mạo, ngày sinh, tháng đẻ của chính người mà thần hộ mệnh. Chính vì thế, trong 312 truyền thuyết được khảo sát chúng tôi tìm được 92/312 truyện, tỉ lệ: 29.48% có nhân vật truyền thuyết mà sau khi “hóa” hiển linh thành “linh thần đời sau” thì vốn có nguồn gốc xuất thân ban đầu là từ sự thụ thai và sinh đẻ thần kỳ của các bà mẹ. Nghĩa là, các nhân vật ấy, ngay từ khi được hoài thai đã có được sự “hộ mệnh” của các vị thần bổn mạng hóa thân trong vai trò của thiên thần, nhiên thần mà chúng tôi gọi đây là các “linh thần đời trước”.

Tóm lại, khi dân gian gọi các nhân vật linh thần trong truyền thuyết là thần linh, thần thiêng, thần Thành hoàng, thần bổn mạng... thì trong đó đã bao hàm ý

nghĩa về sự oai linh của các nhân vật ấy. Sức mạnh oai linh ấy biểu hiện ra thành sức mạnh của linh thần trong truyền thuyết.

Mặt khác, theo quan niệm và tín ngưỡng dân gian, khi dân gian gọi các nhân vật trong truyền thuyết như thần linh, thần thiêng, thần Thành hoàng, thần bốn mạng... là linh thần cũng tức là đề cập đến khí thiêng, sự linh thiêng của các ngài khi các ngài đã “hóa”. Đây là biểu hiện của sức mạnh siêu linh.

Tất cả cách sử dụng các khái niệm trên đây là khá đa dạng nhưng cũng khá thống nhất ở mô hình: nhân vật được tôn vinh, khi sống có uy mà “hóa” thì linh thiêng. Nhân vật linh thần có khi có gốc từ con người thực có khi từ sự hư cấu, tưởng tượng. Vì vậy, trong luận văn của mình, chúng tôi sẽ từng bước làm rõ các đặc điểm cấu tạo của linh thần trong truyền thuyết.

1.3. Mối quan hệ giữa truyền thuyết linh thần và thần tích

Trong truyền thuyết, *thần linh* hay *linh thần* là khái niệm phổ biến. Nhưng khái niệm này lại tồn tại không chỉ trong truyền thuyết mà cả ở thần tích. Đây là thể loại hay là biến thể của truyền thuyết cũng cần phải làm rõ.

Theo “Từ điển tiếng Việt”, “thần tích” là “sự tích của các thần thánh được ghi chép, lưu truyền lại”. Từ định nghĩa trên tác giả Tăng Kim Ngân khái quát: “Thần tích ghi chép sự tích của vị thần được thờ (ở đền miếu hoặc ở một vùng, địa phương nào đó). Thần tích ghi rõ nguồn gốc xuất xứ của thần, những phép biến hóa, những công lao, hành trạng của thần, sắc phong của các đời vua cùng những nghi thức cúng bái và tập tục kiêng kỵ” [95, tr. 561]. Trong thực tế ghi chép thần tích người ta có khuynh hướng ghi chép luôn cả quá trình phát triển của thần theo lịch đại.

Từ khái quát trên có thể hiểu, thần tích ra đời từ nỗi lo lắng, hoang mang, sợ hãi và nhu cầu cần một sự chở che, một chỗ dựa tinh thần để đối phó với thiên nhiên đầy hăm dọa và cuộc sống bấp bênh đầy tai ương của con người như: định mệnh, ốm đau, thiên tai, hạn hán, dịch họa... Để giải quyết nhu cầu ấy, con người tìm kiếm bằng nhiều cách thuộc về tâm linh. Một trong những cách mà thần tích ghi lại là con người tìm trong giấc mơ ý niệm được một vị thần nhân trong cõi hư vô mách

bảo và cứ thế làm theo. Rõ ràng, khái niệm hay là hành vi ghi chép này liên quan đến tín ngưỡng khá rõ.

Các linh thần mà thần tích ghi chép và dân làng tôn vinh có thể là những vị không có truyện lưu truyền, không có lai lịch, công trạng gì to lớn, nhưng với dân làng, họ vẫn rất có ý nghĩa, rất linh thiêng, bởi họ là chỗ dựa tinh thần trong cuộc đời lắm đổi thay và nhiều bất trắc của người nông dân. Có nghĩa là các thần tích ghi chép này không nhất thiết có nguồn gốc từ truyền thuyết.

Còn các vị linh thần mà thần tích ghi chép và dân làng tôn vinh còn là những người anh hùng (có thể có thật trong lịch sử hay thuộc một triều đại mơ hồ thời viễn cổ) sinh thời có công với nước, với dân. Sau khi “hóa”, dân làng lập đền thờ, trình lên vua, được vua sắc phong và cho phép dân làng ngàn năm hương hỏa phụng thờ. Theo đó, dân làng tô vẽ cho vị thần của mình một hình hài cụ thể, theo thời gian khoác thêm cho họ bao công trạng, bao phép màu nhiệm sau khi các vị đã hiển linh. Về mặt này, thần tích tồn tại cùng với niềm tin thiêng liêng, thành kính và niềm khát khao mong mỏi có được một thần tượng tinh thần để tự hào của dân làng. Hình thức này phần lớn lấy từ truyền thuyết.

Linh thần trong thần tích còn là các vị không có sắc phong của triều đình nhưng vẫn được dân làng phụng thờ. Họ có thể không phải là anh hùng hào kiệt lập chiến công chống giặc ngoại xâm hay có công khai làng lập ấp mà có thể là những người nghèo khổ, thậm chí là thành phần có lai lịch “bất hảo” như ăn trộm, ăn cướp, hót phân, buôn lợn, thầy bói nhưng “chết nhằm giờ thiêng” trở thành thần thánh, ban phúc, giáng họa cho làng, được dân làng quanh năm thờ cúng. Như vậy, thần tích có khi xuất xứ từ truyền thuyết. Nhân dân muốn tôn thờ nên đã ghi chép lại truyền thuyết. Ngược lại, có khi từ những điều được ghi chép qua thần tích, người ta thêm bớt thành ra truyền thuyết. Vì vậy, thần tích có liên quan đến truyền thuyết, là nơi lưu giữ truyền thuyết và cũng là nơi phát tích của truyền thuyết. Điều này đã được Kiều Thu Hoạch đề cập đến trong công trình *Văn học dân gian người Việt, góc nhìn thể loại* qua bài viết “Truyền thuyết anh hùng trong thời kỳ phong kiến”.

Trở lại với vấn đề linh thần trong truyền thuyết (ở đây chúng tôi thấy hiện tượng linh thần có trong truyền thuyết anh hùng là chủ yếu) và thần tích, theo chúng tôi, kỳ thực giữa truyền thuyết và thần tích, xét về mặt thể loại có sự tương tác như đã nói trên. Cần nói rõ thêm bản thân việc biên soạn thần tích đã là quá trình kể, ghi chép truyền thuyết. Nói cách khác, có khá nhiều truyền thuyết được khai thác từ thần tích. Theo chúng tôi, sự tương tác ấy thể hiện ở sự ra đời của truyền thuyết và thần tích về linh thần. Sự ra đời ở đây thường có hai khuynh hướng: **thứ nhất**, thần tích về linh thần ra đời từ những câu chuyện của truyền thuyết về linh thần. Nghĩa là, từ những câu chuyện truyền thuyết kể về các vị anh hùng trong công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, thiên tai, dịch bệnh, các vị anh hùng có công trừ gian diệt ác, trấn yểm ma quỷ, tà thần,... các vị tổ nghề, các vị có công khai khẩn vùng đất mới, phù trợ cuộc sống yên bình và bảo vệ an nguy cho dân. Nhân dân tin vào sự linh thiêng của các vị sau khi “hóa” và xây dựng đền thờ. Từ việc thờ phụng, nhân dân bắt đầu dựng lên thần tích về các vị. Khi xây dựng thần tích, điều quan trọng là nhân dân thường khai thác khía cạnh linh thiêng ở các vị. Trong trường hợp này, thần tích về linh thần ra đời sau truyền thuyết về linh thần. **Thứ hai**, nhân dân vốn tôn thờ các nhân vật anh hùng trong các công cuộc và tin rằng các vị rất linh thiêng. Niềm tin thiêng liêng ấy lập tức được cộng hưởng và lan tỏa nên nhanh chóng hình thành các thần tích vây quanh các vị. Theo quy luật ấy, truyền thuyết về linh thần cũng ra đời. Trong trường hợp này, thần tích ra đời trước truyền thuyết.

Sự tương tác thể loại ấy khiến truyền thuyết và thần tích về linh thần có điểm gặp gỡ: thần tích bao giờ cũng khai thác khía cạnh linh thiêng và những truyền thuyết liên quan đến nội dung của thần tích hay từ thần tích đi ra cũng khai thác khía cạnh linh thiêng. Chính vì tương tác thể loại nên giữa truyền thuyết và thần tích về linh thần cũng có điểm khác biệt cơ bản: truyền thuyết ra đời từ thần tích không nhất thiết đề cập đến khía cạnh linh thiêng của các nhân vật có công sau khi “hóa” một cách cụ thể. Nhưng đã là thần tích ra đời từ truyền thuyết thì thường khai thác khía cạnh linh thiêng một cách cụ thể, hữu hình.

Theo Kiều Thu Hoạch: “Truyền thuyết vốn được sáng tác và lưu truyền ở cửa miệng nhân dân, nhưng trong chế độ phong kiến, nó lại được các nhà nho ghi chép thành văn bản và được các vương triều biên soạn thành thần tích” [30, tr.20]. Ngoài ra, giữa truyền thuyết và thần tích về linh thần có khác chẳng là ở “cảm hứng sáng tác” của dân gian. Đối với truyền thuyết, “cảm hứng sáng tác” thiên về lịch sử, còn đối với thần tích, tính chất tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo được thể hiện đậm đặc và rõ nét hơn. Nghĩa là, với thần tích sự xâm nhập của các yếu tố tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo được biểu hiện xuyên thấu. Thần tích gắn chặt với tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo bởi thần tích bao giờ cũng gắn với một nhân vật, một sự thờ phụng cụ thể. Chính sự tương tác thể loại ấy nên chúng tôi xem thần tích cũng là đối tượng khảo sát. Tuy nhiên, khi đề cập đến thần tích, chúng tôi vẫn chú trọng khía cạnh truyền thuyết hơn là lai lịch thường rất được chú trọng ở thể loại này.

Từ những khảo sát trên, căn cứ vào cách hiểu của khái niệm linh thần đã trình bày, việc xác định truyền thuyết linh thần sẽ căn cứ vào nhân vật. Theo đó, đối tượng khảo sát sẽ là tất cả những truyền thuyết mà nhân vật có nguồn gốc từ linh thần hoặc trở thành linh thần trong vận động câu chuyện. Như vậy, truyền thuyết linh thần là một bộ phận của truyền thuyết nói chung nhưng nhân vật phải có liên quan đến thần linh như đã nói. Đối với những truyền thuyết mà linh thần chỉ xuất hiện trong truyện như là một yếu tố phò trợ, giúp cho nhân vật truyền thuyết đánh giặc dù nhân vật truyền thuyết đó sau khi “hoá Thánh” không hiển linh vẫn được xem là truyền thuyết linh thần.

Tiểu kết

Từ việc tìm hiểu “Những vấn đề chung liên quan đến đề tài” như trên, chúng tôi rút ra một số kết luận như sau:

Việt Nam là dân tộc có đời sống tâm linh, tín ngưỡng đa dạng, phong phú. Đời sống ấy được biểu hiện xuyên suốt thông qua hệ thống truyền thuyết Việt Nam, đặc biệt trong thể loại truyền thuyết linh thần. Điều đó có nghĩa, giữa đời sống tâm linh, tín ngưỡng người Việt với truyền thuyết linh thần có mối quan hệ tương tác, hữu cơ rất chặt chẽ.

Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên và tín ngưỡng sùng bái con người trong dân gian là một trong những biểu hiện quan trọng của đời sống tâm linh người Việt. Tín ngưỡng ấy được biểu hiện trong truyền thuyết linh thần đã góp phần khẳng định được nét riêng, nét đặc sắc của nó trong hệ thống truyền thuyết Việt Nam. Để chuyển tải tinh thần này, thể loại truyền thuyết linh thần gắn bó chặt chẽ với thần tích thành một hệ thống biểu đạt xoay quanh việc tôn vinh các nhân vật anh hùng (chiến trận và văn hóa) và sự oai linh của các vị sau khi “hiển Thánh”. Sự chuyển hóa đời sống tâm linh này trong hai thể loại cho thấy vận động của truyền thuyết linh thần khá phức tạp.

CHƯƠNG 2 - THỐNG KÊ, PHÂN LOẠI TRUYỀN THUYẾT LINH THẦN VIỆT NAM

2.1. Tình hình tư liệu

2.1.1. Đánh giá tình hình tư liệu

Việc thống kê và phân loại tư liệu là một nhiệm vụ khoa học có ý nghĩa quan trọng đối với đề tài này. Theo Kiều Thu Hoạch: “Phân loại là tiền đề của nghiên cứu khoa học, và ngược lại từ nghiên cứu khoa học lại góp phần điều chỉnh các thao tác phân loại. Phân loại cũng có nghĩa là xác định đối tượng cả về hai mặt nội dung và hình thức, để từ đó, đặt đối tượng vào những ô phân loại thích hợp. Như vậy, việc phân loại hiển nhiên không thể tùy tiện, mà phải là kết quả của cả một quá trình những thao tác khoa học nghiêm túc, khởi đầu từ việc thẩm định, nắm bắt những tư liệu cụ thể”. [30, tr.142, 143]. Trên cơ sở đó, có thể thấy phân loại vừa giúp ta hiểu cơ cấu của thể loại đồng thời thông qua đó thấy rõ thêm đặc điểm của chúng. Tất cả vấn đề này bắt đầu từ việc lựa chọn nguồn tư liệu để khảo sát.

Để xác định đối tượng nghiên cứu cho đề tài, chúng tôi đã tiến hành khảo sát các tư liệu sau đây:

- *Tổng tập văn học dân gian người Việt - Truyền thuyết dân gian người Việt* (tập 4, 5) (2004), NXB Khoa học xã hội.
- *Việt điện u linh tập* (1961), Lý Tế Xuyên, bản dịch của Lê Hữu Mục, Nhà sách Khai Trí.
- *Lĩnh Nam chích quái, truyện cổ dân gian Việt Nam (sưu tập từ thế kỷ XV)* (1960), Vũ Quỳnh - Kiều Phú, NXB Văn hóa.
- *36 vị thần Thăng Long - Hà Nội*, (2010), Hoàng Khôi, NXB Thanh Niên.
- *Truyền thuyết Việt Nam*, (1998), NXB Văn hóa Thông tin.
- *Truyền thuyết Việt Nam tập 1*, (2001), Lã Duy Lan, NXB Văn hóa dân tộc.
- Võ Phúc Châu (2011), *Truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ (1858 - 1918)*, Nxb Thời Đại (phần phụ lục).

Ngoài ra, chúng tôi cũng tham khảo nguồn tư liệu từ luận án Tiến sĩ của Đỗ Thị Hồng Hạnh (2012), *Đặc trưng thể loại truyền thuyết dân gian vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (Truyền thuyết địa danh có liên quan đến nhân vật Nguyễn Ánh). Luận án dù chỉ bảo vệ cấp cơ sở nhưng điều chúng tôi quan tâm trước tiên là nguồn tư liệu tác phẩm khá phong phú. Đây là nguồn tư liệu về truyền thuyết phía Nam của đất nước, trong đó khá nhiều truyện chưa thấy ở những văn bản được phát hành từ trước tới nay trong các tuyển tập.

Thực ra, các tư liệu trên đây gồm những tư liệu gốc kể cả tư liệu nhuận sắc ở đời sau. Dù sao thì đây vẫn là nguồn tư liệu đáng tin cậy. Chúng tôi sẽ lần lượt khảo sát từng tư liệu này.

Cuốn *Tổng tập văn học dân gian người Việt - Truyền thuyết dân gian người Việt* (tập 4, 5), NXB Khoa học xã hội được xuất bản năm 2004 là tài liệu mới nhất được các nhà khoa học sưu tầm, chỉnh lý, bổ sung từ các nguồn tư liệu cổ một cách khoa học, cho nên chúng tôi xem là nguồn tư liệu chuẩn. Các truyền thuyết ở đây đã lấy từ các sách *Việt điện u linh tập*, *Lĩnh Nam chích quái*. Hiện nay hai tài liệu này vẫn được xem là cổ nhất ở nước ta ghi chép lại truyền thuyết, thần tích lưu hành từ thế kỷ XV.

Ngoài ra, chúng tôi còn tham khảo và đối chứng thêm các tuyển tập tác phẩm từ các sách: *36 vị thần Thăng Long - Hà Nội*, *Truyền thuyết Việt Nam*, *Truyền thuyết Việt Nam* tập 1, *Truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ (1858 - 1918)*.

Đối với các tư liệu trên đây, chúng tôi có tiến hành kiểm tra thêm sự sai khác giữa nguồn cổ và mới. Đồng thời tham khảo thêm một số tư liệu bị lược bỏ khi đưa vào Tổng tập mà vì lý do nào đó các nhà nghiên cứu không chọn.

2.1.2. Kết quả thống kê

Vì số lượng truyền thuyết được khảo sát khá lớn nên, điều đầu tiên là việc lựa chọn những truyền thuyết về linh thần. Muốn vậy phải xác lập tiêu chí tuyển chọn. Tất nhiên, việc xác lập tiêu chí ở đây dựa trên một số đặc điểm về cách tổ

chức, xây dựng nhân vật và cốt truyện. Căn cứ vào tính chất của linh thần đã nêu ở phần trước, truyền thuyết linh thần đời đời phải có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, linh thần đời trước hiển linh “hóa thân” vào nhân vật truyền thuyết ngay từ đầu truyện (chúng tôi định danh nhân vật truyền thuyết được “hóa thân” này là “linh thần đời trước”). Dạng linh thần này thường có nguồn gốc từ thiên thần, nhiên thần.

Thứ hai, nhân vật sinh thời có công, sau khi “hóa Thánh” hiển linh âm phù cho người đời sau hoặc trừng trị kẻ thù. Nhân vật linh thần này thường có nguồn gốc nhân thần (chúng tôi định danh nhân vật truyền thuyết được “hóa Thánh” hiển linh âm phù này là “linh thần đời sau”).

Thứ ba, linh thần hiển linh khi nhân vật truyền thuyết gặp sự cố lúc đánh giặc, hay trừ thiên tai, dịch bệnh hoặc hiển linh trừng trị kẻ thù.

Như vậy, để xem là truyền thuyết linh thần thì nhân vật phải được “hóa thân” từ thần thiêng hoặc “hóa Thánh” sau khi lập công trạng. Cần lưu ý thêm các linh thần có thể hiện diện dưới dạng người hoặc vật, thậm chí vô hình và thường xuất hiện thông qua những giấc mơ, điềm báo. Trên thực tế các truyền thuyết lựa chọn đều mang đặc tính về mặt cấu tạo theo các tiêu chí trên. Tuy nhiên, mức độ và cách biểu hiện có thể đan xen vào nhau tạo nên nhiều biến thể. Sau khi khảo sát 817 truyện (kể cả dị bản) từ những nguồn tư liệu trên chúng tôi đã chọn ra được 312 truyện bản chính, 120 dị bản được gọi là truyền thuyết linh thần. Với số lượng tương đối lớn như vậy (38.18%) chúng tôi tin rằng sự xuất hiện của linh thần trong truyền thuyết Việt Nam mang tính phổ quát và đặc thù về mặt kết cấu tạo thành một hệ thống riêng đáng được khảo sát.

Như đã nói, các văn bản ghi chép từ các nguồn tư liệu trên đây còn cho thấy một số biến thể qua số lượng dị bản khá lớn. Hiện tượng này là chuyện khá phổ biến của sự vận động văn học dân gian. Tuy nhiên, có thể tìm thấy những thông tin cần thiết qua hệ thống dị bản này.

2.1.3. Vấn đề dị bản

Như trên đã nói, bên cạnh 312 bản chính của truyền thuyết linh thần kể trên, luận văn còn ghi nhận có 120 dị bản. Các dị bản này phần lớn không khác gì so với bản chính. Một số ít có sự khác biệt ở kết cấu của kiểu truyện. Ngoài ra, sự sai biệt có chăng thường rơi vào những tình tiết do xuất xứ của truyện.

Trong quá trình khảo sát chúng tôi chú ý các nhóm truyện có nhiều dị bản (3 dị bản trở lên) như nhóm truyện về *Thần núi Tản Viên*, vốn có gốc từ thần thoại suy nguyên. Chủ yếu nhằm giải thích nguồn gốc các hiện tượng trên núi Ba Vì cùng với lũ lụt vùng sông Đà. Về sau cốt truyện được lịch sử hóa và hòa nhập vào chùm truyền thuyết Hùng Vương. Vì thế, truyền thuyết này đã tạo nên một chuỗi dị bản với nhiều giá trị thẩm mỹ khác nhau. Ngoài bản chính *Truyện Tản Viên Sơn Thánh* (Tản Lĩnh sơn ngọc phả) còn có 3 dị bản: *Nói về sự tích ông thần núi Tản Viên (Sử Nam chí dị)*, *Tản Viên Sơn Thánh* (Truyện thuyết Hùng Vương), *Truyện núi Tản Viên* (Lĩnh Nam chích quái).

Ở bản chính *Truyện Tản Viên Sơn Thánh*, nhân vật trong truyện được kể từ sự “hóa thân” của linh thần đời trước một cách cụ thể, hữu hình với các tình tiết “Bà mẹ nhân khi trông thấy đám mây lành khí tốt và rồng vàng xuống giếng lấy nước, phun sóng ngọc châu rồi cười mây bay lên trời biến mất mà thụ thai 14 tháng sinh ra Nguyễn Tuấn”.

Ở dị bản *Tản Viên Sơn Thánh* tình tiết này có chút thay đổi dù nhân vật linh thần trong truyện cũng được sinh ra từ sự “hóa thân” của linh thần đời trước: “Một hôm bà mẹ đi cấy, giẫm phải một vết chân to, cảm động mà có thai”. Tình tiết thụ thai này giống motif thụ thai và sinh nở thần kỳ trong chuỗi truyền thuyết về nhân vật Thánh Gióng.

Tuy nhiên, dị bản *Nói về sự tích ông thần núi Tản* thì tình tiết kể về sự ra đời của nhân vật linh thần có khác biệt so với hai truyện kể trên. Nhân vật truyền thuyết không được ra đời từ sự “hóa thân” của linh thần đời trước mà họ vốn là những người lao động bình thường: “Đời xưa có một người, cháu vua Lạc Long ở sườn núi

Tản Viên, làng Đường Lâm, tỉnh Sơn Tây, thường vẫn làm tiểu phu ở núi ấy” (*Nói về sự tích ông thần núi Tản Viên*).

Ngoài những khác biệt kể trên thì bản chính *Truyện Tản Viên Sơn Thánh* và hai dị bản *Nói về sự tích ông thần núi Tản Viên*, *Truyện núi Tản Viên* đều có tình tiết hiển linh của nhân vật truyền thuyết sau khi “hóa Thánh”. Sự khác nhau ở bản chính so với hai dị bản ấy có chăng là ở dạng thức hiển linh của linh thần.

Nếu ở dị bản *Truyện núi Tản Viên* linh thần hiển hiện dưới dạng hữu hình: “Sơn Tinh họ Nguyễn vô cùng linh ứng. Khi hạn hán, lúc lụt lội cầu đảo để phòng tai trừ hoạn lập tức có ứng nghiệm. Thường thường, vào những ngày quang đăng Sơn thần hiển hiện với bóng cờ xí thấp thoáng trong hang núi. Sơn thần hiển linh cưỡi ngựa trắng ở trên mây nhô nước bọt vào thuật yểm những nơi linh tích ở An Nam của tướng giặc Cao Biền” thì ở bản chính *Truyện Tản Viên Sơn Thánh* và dị bản *Nói về sự tích ông thần núi Tản Viên* linh thần hiển linh qua lời kể của truyền thuyết: “Trải Đinh, Lê, Lý, Trần các bậc bá vương lần lượt đổi thay. Sơn Thánh đều dùng phép thuật thần tiên, có khi biến hiện thân mình, có khi cảm thông với người cầu ứng. Giúp nước cứu dân có công để đời.” (*Truyện Tản Viên Sơn Thánh*), “Sau người ấy hóa làm thần, thường gọi là ông sơn thần núi Tản Viên. Vua với dân đời bấy giờ cầu việc gì cũng được. Cứ ngày rằm, mồng một lên lễ, thời thấy hùm, beo, tê tượng về châu, đến bây giờ vẫn anh linh như thế.” (*Nói về sự tích ông thần núi Tản Viên*).

Ngoài ra, bản chính *Truyện Tản Viên Sơn Thánh* và hai dị bản *Nói về sự tích ông thần núi Tản Viên* và *Tản Viên Sơn Thánh* còn có tình tiết các vị thần hiển linh ban tặng cho nhân vật chính vật báu, giúp họ lập công ở đời, một biến thể của motif thần linh, tiên, Phật, bụt hiển linh giúp nhân vật thiện nhằm thay đổi cuộc đời và số phận của họ trong truyện cổ tích. Trong *Truyện Tản Viên Sơn Thánh* thần linh ở đây là “Sơn Tinh đại thần, tên gọi Thái Bạch Thần Tinh Tử Vi Thiên Tướng, vâng mệnh Ngọc Hoàng xuống cai quản nhân gian”. Còn ở truyện *Nói về sự tích ông thần núi Tản Viên* thì thần là “Một ông lão cầm gậy trúc, là sao Thái Bạch ở trên giời”. Trong truyện *Tản Viên Sơn Thánh* thần là “một cụ già râu tóc trắng xóa”.

Bên cạnh nhóm truyền thuyết về thần núi Tản Viên có nhiều dị bản với những nét tương đồng và dị biệt kể trên, có thể nêu ra một loạt những nhóm truyền thuyết khác cũng có nhiều dị bản đặc sắc như nhóm truyền thuyết về Phù Đổng Thiên Vương (6 dị bản), nhóm truyền thuyết về Hai Bà Trưng (5 dị bản), nhóm truyền thuyết về Triệu Việt Vương (4 dị bản), nhóm truyền thuyết về Trương Hồng, Trương Hát (7 dị bản), nhóm truyền thuyết về Đinh Tiên Hoàng (5 dị bản), nhóm truyền thuyết về Lê Lợi (3 dị bản), nhóm truyền thuyết về Nguyễn Trãi (3 dị bản), nhóm truyền thuyết về địa danh Hồ Gươm (3 dị bản), nhóm truyền thuyết về Thiên Y a Na (5 dị bản)... Điều đáng lưu ý là tất cả các nhóm truyền thuyết có dị bản đều kể về các nhân vật linh thần hoặc trong tình tiết truyện có yếu tố hiển linh của linh thần.

Dẫn chứng trên đây cho thấy hệ thống truyền thuyết linh thần phong phú và có xu hướng vận động tạo ra các biến thể qua các thời đại. Trong đó truyền thuyết linh thần cổ nhất vào thời Hùng Vương được tạo nhiều biến thể ở các đời sau lưu truyền đến nay có sức sống khá bền bỉ. Nó trở thành một biểu tượng sức mạnh thiêng liêng của dân tộc và được hình thành khá sớm. Thời đại có thể đổi thay, lịch sử có nhiều thăng trầm nhưng hạo khí đó vẫn là nòng cốt chuyển hóa vào vai trò linh thần tạo sự gắn kết giữa các thời đại dựng nước và giữ nước. Như vậy, việc khảo sát các bản kể sẽ được tham chiếu thêm dị bản để hiểu quá trình vận động của nó.

2.2. Phân loại

Trên cơ sở những tiêu chí được xây dựng từ những khái niệm về linh thần kể trên. Theo đó, toàn bộ 312 truyện (bản chính) sẽ được chúng tôi phân loại như sau:

- Tiểu loại truyền thuyết về nhân vật được “hóa thân” từ các linh thần đời trước ngay từ đầu truyện.
- Tiểu loại truyền thuyết chỉ có “yếu tố hiển linh” của linh thần giúp cho nhân vật truyền thuyết đang thực thi sứ mệnh.
- Tiểu loại truyền thuyết về nhân vật có công được “hóa Thánh” trở thành linh thần ở phần kết.

- Tiểu loại truyền thuyết về nhân vật linh thần nối tiếp giữa các thế hệ anh hùng hiện hữu trong cốt truyện.

2.2.1. Nhóm truyện kể về nhân vật truyền thuyết được “hóa thân” từ các linh thần đời trước

Nhóm truyền thuyết này dễ thấy là ngay từ đầu, nhân vật trong truyền thuyết xuất hiện đã được xem là “hóa thân” từ sức mạnh âm phù của linh thần đời trước. Đây là dạng truyền thuyết phổ biến vào thời Bắc thuộc. Một số lưu truyền trong nhân dân, một số đi vào tín ngưỡng, được sắc phong và hiện diện dưới dạng thần tích. Theo nhiều nghiên cứu được biết truyền thuyết này đã nối kết sự đứt gãy từ thời đại Hùng Vương sang thời Bắc thuộc. Nó muốn chứng tỏ hào khí linh thiêng của dân tộc suốt ngàn năm bị đô hộ.

Trên cơ sở tư liệu khảo sát, chúng tôi ghi nhận tiểu loại này có 71/ 312 truyện (22.75%), trong đó thần tích chiếm 19 truyện, truyền thuyết chiếm 52 truyện. Tiểu loại truyền thuyết này kể về các nhân vật vốn được sinh ra từ sự “hóa thân” của các vị thần đời trước như thiên thần, nhiên thần. Sự hóa thân này thường thông qua các cách thức như giấc mơ, điềm báo, cầu tự, hay linh thần tự nguyện “hóa thân” dưới dạng hữu hình hoặc vô hình. Nhân vật linh thần ở đây có thể là người anh hùng chống giặc ngoại xâm, người anh hùng văn hóa, hoặc có khi chỉ là những con người bình thường. Tuy được sinh ra từ sự “hóa thân” của linh thần đời trước nhưng nhân vật linh thần trong tiểu loại truyền thuyết này, sau khi chết không trở thành linh thần âm phù đời sau.

Chẳng hạn, truyện *Sự tích hai anh em sinh đôi Nguyễn Cầm, Nguyễn Ứng đại vương thời Hùng Vương* thì kể rằng: “Có một đêm, cha mẹ ngồi tự nhiên thấy có hai con ngô công (con rết) dài chừng ba thước, tự nhiên sa xuống trước mặt, rồi vụt biến mất. Ngay đêm hôm ấy, người cha nằm chiêm bao thấy có một ông cụ, râu trắng đầu bạc, diện mạo khác người, bảo rằng nhà người có tích phúc, giờ sai tôi xuống cho hai người con”. Nhân điềm mộng ấy, bà mẹ có mang sinh ra Nguyễn Cầm, Nguyễn Ứng. Hai nhân vật này chính là “hóa thân” của thần linh. Còn truyện *Sự tích năm anh em cùng một bọc thời vua Thục* kể rằng người cha chiêm bao thấy

đám mây ngũ sắc bao phủ cả đền chùa, thấy chư Phật, các vị Kim Cương La Hán, các vật tứ linh châu phục, thấy Thiên đình cho năm vị sơn thần giáng sinh làm con. Ông bà trở về, thấy đám mây ngũ sắc bay lượn bên cạnh bà, cơ thể bà nhiễm mùi thơm man mát, bụng và vú đỏ ửng như son mà có mang sinh ra các ngài. Nếu hai truyền thuyết này còn mang màu sắc mơ hồ về gốc tích khi tộc Bách Việt lần lượt bị Hán hóa, thì sang đến thời phong kiến Đại Việt, mô hình này được định danh, gắn với thời đại, nhân vật lịch sử xác thực.

Truyện *Sự tích Trần Hưng Đạo* kể: “Khi sắp sinh Ngài, đức thân mẫu sinh ra Ngài nằm mộng thấy đám mây ngũ sắc từ gòira mà xuống, đến trước mặt hóa thành đường người đi, ở trong đường mây ấy lại thấy hai đồng tử, một người mặc áo xanh, một người mặc áo đỏ. Người mặc áo đỏ trở về thảng vào bụng đức từ mẫu. Đến năm Ất Mão, tháng 3 ngày 10 giờ Thìn, sinh ra đức thánh”. Còn truyện *Sự tích Uy Linh Lang Vương* thì kể rằng: “bà Chính cung hoàng hậu Minh Đức của vua Trần Thánh Tông thường xuyên đến cầu tự ở các đền chùa. Có một hôm đi vắng cảnh, hoàng hậu nghỉ trưa tại đền bên hồ, mộng thấy một người mặt như dát ngọc, miệng thơm môi đỏ, đầu đội mũ hoa, thân khoác cẩm bào đi tới trước mà lên tiếng chúc mừng: “Ta chính là Uy Linh Lang, biết hậu ở đây đã lâu, nay đến chào mừng, hiềm vì chưa cho giáng trần”. Phút chốc bà tỉnh giấc rồi có thai sinh ra Uy Lang”.

Truyện *Truyện Phúc công thời Lê* kể rằng: người cha của Phúc công đi thăm cảnh chùa. Đêm ấy, ông ngủ tại chùa, mộng gặp một người áo mũ lung linh, tay cầm ngọc bài và đưa cho ông một đoá hoa sen. Nhân điềm mộng ấy mà bà mẹ thụ thai sinh ra Phúc công.

Rõ ràng, sự móc nối tạo nên tính liên mạch về lịch sử từ thời Hùng Vương đến thời phong kiến Đại Việt ngay từ triều đại đầu tiên Ngô - Đinh - Tiền Lê đã để lại một hệ thống truyền thuyết với dạng thức khá đậm nét. Ở đây, các truyện này, tuy ra đời vào thời Trần và thời Lê nhưng đã tiếp nối mạch kể về nguồn gốc nhân vật trong truyền thuyết đều là từ sự “hóa thân” của linh thần đời trước.

Sau đây, chúng tôi xin thống kê và mã hóa nhóm truyền thuyết thuộc tiểu loại 1 để tiện theo dõi (ký hiệu nhóm A):

STT	TÊN TRUYỆN	MÃ HÓA
1	Truyện Không Lộ thiền sư thời Hùng Vương	A.1
2	Sự tích vua bà bên nước và vua ông cội cây	A.2
3	Sự tích hai vị thiên thần và hai vị thủy thần triều Hùng Duệ Vương	A.3
4	Truyện tích đức Thánh mẫu thời Hùng Vương	A.4
5	Sự tích Hồng liệt đại vương thời vua Hùng	A.5
6	Sự tích Mang công, Mỹ công, Lộ công thời Hùng Vương	A.6
7	Sự tích hai anh em sinh đôi Nguyễn Cầm, Nguyễn Ứng đại vương thời Hùng Vương	A.7
8	Sự tích Trung công, Hoảng công, Dững công thời Hùng Vương	A.8
9	Sự tích Trâu Ấ Trâu Thành thời Hùng Vương đánh Thục	A.9
10	Trần Giới, Trần Hà	A.10
11	Sự tích Đà công thời Hùng Vương	A.11
12	Sự tích ba vị công thần Tuấn, Chiêu, Minh thời Hùng Vương	A.12
13	Truyện thần Câu Mang thời Hùng Vương	A.13
14	Sự tích Dương công và Nguyệt Tinh công chúa thời Hùng Vương	A.14
15	Sự tích Đức Thiên Cang thời Hùng Vương	A.15
16	Sự tích Tiên Lạp Thạch tướng quân	A.16
17	Năm anh em làng Na	A.17
18	Đại Hải đánh Thục	A.18
19	Bảo công	A.19
20	Sự tích năm anh em cùng một bọc thời vua Thục	A.20
21	Sự tích Phương Dung công chúa thời vua Trung	A.21
22	Sự tích đức Thánh Hưng Phúc thời Hai Bà Trưng	A.22
23	Sự tích hai anh em Uyên Mặc đại vương và Quang Dung công chúa thời Hai Bà Trưng	A.23
24	Truyện hai mẹ con theo vua Trung đánh giặc Tô Định	A.24

25	Doãn công - Đào nương	A.25
26	Nữ tướng Côn nương	A.26
27	Đinh Thị Phật Nguyệt	A.27
28	Ba chị em bà Dưỡng	A.28
29	Bà Chúa Bầu	A.29
30	Sự tích tướng quân Lữ Lũy	A.30
31	Truyện Man nương	A.31
32	Hoàng hậu nước Vạn Xuân	A.32
33	Truyện hai anh em thủy thần sinh đôi đánh giặc Lương	A.33
34	Bài ký về Hương Lâm Mai Hắc Đế	A.34
35	Truyện Đinh Tiên Hoàng	A.35
36	Truyện Phúc công thời Đinh Tiên Hoàng	A.36
37	Truyện bốn anh em một nhà có công phò tá Đinh Tiên Hoàng	A.37
38	Sự tích bốn anh em cùng một bọc có công giúp vua Lê Đại Hành	A.38
39	Cha đỡ đót, mẹ lá chùa	A.39
40	Ba đóa hoa hồng	A.40
41	Nhã Lang và đình Chu Chàng	A.41
42	Thánh Linh Lang	A.42
43	Quế nương và Dung nương	A.43
44	Sự tích Thiên Bồng nhà Lý	A.44
45	Sự tích Minh Chu đại vương và Minh Khiết đại vương	A.45
46	Sự tích Trần Hưng Đạo	A.46
47	Truyện Bạng công và Hải công đời Trần	A.47
48	Sự tích đức Thánh Ông	A.48
49	Sự tích Uy Linh Lang Vương	A.49
50	Sự tích đức Đông Bạng và đức Tây Hải	A.50
51	Truyện nàng chim Thước	A.51
52	Sự tích Ngọn Côn và Thuần Nghi đời Lê Thái Tổ	A.52

53	Truyện ba anh em họ Bạch đánh giặc Minh	A.53
54	Sự tích Lê Thánh Tông	A.54
55	Lương Thế Vinh	A.55
56	Truyện Phúc công thời Lê	A.56
57	Truyện Trạng nguyên Đỗ Lý Khiêm thời Lê	A.57
58	Sự tích Hoàng Việt Đại vương - Đông Bạng Đại vương thời Lê	A.58
59	Ba Vành	A.59
60	Cổ Bu	A.60
61	Bà Tăng Má	A.61
62	Sự tích các thần ở Đền Cao	A.62
63	Sự tích hòn đá núi La Hán	A.63
64	Ông Trạng Vật	A.64
65	Nàng nuôi con ở trong bụng ngọc	A.65
66	Nàng Vú Thúng	A.66
67	Một giọt máu đào	A.67
68	Thần Độc Cước và đền Độc Cước	A.68
69	Sự tích Ghềnh Bờ	A.69
70	Sự tích sông Kinh Thầy	A.70
71	Sự tích Phạn công chúa thời Lý	A.71

Bảng 2.1

2.2.2. Nhóm truyện kể về nhân vật truyền thuyết có “yếu tố linh thần” phò trợ

Khác với tiểu loại trên nhằm khẳng định nhân vật truyền thuyết là kết tinh của linh thần đời trước, ở nhóm truyền thuyết tiểu loại này, linh thần xuất hiện như yếu tố phò trợ giúp nhân vật truyền thuyết, thường là nhân vật trong chính sử đánh giặc. Việc phò trợ này có ý nghĩa như là một sự tác động nhằm đề cao nhân vật lịch sử và lý giải sức mạnh của họ có một phần nhờ sức mạnh thiêng liêng làm điểm tựa để hoàn tất sứ mệnh. Nói cho đúng, bản chất của hiện tượng này cũng xuất phát từ linh thần như nhóm trên, nhưng biểu hiện trong tác phẩm của nó thì chỉ được kể đến

như một sự trợ giúp của sức mạnh siêu nhiên. Sức mạnh ấy không được biểu hiện dưới hình dáng cụ thể của linh thần mà chỉ là một tình tiết. Do đó, dưới góc độ kết cấu tác phẩm sự xuất hiện này chỉ xem như chi tiết chứ không phải nhân vật được hóa thân từ linh thần.

Trên cơ sở tư liệu khảo sát, chúng tôi ghi nhận tiểu loại này có 78/312 truyện (20%), trong đó thần tích chiếm 9 truyện, truyền thuyết chiếm 69 truyện.

Chẳng hạn như các truyện dưới đây:

Truyện *Truyện Đông Thiên Vương* kể: Hùng Vương cầu đảo xin âm phù đánh giặc Ân. Trong lúc hành lễ, trời nổi mưa to gió lớn, có một cụ già cao lớn chín thước, mặt vàng bụng lớn, mày râu bạc trắng hiển linh mách vua Hùng tìm người tài đánh giặc.

Truyện *Bà Trưng với quê hương Lâm Thao* kể: Hùng Vương linh ứng phù hộ thuyền Hai Bà “hành quân vượt ghềnh Lờn đánh giặc Hán, đền nợ nước, trả thù nhà, nổi nghiệp xưa”. Hai Bà bái yết đền thờ Xuân Dung công chúa (dòng dõi nhà Hùng) cầu xin âm phù đánh giặc Tô Định. Đêm, Bà Trưng nằm mộng thấy Xuân Dung công chúa hiện ra báo cho biết sẽ sai con trai là Đinh Công Tuấn (tướng Thục An Dương Vương) theo quân Hai Bà để âm phù.

Truyện *Sự tích Sóc Thiên Vương* kể: Sóc Thiên Vương, thời vua Lê Đại Hành vâng mệnh Thượng đế đến hộ trì cho dân, hiển linh âm phù vua Lê Đại Hành đánh giặc Tống.

Truyện *Truyện vị thần ở xứ Đằng Châu* kể: Thổ địa đất Đằng Châu hiển linh qua lời thách của vua Lý Thái Tổ: “Nếu như có trận mưa lớn mà nửa sông bên này vẫn tạnh thì mới thật sự là anh linh”. Phút chốc, quả nhiên một nửa sông mưa, một nửa sông tạnh. Khi Lê Ngọa Triều băng hà, vua muốn mưu đại sự, tới đền mật cáo, chờ điềm linh ứng. Đêm, vua mộng thấy có dị nhân đến báo về sự bền vững của cơ đồ triều Lý. Linh ứng tự hộ đề giúp đền tránh lũ, linh ứng tự lập đền ở trên mặt đề.

Truyện *Lê Thái Tổ* kể: “Lại một bữa quân Minh đuổi kịp quá, Lê Lợi phải núp mình vào trong bụi rậm. Quân Minh cầm giáo xĩa vào, bỗng thấy một con cáo chạy ra, quân mới bỏ đám ấy mà đi nhân thế lại được thoát”.

Trong chuỗi truyền thuyết về vua Lê Lợi, khi kể về chi tiết Lê Lợi chạy trốn quân Minh đã được linh thần hiển linh phù giúp còn có 3 dị bản: *Truyện vua Lê Lợi*, *Truyện Lê Lợi*, *Truyện Hồ Ly phù nhân*. 3 dị bản này kể chi tiết hơn về yếu tố hiển linh phù giúp của linh thần. Chẳng hạn:

Trong lúc Lê Lợi chạy trốn quân Minh nhìn thấy xác một cô gái bị giặc bức chết, ngài liền chôn cất và khấn xin hồn cô gái phù giúp, hồn liền biến thành hồ ly cứu Lê Lợi thoát chết. Dạng âm phù này có khá nhiều tình tiết thông qua tác động của nhân vật anh hùng. Linh thần hiện hữu dưới hình dáng người được tác động chuyển thành năng lực siêu phàm. Dạng này chỉ thấy xuất hiện trong nhóm truyền thuyết Lê Lợi.

Điều thú vị là sức mạnh âm phù này được thể hiện qua các chi tiết mang tính ngẫu nhiên, mất dần yếu tố ly kỳ như nhóm thứ nhất. Thực ra giữa nhóm một và nhóm hai dường như chỉ khác nhau cách thể hiện vai trò linh thần: một bên là hóa thân để hành động, một bên chỉ là tình tiết hỗ trợ, còn nhân vật chính trong truyện vẫn bao gồm các nhân vật thời đại Hùng Vương lẫn các triều đại phong kiến Việt Nam thời hưng thịnh.

Sau đây, trên cơ sở nắm vững nguồn tư liệu, chúng tôi xin thống kê và mã hóa 78 truyện thuộc nhóm truyền thuyết này để tiện theo dõi (ký hiệu nhóm B):

STT	TÊN TRUYỆN	MÃ HÓA
1	Sự tích Nại nương và các gia thần thời Hùng Vương	B.1
2	Sơn Tinh đánh giặc	B.2
3	Sự tích Chàng Ba thời Hùng Vương	B.3
4	Quả Nghị Cương Chính Uy Huệ Vương	B.4
5	Truyện Đồng Thiên Vương	B.5
6	Truyện Rùa Vàng	B.6
7	Thục An Dương Vương với đất Nghệ An	B.7
8	Bà Trưng với quê hương Lâm Thao	B.8
9	Thần miếu Độ Mi	B.9
10	Nàng hát hay làm quay muôn giáo	B.10
11	Năm đất hơn mười cút vàng	B.11
12	Truyện cái khiên	B.12
13	Mái tóc biết khóc biết cười	B.13
14	Võ tướng làng Vĩ	B.14
15	Sự tích thần sông Như Nguyệt	B.15
16	Truyện thần Chính Khí Long	B.16
17	Truyện sông Tô Lịch	B.17
18	Truyện hai vị thần ở Long Nhãn, Như Nguyệt	B.18
19	Sự tích Sóc Thiên Vương	B.19
20	Lý Phục Man	B.20
21	Thần núi Đồng Cổ	B.21
22	Ông thần xã Đình Lập	B.22
23	Quán đá, chó vàng	B.23
24	Thần Hậu Thổ	B.24
25	Sự tích Trần Quốc Liễu	B.25
26	Truyện Chu Văn	B.26

27	Lê Thái Tổ	B.27
28	Người đơm đó được gươm vàng	B.28
29	Ngư thần Võ Cốc	B.29
30	Sự tích chúa Thượng Ngàn	B.30
31	Chàng trai họ Đoàn	B.31
32	Sự tích Mai Hoa công chúa thời Lê	B.32
33	Đại vương Ô	B.33
34	Sự tích Đô Lâm đại vương	B.34
35	Ấn vàng, kiếm bạc	B.35
36	Sự tích Trảo Trảo phu nhân	B.36
37	Thánh Mẫu Thượng Ngàn	B.37
38	Chùa Trấn Quốc	B.38
39	Truyện thần sông Bạch Hạc	B.39
40	Đồng Chải Đầu	B.40
41	Sự tích xã Quán Triều	B.41
42	Truyện vị thần ở Chăm Lân Đàm	B.42
43	Truyện vị thần làng Bồ Bái	B.43
44	Sự tích Hồ Gươm	B.44
45	Núi Ông Trạng và cánh đồng Ngô Ngã	B.45
46	Sự tích núi Sậu	B.46
47	Sự tích thần núi Tam Đảo	B.47
48	Truyện ngôi đền thiêng xã Bộ Đầu	B.48
49	Ba ông thợ Thổ	B.49
50	Ông Tả Giám Đàn	B.50
51	May áo chồng bằng hơi thở ấm	B.51
52	Ông Thần Đồ	B.52
53	Ông Mỏ Bụng	B.53
54	Bà Áo The	B.54

55	Nàng Trăm Sắc	B.55
56	Bà Chúa Xứ	B.56
57	Lễ rước “xông hệ” ở đình Vạn Niên	B.57
58	Cầu Làng Sỏi	B.58
59	Đôi vôi đá ở đền Cao	B.59
60	Cầu Giải Yêm	B.60
61	Sự tích chùa Thiên Mụ	B.61
62	Đình thần Nam Hải Đại tướng quân	B.62
63	Giếng Gia Long	B.63
64	Hòn Lại Sơn và chùa Tam Bảo	B.64
65	Sự tích về Miếu Hai Bà	B.65
66	Sự tích Ao Ngự	B.66
67	Cá Ông giúp Nguyễn Ánh ở Gò Công	B.67
68	Cây Đa Bến Ngự	B.68
69	Bảo Tiền, Bảo Hậu	B.69
70	Nguồn gốc Ao Ngự và Ấp Giá Ngự	B.70
71	Chuyện cá sấu cứu chúa tôi Nguyễn Ánh	B.71
72	Tam Bảo Tự	B.72
73	Miếu bà Trang	B.73
74	Gành Rái với bảy Rái thần và chuyện vua Gia Long	B.74
75	Sông ông Đốc	B.75
76	Sự tích địa danh Cam Ranh	B.76
77	Giếng Vua	B.77
78	Trần Văn Nhu	B.78

Bảng 2.2

Nhìn vào bảng thống kê trên đây có thể thấy truyền thuyết nhóm hai đã quy tụ được một diện mạo anh tài của thời đại phong kiến với nhiều gương mặt khác nhau bao gồm danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử và đặc biệt là mối quan hệ giữa cơ cấu anh hùng văn hóa từ làng xã đến quốc gia. Đây là một cơ cấu kiểu đồng quy,

hội tụ để tạo nên tính đa dạng mà thống nhất của con người và xã hội Đại Việt thời kỳ xây dựng nhà nước quân chủ. Những nhân vật này phần lớn đều có sự trợ giúp của linh thần để thành công sứ mệnh hay vượt hiểm nguy.

2.2.3. Nhóm truyền thuyết về nhân vật có công “hóa Thánh” trở thành linh thần

Trên cơ sở tư liệu khảo sát, chúng tôi ghi nhận tiểu loại này có 62/312 truyện (19.87%), trong đó thần tích chiếm 3 truyện, truyền thuyết chiếm 59 truyện. Tiểu loại truyền thuyết này kể về các nhân vật lịch sử, sau khi “hóa Thánh” trở thành thần thiêng hiển linh âm phù người đời sau trong các công cuộc hoặc hiển linh trừng trị kẻ thù. Bộ phận này đã phản ánh được một trong những nét đặc thù của tư duy truyền thuyết. Nó cho thấy sự ngưỡng mộ, lòng tôn kính của nhân dân đối với các vị có công trong công cuộc dựng nước, giữ nước đều có xu hướng “Ngài hóa”. Sự ngưỡng mộ, lòng tôn kính ấy đã đưa truyền thuyết gần hơn với tín ngưỡng dân gian biểu hiện ra qua các hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng, làng xã như các lễ hội, diễn xướng, tục hèm... Sau khi “hóa” thì trở thành linh thần mà tiếp tục phò trợ cho đời sau. Sự chuyển hóa này tạo thành một quy luật: *Có công* → *hiển Thánh* → *linh phù* trong truyền thuyết “Nó biểu hiện niềm tin sắt đá vào sự bất tử và hiển linh của người anh hùng” [36, tr. 21].

Thí dụ, truyện *Sự tích sứ quân Trần Lãm* kể rằng: sau khi hóa, linh thần Trần Lãm thường hiển linh, dân cầu gió được gió, nguyện mưa được mưa. Đời Trần Duệ Tông đánh giặc Chiêm Thành, khi xa giá của vua đi qua trang Lạc Đạo vua có cho trú quân tại đền thờ ngài. Đêm, vua mộng thấy viên quan đầu đội mũ bách tinh, thân khoác áo hồng, tay cầm kim bài, tiến thẳng trước mặt vua tự xưng là danh thần nhà Đinh, xin theo âm phù đánh giặc giúp nước, tỏ rõ sự anh linh. Sau, dân cầu gió được gió, nguyện mưa được mưa.

Truyện *Sự tích Hùng Hải, Đỗ Huy* thời Hùng Vương kể: Trải các triều Tiền Lý, Hậu Lý, Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Tây Sơn, Nguyễn linh thần Hùng Hải và Đỗ Huy đều có hiển linh phù nước hộ dân, cầu mưa đảo hạn.

Truyện *Truyện hai bà Trinh linh phu nhân họ Trung* kể: Sau khi hóa, linh thần Trung Trắc, Trung Nhị rất linh thiêng, người gặp tai họa cầu đảo đều ứng nghiệm, thời Lý Anh Tông gặp đại hạn, vua sai người cầu mưa, thần linh ứng cho mưa xuống cứu dân qua cơn đại hạn. Vua ngủ mộng thấy hai người con gái tự xưng là hai chị em vâng mệnh Thượng đế làm mưa (các dị bản *Chế thắng nhị Trung phu nhân*, *Truyện Trung Vương*, *Nói về sự tích bà Trung Trắc, bà Trung Nhị, Trung Vương* đều kể tương tự).

Truyện *Lê Phụng Hiếu* kể: Sau khi Vương mất, dân cầu đảo ở đền thờ ngài rất được linh ứng.

Truyện *Sự tích miếu hai danh tướng họ Trần* kể: Về sau, khi hai danh tướng Trần Nhật Duật và Trần Quốc Chân qua đời, vua Lê Thánh Tông chinh phạt Chiêm Thành, ngủ lại trong đền thờ các ngài. Đêm, vua mộng thấy hai tướng đến trước mặt quỳ tâu xưng danh, xin theo âm phù đánh giặc. Từ đó, đền thờ ấy ngày càng được thờ phụng trang nghiêm và càng thêm linh ứng.

Sau đây, chúng tôi xin thống kê và mã hóa nhóm truyền thuyết thuộc tiểu loại này để tiện theo dõi (ký hiệu nhóm C):

STT	TÊN TRUYỆN	MÃ HÓA
1	Sự tích Hùng Hải, Đỗ Huy thời Hùng Vương	C.1
2	Truyện Nhất Dạ Trạch	C.2
3	Truyện ông Lý Tiến	C.3
4	Truyện Lý Ông Trọng	C.4
5	Võ Trung và Võ Quốc	C.5
6	Sự tích Chiêm Thành Cửa ải đại vương	C.6
7	Truyện hai bà Trinh linh phu nhân họ Trung	C.7
8	Nói về sự tích ông Sĩ Vương tiên	C.8
9	Bài ký về Lệ Hải Bà Vương	C.9
10	Bà Chén	C.10
11	Ba vị thần ở Tam Bảo Châu	C.11
12	Bố Cái đại vương	C.12
13	Bạch xà nương	C.13
14	Sự tích sứ quân Trần Lãm	C.14
15	Truyện Nguyễn Bô, Nguyễn Bặc	C.15
16	Sự tích sứ quân Kiều Công Hãn	C.16
17	Bà Chúa Tó	C.17
18	Lê Phụng Hiểu	C.18
19	Lý Hoảng	C.19
20	Nguyễn Minh Không	C.20
21	Truyện Phạm Nhan	C.21
22	Sự tích miếu hai danh tướng họ Trần	C.22
23	Đền Thiêng ở cửa biển	C.23
24	Nói về sự tích ông Văn Dĩ Thành	C.24
25	Truyện nàng Vũ ở huyện Nam Xương	C.25
26	Chuyện ở chùa Trăm gian	C.26

27	Châu Nương phu nhân	C.27
28	Sự tích Ả Lã - đệ nhị công chúa đời Trần	C.28
29	Đền cửa Càn Hải	C.29
30	Sự tích công chúa Lê Ngọc Bái con gái Lê Lợi	C.30
31	Truyện Đào nương	C.31
32	Phạm Tử Nghi	C.32
33	Công chúa Mai Châu	C.33
34	Hổ huyết	C.34
35	Nói về sự tích ông Lương Nhữ Hộc	C.35
36	Bà thiếu Phó	C.36
37	Nhà sư chùa An Ninh với vị tướng quân	C.37
38	Sự tích miếu cổ ở cửa Đông Hoa	C.38
39	Sự tích suối Rắn	C.39
40	Sự tích miếu bà chúa Ngựa	C.40
41	Bà Đênh - Linh Sơn thánh mẫu	C.41
42	Ngô Thị Nương Nương	C.42
43	Sự tích núi Sầm Sơn	C.43
44	Núi Trường Lệ	C.44
45	Phó tướng Bình Tây Nguyễn Nhựt Chi	C.45
46	Đám là tối trời	C.46
47	Ngày giỗ của ông Thiên Hộ	C.47
48	Truyện về ông Phòng Biều	C.48
49	Độc Binh Kiều	C.49
50	Cuộc khởi nghĩa của Tứ Kiệt	C.50
51	Bốn trang hào kiệt Cai Lậy	C.51
52	Lãnh binh Nguyễn Văn Cẩn	C.52
53	Khu mộ lớn	C.53
54	Chuyện anh hùng Nguyễn Trung Trực	C.54

55	Ông Nguyễn	C.55
56	Lòng hiếu thảo và khí phách của Nguyễn Trung Trực	C.56
57	Nguyễn Trung Trực chịu thụ hình	C.57
58	Bà Điều - Bà Đỏ	C.58
59	Sự tích miếu ông Gốc	C.59
60	Lê Quang Quan	C.60
61	Hữu phủ tổng quốc công huyền thoại	C.61
62	Lê Văn Duyệt	C.62

Bảng 2.3

2.2.4. Nhóm truyện kể về sự “hóa thân” truyền đời của linh thần qua nhân vật truyền thuyết

Khác với nhóm ở trên, linh thần vốn có gốc từ nhân thần, sau khi “hiển Thánh” đã trở lại phò trợ cho đời sau. Ở dạng này, truyện kể về nhân vật truyền thuyết vốn được “hóa thân” từ các linh thần đời trước lại tiếp tục “hóa Thánh” sau khi hoàn thành sứ mệnh để tiếp tục hiển linh. Thực chất của truyền thuyết nhóm này là sự kết hợp mô hình nhóm một và nhóm ba.

Trên cơ sở tư liệu khảo sát, chúng tôi ghi nhận tiểu loại này có 49/312 truyện (15.70%), trong đó thần tích chiếm 28 truyện, truyền thuyết chiếm 21 truyện. Nhân vật linh thần trong tiểu loại này vừa là sự hóa thân của linh thần đời trước vừa trở thành linh thần hiển linh âm phù người đời sau hoặc hiển linh trừng trị kẻ thù sau khi “hóa Thánh”.

Truyện *Sự tích sáu vị thần tướng thời Hùng Duệ Vương đánh giặc Nam Chiếu và giặc Thục* kể rằng: Người mẹ lên núi Bàn Thạch hái thuốc bị quái vật đầu gà thân rắn quấn lấy thân mình ba vòng sợ hãi ngất đi. Trong mơ thấy một đại thần tướng, thân người đầu gà xưng hiệu Thiên Bồng vâng mệnh trời xin làm con. Người mẹ thụ thai sinh được một con trai thân người đầu gà, trong lòng bàn tay có in dấu bốn chữ “Thiên Bồng chi ấn”. Sinh thời, ông là tướng tài của vua Hùng Vương thứ 16 (Vũ Vương hoàng đế). Có công giúp vua đánh giặc Ô Mộc Nam Bạch Hồ Động và giặc Nam Chiếu. Sau khi đánh tan quân giặc, ông lên đỉnh núi quê nội ở trang

Bồng Sơn, huyện Tống Sơn ngồi hồi lâu rồi bay lên trời mà biến đi (ngày 10 tháng 12). Về sau, Tản Viên Sơn Thánh cùng các tướng phụng mệnh Hùng Duệ Vương đánh giặc Thục có làm lễ mật đảo Thiên Bồng đại vương xin được âm phù hộ quốc và được toàn thắng.

Truyện *Sự tích anh em Trù công và Thuận nương giúp bà Trưng đánh đuổi Tô Định* kể: Bà mẹ chiêm bao lên vườn bàn đào của Tây Vương Mẫu bắt được hai bông hoa đào, huệ. Nhân đấy mà có thai sinh ra anh em Trù công, Thuận nương. Hai anh em có mối thù giết cha mẹ với Thái thú Tô Định. Hai anh em trốn đến chùa làng Tử Tế, giả làm tăng ni đạo sĩ, chiêu binh mãi mã, đem sĩ tốt theo Hai Bà trả đền nợ nước thù nhà. Thắng giặc, Bà Trưng lên ngôi vua. Sau ba năm, giặc kéo tới báo thù. Bà Trưng bại trận tự tử. Hai anh em không thể bảo toàn được lực lượng nên tự sát theo. Dân nhớ ơn, sửa sang từ vũ, viết tên thần hiệu phụng thờ làm thần Thành hoàng làng. Sau khi hóa, hai ngài rất linh thiêng hiển hách. Các triều cầu mưa được mưa, cầu nắng được nắng.

Truyện *Sự tích sứ quân Đỗ Cảnh Thạc Độc nhĩ Đại vương* kể: cha mẹ của Đỗ Cảnh Thạc Độc nhĩ Đại vương mơ thấy hai gấu thần từ không trung giáng xuống trước sân, chúng cùng nhau vờn nhảy tung tăng. Ông bà trong mộng bắt được một con, bà mẹ cảm ứng có mang sinh ra ngài. Trưởng thành, ngài phò Ngô Vương Quyền đánh nhau với Đinh Tiên Hoàng. Trong lúc giao chiến với Đinh Bộ Lĩnh, ngài bị mũi tên lạc làm sát thương. Sau khi “hóa” ngài linh thiêng hiển ứng giúp nước cứu dân, giúp mưa phù tạnh.

Truyện *Sự tích Chinh nương và Chu Chương* kể rằng cha mẹ của Chinh nương và Chu Chương nằm mơ gặp Phật Quan Âm thể tôn dắt tới cho hai đứa trẻ. Nhân đấy bà mẹ mang thai sinh ra hai ngài. Lớn lên, chị gái Chinh nương, quốc sắc thiên hương được vua Lý Anh Tông lấy làm Đệ tam Cung phi, em trai Chu Chương văn chương võ nghệ song toàn, vua mến tài mời vào triều cho làm quan Bình chương sự vụ, kiêm tri nội các. Đất nước có giặc Chiêm Thành, Chu Chương thống lĩnh ba quân cùng sự phối hợp trợ giúp của chị đã phò vua Lý Anh Tông dấy binh đánh thắng giặc. Sau khi giặc tan, đất nước thanh bình. Chu Chương đi chu du thiên

hạ. Sau khi qua đời, triều đình phong cả hai chị em là Thượng đẳng Phúc thần. Về sau, hai ngài lại anh linh cứu giúp nhân gian.

Truyện *Truyện nàng công chúa đời Trần* kể rằng Bà mẹ của Ngọc nương tắm gội ở hồ, bị con rắn trắng phủ quanh thân thể, dải nước thơm khắp người, trong lòng chuyển động, cảm hoài mà có mang 12 tháng sinh ra ngài. Đến khi tuổi vừa mười tám, nàng Ngọc biểu hiện là người con gái có đủ công dung ngôn hạnh, nét na hiên hòa, dáng vẻ yếu điệu, tính nết phúc hậu, hiền từ, khoan hồng hiếu đễ, lại ưa nước. Nàng không phải là người dương thế mà là tinh khí của thủy đế long vương. Cha mẹ nàng hết mực yêu mến, cho nàng ra ở riêng nơi cung Khát. Một buổi trưa nọ, nàng đang ngắm cảnh ở lầu cung, bỗng trời đất tối sầm, mây mưa mù mịt, nước sông dâng cao, chợt hiện rắn trắng thân dài 10 trượng, rẽ nước thành luồng, đón nàng trở lại thủy cung rồi biến mất. Từ khi ngài “hóa”, các khách qua lại bán buôn thấy linh thiêng như vậy thường đến cầu đảo, đều ứng nghiệm cả. Ngôi miếu thờ ngài thường linh thiêng hiển ứng, già trẻ đều mộng thấy một mỹ nhân xiêm y màu trắng tự xưng là con của Long Vương Thủy phủ đòi dân dọn sạch miếu vũ để thờ, rồi hét to lên một tiếng, bay vút lên không. Sau, dân bị bệnh tật, họa lớn, dân lập miếu thờ, được an bình yên ổn, hưởng phúc thái bình. Vua Trần Anh Tông đi đánh giặc Nguyên, khi qua miếu thiêng thờ ngài, tự nhiên xe rồng dừng lại không tiến. Đêm, vua mộng thấy một mỹ nhân xiêm y toàn sắc trắng, đứng trước mặt tự xưng là con của Long Vương Thủy phủ, xin theo âm phù vua đánh giặc. Vua đánh trận, đang khi giao chiến, thấy rồng, rắn, cá, ba ba nổi đầy trên mặt sông. Quân Nguyên thấy vậy tự nhiên chạy tháo lui về nước. Từ đó giặc tan.

Sau đây, chúng tôi xin thống kê và mã hóa nhóm truyền thuyết thuộc tiểu loại này để tiện theo dõi (ký hiệu nhóm D):

STT	TÊN TRUYỆN	MÃ HÓA
1	Sự tích sáu vị thần tướng thời Hùng Duệ Vương đánh giặc Nam Chiếu và giặc Thục	D.1
2	Truyện Trung Định công thời Hùng Vương	D.2
3	Sự tích Cai sỏ đại vương và Lôi công đại vương thời Hùng Vương	D.3
4	Sự tích Mực công thời Hùng Vương	D.4
5	Truyện Tản Viên Sơn Thánh	D.5
6	Ngọ Sơn đại vương	D.6
7	Sự tích hai anh em Thiện, Quang thời Hùng Vương	D.7
8	Sự tích Lã Man và Bạch Tinh phu nhân thời Hùng Vương	D.8
9	Sự tích bảy anh em Lương, Hải, Long, Lôi, Sơn, Nhạc, Lĩnh thời Hùng Vương	D.9
10	Sự tích Thành Công, Mang Công, Vĩnh Công, Mộc Công và Lại Công thời Hùng Vương	D.10
11	Sự tích Anh Công, Dục Công thời Hùng Vương	D.11
12	Sự tích Đào An, Đào Ý thời Hùng Vương	D.12
13	Sự tích Linh Công, Thủy Công, Đài Công thời Hùng Vương	D.13
14	Sự tích Cao Sĩ đời vua Hùng	D.14
15	Sự tích Nhạc Sơn cư sĩ thời Hùng Vương	D.15
16	Sự tích Ông Dục thời Hùng Vương	D.16
17	Sự tích Nguyễn Thiện, Nguyễn Vực đánh giặc Ân	D.17
18	Sự tích Cường Bạo đại vương	D.18
19	Sự tích anh em Trù công và Thuận nương giúp bà Trưng đánh đuổi Tô Định	D.19
20	Sự tích Đào Kỳ thời vua Trưng	D.20
21	Sự tích Đường Hoàng thời vua Trưng	D.21
22	Sự tích Thủy Hải và Đặng Giang thời vua Trưng	D.22

23	Sự tích Học công, Nga nương, Hồng nương thời Hai Bà Trưng	D.23
24	Sự tích Bát Nàn công chúa	D.24
25	Truyện tam vị thiên thần thời Trưng Vương	D.25
26	Sự tích ba anh em một nhà làm tướng của Hai Bà Trưng	D.26
27	Sự tích hai anh em đánh giặc Tô Định	D.27
28	Sự tích thần Đình Tào	D.28
29	Sự tích Nguyễn Công Bảo giúp Triệu Việt Vương đánh giặc Lương	D.29
30	Sự tích Luy Ông	D.30
31	Sự tích hai mẹ con đánh giặc Lương	D.31
32	Sự tích sứ quân Ngô Xương Xí	D.32
33	Sự tích Đô Quan thời Tiền Lê	D.33
34	Sự tích sứ quân Đỗ Cảnh Thạc Độc nhĩ Đại vương	D.34
35	Sự tích Thánh Trần Vũ	D.35
36	Sự tích Cảnh kỳ, Tiến Sơn	D.36
37	Sự tích Chinh nương và Chu Chương	D.37
38	Truyện bốn anh em cùng một bọc có công chống ngoại xâm thời Lý Thánh Tông	D.38
39	Truyện nàng công chúa đời Trần	D.39
40	Sự tích Đinh Công Tuấn đời Trần	D.40
41	Sự tích Nguyệt Nga công chúa	D.41
42	Sự tích Hạc Lai và Vũ Cốt giúp Lê Lợi đánh giặc Minh	D.42
43	Sự tích Dương Trục và Tô Quang thời Lê	D.43
44	Liều Hạnh Tiên chúa	D.44
45	Sự tích Bảo Phúc đại vương thời Lê	D.45
46	Sự tích Hùng Lược đại vương thời Lê	D.46
47	Truyện chùa Bối Khê	D.47
48	Truyện thuyết về Thiên Y a Na	D.48
49	Ngọc Hà, núi Sưa và chuyện Huyền Thiên Hắc Đế	D.49

Bảng 2.4

Cùng với kiểu truyện hỗn hợp trên, có thể thấy một số biến thể khác đã góp phần tạo nên những nhóm truyện thuyết riêng theo ba kiểu sau đây:

- Nhóm truyện về nhân vật truyền thuyết được “hóa thân” từ các linh thần đời trước và tiếp tục được âm phù trong các tình huống của truyện

Trên cơ sở tư liệu khảo sát, chúng tôi ghi nhận biến thể này có 32/312 truyện (10.25%), trong đó thần tích chiếm 15 truyện, truyền thuyết chiếm 17 truyện. Biến thể truyền thuyết này kể về các nhân vật linh thần vừa được “hóa thân” từ các vị thần đời trước vừa nhận được sự âm phù trợ giúp của các vị thần thiêng khi đánh giặc nhưng không hiển linh thành thần sau khi “hoá”.

Có thể dẫn ra đây một số truyện thuyết tiêu biểu cho kiểu biến thể này như truyện *Sự tích Thiên Đá và Đường Lô đánh giặc Ân*. Truyện kể rằng: Có một đêm bà mẹ linh thần Đường Lô nằm mơ đi dạo chơi tới cửa miếu nghe văng vẳng có tiếng người ngâm thơ báo điềm có thổ thần vâng mệnh Thiên đình giáng sinh làm con mà có thai sinh ra ngài. Còn cha mẹ linh thần Thiên Đá thấy điềm bàn đá trong vườn nhà bị vỡ làm hai mảnh, bên trong cũng đề mấy dòng thơ dự báo điềm sinh con thánh mà có thai sinh ra ngài. Trưởng thành hai ngài phò vua Hùng Huy Vương đánh giặc Ân. Hai vị được sự trợ giúp của thiên thần Phù Đổng nên chỉ trong một trận đánh lớn giặc Ân đã tan tác ngay.

Còn truyện *Sự tích Quan Âm đại vương thời Đinh Tiên Hoàng* kể về người anh hùng tên Quan Âm, được sinh ra từ giấc mộng thấy nuốt râu rồng mà thụ thai của bà mẹ. Khi đất nước đối đầu với giặc ngoại xâm (giặc Ngô) Quan Âm đại vương đã trở thành dũng tướng xông pha giết giặc cứu nước. Người anh hùng của truyền thuyết có cốt thần tiên ấy khi ra trận gặp lúc lâm nguy ngay lập tức được ba vị tự xưng là Bản cảnh Thành hoàng xin theo âm phù trợ giúp và được toàn thắng. Biểu tượng rồng ở đây chính là sự hiển linh hóa thân của linh thần đời trước. Nói cách khác, người anh hùng trong truyền thuyết không chỉ có tài dẹp giặc cứu nước lúc sinh thời mà còn là hiện thân của sức mạnh truyền đời trong sự nghiệp giữ nước. Trong tín ngưỡng dân gian, rồng là một trong bốn biểu tượng của “tứ linh” tiêu biểu cho sức mạnh của đế vương, của người anh hùng làm nên nghiệp lớn. Rõ ràng, tuy

truyền thuyết này ra đời trong giai đoạn phong kiến tự chủ, thời Ngô - Đinh - Tiền Lê, song tính chất hiển linh hóa thân, hiển linh phù giúp của linh thần đời trước vẫn còn hiện hữu.

Tương tự, truyện *Sự tích Lý Bí* kể rằng bà mẹ của Lý Bí chiêm bao thấy mình bay lên núi cuội rồng vàng, nhô râu rồng đem về nhà mà có mang sinh ra ngài. Lúc bấy giờ, đất nước đối đầu với giặc Lương, Lý Bí cùng Triệu Quang Phục ra sức đánh đuổi chúng. Lý Bí chẳng may bị nhiễm lam chướng thành bệnh rồi mất. Triệu Quang Phục thay ông tiếp tục sự nghiệp cứu nước. Khi Triệu Quang Phục đóng quân ở đầm Dạ Trạch, ngài đã được thần nhân cho chiếc móng rồng, cắm lên mũi đầu mâu nên đánh đâu thắng đó. Rõ ràng trong truyện này “yếu tố linh thần phò trợ” tuy không trực tiếp phù giúp người anh hùng được “hóa thân” từ linh thần đời trước (Lý Bí), song, suy cho cùng, lý tưởng đánh giặc cứu nước là lý tưởng chung của người anh hùng qua các thời đại nên có sức lan truyền mạnh mẽ. Do vậy, việc thần nhân phù giúp Triệu Quang Phục khi ngài thay Lý Bí gánh lấy sứ mệnh thiêng liêng ấy, theo chúng tôi, âu cũng là điều hiển nhiên và phù hợp với kết cấu của nhóm truyện này.

Sau đây, chúng tôi xin thống kê và mã hóa nhóm truyền thuyết thuộc biến thể này để tiện theo dõi (ký hiệu nhóm E):

STT	TÊN TRUYỆN	MÃ HÓA
1	Sự tích bốn đại vương họ Đinh thời Hùng Vương	E.1
2	Sự tích Thổ Thống và Nại Nương thời Hùng Vương	E.2
3	Sự tích năm anh em Minh công, Tín công, Cao công, Thạch công và Dung nương thời Hùng Vương	E.3
4	Sự tích Tản Viên Sơn Thánh cùng các vị Hiền công, Minh công, và Phạm Hiếu, Phạm Thành, Phạm Lương đánh giặc	E.4
5	Sự tích Minh Lang, Sát Hải, Quế Hoa, Quỳnh Hoa, Mai Hoa thời Hùng Vương	E.5
6	Sự tích hai hoàng tử Bảo Quốc, Chân Võ thời Hùng Vương	E.6
7	Sự tích Thần Thông, Cương Nghị, Hùng Cường thời Hùng Vương	E.7
8	Sự tích Thiên Đá và Đường Lô đánh giặc Ân	E.8
9	Sự tích cửa ải Vũ Uy đại vương thời vua Hùng	E.9
10	Sự tích chàng Cả, chàng Hai, chàng Ba đại vương thời Triệu Vũ Đế	E.10
11	Sự tích năm anh em chàng Vịt	E.11
12	Sự tích Doãn công dẹp giặc Tô Định	E.12
13	Sự tích Phạm Đồng	E.13
14	Sự tích các ông Cả Lợi, Hai Lợi	E.14
15	Sự tích Lý Bí	E.15
16	Ba anh em họ Nguyễn	E.16
17	Thành hoàng làng Thạch Lỗi	E.17
18	Sự tích Đại lang, Nhị lang thời Triệu Việt Vương	E.18
19	Sự tích bà mẹ Đinh Tiên Hoàng và các công thần	E.19
20	Sự tích Quan Âm đại vương thời Đinh Tiên Hoàng	E.20
21	Sự tích Đô công, Chắt công, Đinh công thời Đinh Tiên Hoàng	E.21
22	Ông tiên xoa bà rỗng ắp	E.22
23	Sự tích hai anh em Phạm Quang, Phạm Huy thời Lý	E.23

24	Sự tích bà Quý Minh thời Trần	E.24
25	Sự tích Linh Thông hòa thượng đời Trần	E.25
26	Truyện chiếc gương thần của Lê Lợi	E.26
27	Bà chúa nghề tằm	E.27
28	Lê Quý Đôn	E.28
29	Lê Văn Khôi	E.29
30	Ông Thấp Đền, ông Đánh Chiêng, ông Chiêng Lệnh	E.30
31	Chàng đánh giặc bằng cái móng tay	E.31
32	Ba vị tướng tài làng Chi Ngải	E.32

Bảng 2.5

Biến thể của kiểu truyện hỗn hợp về linh thần như đã trình bày ở tiểu loại 4 ngoài kiểu truyện về linh thần ở nhóm E, còn có thể tìm thấy thêm hai biến thể nữa ở nhóm F và G dưới đây:

- Nhóm truyện về nhân vật truyền thuyết nhận được sự phù giúp của linh thần trong lúc đánh giặc. Nhân vật truyền thuyết ấy, sau khi “hóa Thánh” trở thành linh thần phù trợ người đời sau hoặc trừng trị kẻ thù

Trên cơ sở tư liệu khảo sát, chúng tôi ghi nhận biến thể của kiểu truyện này có 9/312 truyện (2.88%), trong đó thần tích chiếm 2 truyện, truyền thuyết chiếm 7 truyện. Biến thể này kể về các nhân vật truyền thuyết vừa nhận được sự âm phù trợ giúp của các vị linh thần khi đánh giặc vừa trở thành linh thần sau khi “hóa Thánh”.

Nhóm truyền thuyết này xuất hiện tuy không nhiều nhưng xuyên suốt từ thời Hùng Vương, Bắc thuộc đến thời phong kiến tự chủ và cận hiện đại với niềm tin vào thế lực siêu phàm luôn hiện hữu trong thế giới tâm linh của con người ở cuộc đời thật. Niềm tin ấy đã tạo nên sức mạnh giúp người anh hùng chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược và dù có thất bại đi chăng nữa thì niềm tin ấy một lần nữa lại được gửi gắm vào người anh hùng sau cái chết vì thất trận, vì bị giặc giết hại của họ. Điều đó có nghĩa, người anh hùng có công đánh giặc từng là đối tượng âm phù của thần linh ấy đã đi vào lòng dân một cách tự nhiên để sau khi người anh hùng “hóa Thánh” lập tức trở thành linh thần phù trợ người đời sau trong tâm thức và tín ngưỡng dân gian.

Có thể kể ra đây một loạt truyện tiêu biểu cho biến thể truyền thuyết có yếu tố hiển linh phù giúp của linh thần và có nhân vật trở thành linh thần sau khi “hoá Thánh” như truyện *Sự tích hai anh em sinh đôi Cao Sơn - Quý Minh*, truyện *Sự tích Thục nương và công chúa My Châu*, truyện *Sự tích Hà Đại Liễu, Cao Sơn, Tản Thẳng thời vua Trưng*, *Truyện bà Hiền Nhân*, *Truyện Nguyễn Trung Trực*, truyện *Ngôi mộ bà Dương ...*

Truyện bà Hiền Nhân kể: “Khi Lê Lợi kéo quân vào Nghệ An, vương mộng thấy thần nói rằng: xin được cho một người thiếp, thì nguyện xin giúp đỡ đánh giặc thành công”. Bà Trần Thị Ngọc Trần (Hiền Nhân) tự nguyện hiến sinh. Thuyền vua bình an. Sau khi “hoá”, bà linh ứng phù hộ cho xóm làng được an khang thịnh vượng. Ở truyện này, mặc dù yếu tố hiển linh phù trợ vua Lê đánh giặc là có điều kiện, song vẫn có thể xem đây là một trong những dẫn chứng sinh động của kiểu truyện thuộc biến thể này.

Truyện Nguyễn Trung Trực kể: “Một đêm, Nguyễn Trung Trực một mình một ngựa đột nhập đồn Kiên Giang, hạ sát bảy tám chục tên giặc Pháp. Bọn Pháp sống sót tỉnh dậy, đuổi theo, ra tới bờ biển thì thấy ông ngồi trên mình ngựa lướt sóng như bay về phía Hòn Tre. Chúng bắn theo, nhưng kỳ lạ thay, đạn vừa ra khỏi nòng liền quay ngược lại, xuyên thẳng vào ngực chúng. Thay giặc chết nằm ngổn ngang. Giặc kinh hồn hoảng vía, co lại một thời gian. Ông Nguyễn ra Hòn Tre xây dựng lại lực lượng nghĩa quân... Nhân dân còn truyền rằng ở chỗ Nguyễn Trung Trực tử tiết, đêm đêm vẫn vang lên tiếng kèn thúc quân, tiếng gươm giáo khua, tiếng quân sĩ hò reo. Bọn Pháp quanh đó, không bao giờ có được giấc ngủ yên lành.” Oai linh của người anh hùng Nguyễn Trung Trực sau khi “hoá Thánh” trong truyện kể ra đời ở giai đoạn muộn này, tuy không có chức năng phù trợ người đời sau như trong các truyền thuyết ra đời ở giai đoạn trước đó nhưng rõ ràng sức mạnh và khả năng uy hiếp kẻ thù là có thật. Điều đó càng khẳng định mạnh mẽ tính chất “phúc thần” tiếp nối sự nghiệp “thần tử” dở dang của người anh hùng trong truyền thuyết và trong tâm thức dân gian sau khi các ngài đã “hiển Thánh” uy linh.

Sau đây, chúng tôi xin thống kê và mã hóa nhóm truyện thuyết biến thể thuộc tiểu loại 4 để tiện theo dõi (ký hiệu nhóm F):

STT	TÊN TRUYỆN	MÃ HÓA
1	Sự tích hai anh em sinh đôi Cao Sơn – Quý Minh	F.1
2	Sự tích Thục nương và công chúa Mỹ Châu	F.2
3	Sự tích Hà Đại Liễu, Cao Sơn, Tần Thắng thời vua Trung	F.3
4	Truyện dị nhân làng Hạ Bì	F.4
5	Sự tích bà vợ cả của Lê Lợi	F.5
6	Truyện bà Hiền Nhân	F.6
7	Truyện tích Thai Dương phu nhân	F.7
8	Truyện Nguyễn Trung Trực	F.8
9	Ngôi mộ bà Dương	F.9

Bảng 2.6

- Kiểu truyện về linh thần đời trước “hóa thân” vào nhân vật truyền thuyết và tiếp tục được phò trợ khi gặp sự cố. Sau khi lập công lại tiếp tục “hóa Thánh” để hiển linh âm phù cho đời sau

Trên cơ sở tư liệu khảo sát, chúng tôi ghi nhận biến thể truyện thuyết này có 11/312 truyện (3.52%), trong đó thần tích chiếm 8 truyện, truyền thuyết chiếm 3 truyện. Đây là biến thể đầy đủ nhất của kiểu truyện hỗn hợp. Biến thể này kể về các nhân vật truyền thuyết vừa được linh thần đời trước “hóa thân” vào, vừa nhận được sự âm phù trợ giúp của linh thần khi đánh giặc, và cũng đồng thời trở thành linh thần sau khi “hóa Thánh”. Nhóm truyện này được tìm thấy chủ yếu trong truyền thuyết thời Lý (5 truyện) và xuất hiện rải rác ở thời Hùng Vương (3 truyện), thời Bắc thuộc (2 truyện), thời Ngô - Đinh - Tiền Lê (1 truyện).

Truyện thuyết *Sự tích Niệm Hưng đánh Thục* thời Hùng Vương kể: “Bà mẹ Niệm Hưng nằm mơ thấy nuốt một con rắn trắng rồi tự nhiên có thai sinh ra ngài. Về sau, có chiếu nhà vua sai ngài đi dẹp giặc, ngay đêm hôm ấy, ngài nằm mơ thấy có một người mặc áo đỏ, thân thể dị kì, hình dung cổ quái từ dưới nước đi lên, tự xưng

là con giai vua Lạc Long Quân xin đi âm phù và có ước cùng ngài rằng: Nếu sau này dẹp giặc được thành công thì cho cùng phối hưởng. Khi ngài đem quân đến núi Sóc Sơn, bị quân Thục vây hãm trong 15 ngày, quân gia đói khát. Ngài sai quân đào giếng, giếng không có nước. Ngài ngửa mặt lên trời khẩn thần âm phù, rồi bỗng nhiên thấy bốn bề mây kéo đến tối tăm, mù mịt, mưa xuống thật to. Ngài phá được giặc Thục, quân giặc thua chạy. Sau khi “hoá”, ngài linh thiêng hiển ứng. Đòi vua Đinh Tiên Hoàng, khi chùa bị giặc vây, vua sai sứ cầu bách thần. Ngài và vị thần linh đều âm phù giải vây. Đòi vua Lê Đại Hành đánh Hầu Nhân Bảo nhà Tống. Vua sai quan đến làng Lỗ Khê vào đình cầu thần âm phù. Quả nhiên đánh được giặc, giết được Hầu Nhân Bảo.”

Truyện thuyết *Sự tích Triệu Việt Vương và Cáo nương* kể rằng: bà mẹ của Triệu Quang Phục nằm mơ thấy điềm bụng sinh ra hoa sen mà có thai đẻ ra ngài. Về sau, ngài đem quân chống giặc Lương có làm lễ trời đất được Chử Tiên hiển linh cho cái vuốt rồng. Sau khi ngài “hóa”, các đời vua về sau đều cho là thiêng lạ. “Đến đời vua Thái Tổ nhà Lý đi đánh giặc ở Minh Châu khi đi qua bể Đại Nha đến sông Biện Loan gặp giờ đất mù mịt, vua Thái Tổ đốt hương khẩn trời tự trách, phút chốc có một đám mây trắng nổi lên mặt bể, có tiếng quát to lên rằng: “Ta là Long Vương Thủy Tinh là anh em với vua Hùng Vương, ngày trước thác sinh vào nhà họ Triệu, tên hiệu là Việt Vương, ta vì thương con gái và con rể, cho nên vạ sinh ở trong nhà, đến nỗi phải thua chạy. Thượng đế cho ta trấn trị ở bể này. Nay vua đã qua ở chốn này, thì ta cũng thuận giúp”.

Truyện thuyết *Vũ Thành* thời Lý kể: Bà mẹ Vũ Thành ngủ mơ thấy thần nhân xuất hiện và cho biết bà sẽ có thai. Về sau, Vũ Thành được thần linh sông núi cho kiếm thần, kiếm thần phát ra tiếng nổ lớn. Vũ Thành mộng thấy một ông lão da đỏ, áo hồng, chống gậy đến ban cho một chữ “thiệt”. Vũ Thành dẫn quân đi đánh giặc Nguyên. Trước lúc lên đường, chợt thấy con ngựa trắng mà ngày thường không ai cưỡi được, chạy thẳng đến trước mặt ngài. Vũ Thành đeo kiếm thần và khẩn: “Nếu trời phú đức giúp ta thì xin cho con ngựa quỳ xuống, tắt sự việc thành công”. Dứt lời, bạch mã quỳ xuống đón ông. Trong trận đánh thứ mười, vì kiếm thần bị tráo,

ông bị giặc chém ngã đầu. Ông vội vàng nhặt đầu chắp vào cổ rồi cưỡi ngựa chạy thẳng một mạch về đất Lam Sơn.

Sau đây, chúng tôi xin thống kê và mã hóa nhóm truyện thuyết thuộc tiểu loại 4 để tiện theo dõi (ký hiệu nhóm G):

STT	TÊN TRUYỆN	MÃ HÓA
1	Sự tích Thánh Tản Viên và Quý Minh	G.1
2	Sự tích Niệm Hưng đánh Thục	G.2
3	Sự tích Vũ Lang danh tướng Triều Hùng đánh giặc Ân	G.3
4	Sự tích Mộc Hoàn thời vua Trưng	G.4
5	Sự tích Triệu Việt Vương và Cảo nương	G.5
6	Sự tích Trình An Tể thời Đinh	G.6
7	Sự tích Ý Lan phu nhân	G.7
8	Sự tích thần Linh Lang	G.8
9	Truyện Cao Sơn đại vương thời Lý	G.9
10	Truyện Đoàn Thượng Đông Hải đại vương	G.10
11	Vũ Thành	G.11

Bảng 2.7

Như vậy, nếu căn cứ vào các nhóm truyện trên đây có thể thấy vai trò, chức năng của linh thần chi phối đến cấu tạo truyện khá rõ nét. Dù ở hình thức nào đi nữa, linh thần vẫn là một thể lực màu nhiệm được kế thừa qua các thời đại, đồng thời được xem là phẩm chất của nhân vật truyện thuyết có chức năng trợ giúp trong cấu tạo cốt truyện. Tính nhất quán này gần như xuyên suốt từ thời đại Hùng Vương qua Bắc thuộc đến Phong kiến và cận hiện đại. Tuy nhiên, mỗi thời đại, tùy theo đặc điểm và sự phát triển tư duy khác nhau sẽ có những khía cạnh biểu hiện khác nhau.

Có thể thấy, đối với truyện thuyết thời đại Hùng Vương, Bắc thuộc và các thời phong kiến tự chủ, tính chất hiển linh của nhân vật linh thần hay “yếu tố hiển linh” của linh thần trong tình tiết truyện được biểu hiện một cách cụ thể, chi tiết, sinh động và mang đậm màu sắc tín ngưỡng, tôn giáo, đồng thời chiếm một lượng

lớn so với truyền thuyết các giai đoạn muộn về sau ở thời Tây Sơn - Nguyễn Ánh và thời chống Pháp.

Vì thế, tư duy trong truyền thuyết về linh thần các thời đại này đã thể hiện một niềm tin nhất quán, xuyên suốt vào vai trò và sức mạnh thiêng liêng thuần túy của thế giới thần linh khiến các truyện kể ở đây thường có tính chất ma quái, thần thánh.

Trong khi đó, truyền thuyết về linh thần ra đời ở giai đoạn muộn (thời Tây Sơn - Nguyễn Ánh và thời chống Pháp), tư duy ma thuật có sự biến thể rõ nét. Truyền thuyết giai đoạn này chủ yếu kể về nhân vật lịch sử có công sau khi “hóa Thánh” trở thành linh thần và truyền thuyết có “yếu tố hiển linh” của linh thần.

Tiêu biểu cho kiểu truyện kể về nhân vật lịch sử có công trở thành linh thần sau khi “hiển Thánh” là nhóm truyền thuyết ra đời ở giai đoạn chống Pháp. Truyền thuyết về nhân vật linh thần giai đoạn này không còn kiểu thần linh xuất hiện một cách trực diện trong cuộc đời của các nhân vật truyền thuyết mà sự hiện diện của linh thần chủ yếu được thể hiện qua các chi tiết ly kỳ, ảo hóa và có phần rùng rợn như “Thủ cấp Bốn Ông bị treo trên mấy cành cây sau chợ, bên dòng sông Ba Rày, cách xa hơn trăm thước vẫn thấy đôi mắt long lên cương quyết. Tương truyền, một ông Tàu già say rượu đến xem thủ cấp Bốn Ông rồi buông lời ngạo mạn bắt kính, đột nhiên ngã lăn xuống đất, máu mồm mửa ra ông ộc, chết liền tại chỗ. Sau ba ngày bêu đầu Bốn Ông giữa chợ, bọn giặc Pháp cho tay sai trà trộn trong dân chúng, theo dõi những người mướn mộ Bốn Ông. Chúng xâu bốn thủ cấp làm một, đem vùi lấp nơi toàn lau sậy, sinh lầy, hương tàn khói lạnh. Hàng mười năm sau, một sự lạ xảy ra. Từ mộ Bốn Ông, nhiều đốm lửa to đỏ rực bỗng vút lên rồi rơi quanh quận lỵ, gây nhiều trận hỏa hoạn kinh hồn. Thấy sự linh hiển trước mắt, đồng bào mặc cho bọn mật thám Pháp theo dõi, kẻ nhang trầm người hoa quả đến mộ khấn vái Bốn Ông. Từ đó dân chúng trong vùng không còn gặp nạn hỏa hoạn nữa” (*Bốn Trang hào kiệt Cai Lậy* (C.51).

Hay nói cách khác, trong truyền thuyết giai đoạn chống Pháp, yếu tố thần kỳ chỉ xuất hiện ở phần cuối của tác phẩm chứ không xuất hiện với mật độ dày đặc như

trong truyền thuyết các vùng Bắc Bộ giai đoạn Hùng Vương, Bắc thuộc và phong kiến tự chủ.

Tiểu kết

Từ việc thống kê, phân loại trên cho thấy:

Truyền thuyết linh thần đã hình thành những hệ thống và tiểu hệ thống khá rõ nét. Sự biến thể của các kiểu truyện linh thần giữa các nhóm cho thấy sự vận động của loại truyền thuyết này qua nhiều thời đại đã bị tác động bởi các điều kiện sống, trình độ xã hội khiến cho cấu tạo truyện thay đổi về cách tổ chức sắp xếp vai trò nhân vật linh thần. Nòng cốt của các nhóm này là sự “hiển linh” và “hóa thân”. Tùy theo từng nhóm mà linh thần có khi “hóa thân” trực tiếp vào nhân vật truyền thuyết để hành động; có khi linh thần tác động gián tiếp tạo sức mạnh cho nhân vật. Trên nền này, truyền thuyết linh thần còn có những biến thể khác do hòa trộn giữa các kiểu. Đó là kết quả của quá trình vận động của truyền thuyết loại này qua nhiều thời đại. Dù dưới dạng nào, vai trò hiển linh của linh thần vẫn chi phối sự phát triển của cốt truyện. Vấn đề này sẽ được chúng tôi tiếp tục khảo sát ở chương cấu tạo cốt truyện.

CHƯƠNG 3 - ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO TRUYỀN THUYẾT LINH THẦN

3.1. Khái niệm “cấu tạo”

Thuật ngữ “cấu tạo” tác phẩm chúng tôi sử dụng ở đây đồng nghĩa với thuật ngữ “kết cấu” tác phẩm. Tuy nhiên việc tổ chức một tác phẩm văn học dân gian không thuần túy dựa trên yếu tố ngôn từ, do đó chúng tôi dùng khái niệm cấu tạo là nói đến tổng hợp các yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. Nhưng ở phạm vi luận văn, việc khảo sát lại tập trung vào cấu tạo tổ chức yếu tố ngôn từ là chính. Thuật ngữ này có liên quan đến một khái niệm khác: “cấu trúc” tác phẩm.

Từ điển Tiếng Việt định nghĩa khái niệm “cấu trúc” như sau: “Cấu trúc là toàn bộ nói chung những quan hệ bên trong giữa các thành phần tạo nên một chỉnh thể” [95, tr.144], hay “Cấu trúc là một tổ chức được tạo nên bởi tương quan giữa cái cụ thể” [21, tr.14]. Khái niệm “cấu trúc” còn được định nghĩa trong công trình “*150 thuật ngữ văn học*” của tác giả Lại Nguyên Ân: “Cấu trúc là tổ chức nội tại, sự quan hệ qua lại giữa các yếu tố của văn bản văn học mà việc thay đổi một yếu tố nào đó sẽ kéo theo sự biến đổi của các yếu tố khác” [7, tr.38], hay là “Cấu trúc tác phẩm văn học bao gồm các yếu tố được đặt trong các cấp độ phụ thuộc lẫn nhau như sau: Tư tưởng - chủ đề (kể cả đề tài), hệ thống hình tượng (có thể gồm cả cốt truyện), kết cấu, ngôn từ” [7, tr.40].

Trong khi đó khái niệm “kết cấu” cũng được định nghĩa tương tự: “Kết cấu là sự sắp xếp, phân bố các thành phần hình thức nghệ thuật; tức là sự cấu tạo tác phẩm, tùy theo nội dung và thể tài” [7, tr.169]. Việc sử dụng cả ba thuật ngữ này với dụng ý: nếu dùng “cấu tạo” là chỉ chung các mặt biểu hiện; nếu dùng “kết cấu” là chỉ cách sắp xếp, tổ chức các yếu tố tác phẩm và khi nói “cấu trúc”, chúng tôi thiên về tính hệ thống, công thức trong kết cấu của nhóm tác phẩm.

Từ một số định nghĩa về vấn đề *cấu tạo*, *cấu trúc*, *kết cấu* tác phẩm văn học, luận văn tiến hành khảo sát đặc điểm cấu tạo truyền thuyết về linh thần ở bốn cấp

độ: cốt truyện, kiểu nhân vật, tình tiết (các dạng thức hiển linh của linh thần) và một số motif tiêu biểu.

3.2. Cấu tạo truyền thuyết linh thần

3.2.1. Cốt truyện

Ở chương II, chúng tôi đã phân loại các kiểu truyền thuyết linh thần. Việc phân loại ấy có tác dụng làm rõ cơ cấu và sự phát triển của truyền thuyết qua các thời đại. Từ đó, đã quy hợp thành từng nhóm mang tính đặc thù khác nhau. Trên lý thuyết, mỗi một nhóm như vậy có kiểu tổ chức cốt truyện với những nét dị biệt của mình.

Trên cơ sở tư liệu khảo sát, chúng tôi xác định có 4 tiểu loại truyền thuyết linh thần và 3 biến thể của nó. Mỗi một kiểu như thế đồng thời có một đặc điểm *cốt truyện* riêng mang tính đặc thù. Theo đó, chúng tôi thấy các nhóm truyền thuyết có những nét dị biệt trong cấu tạo cốt truyện như sau:

3.2.1.1. Nhóm truyện về nhân vật truyền thuyết được “hóa thân” từ linh thần đời trước (nhóm A)

Đây là nhóm truyện mà nhân vật trung tâm của nó là những con người có xuất thân từ tiên thánh, từ sự “hóa thân” của linh thần đời trước. Linh thần đời trước ở đây có thể là thiên thần, nhiên thần theo tư duy thần thoại. Nhà nghiên cứu Kiều Thu Hoạch có lý khi cho rằng: “Truyền thuyết kể thừa thần thoại về mặt nghệ thuật” và “Các nhà nghiên cứu đã không mấy khó khăn để tìm thấy dấu vết thiên thần trong các nhân thần: Cao Lỗ thoát thai từ thần đá, gốc gác thủy thần của một loạt nhân thần thời Tiền Lý...” [30, tr.161].

Trong truyền thuyết nhóm A, chúng tôi chọn được 71 truyện. Khảo sát cốt truyện, chúng tôi nhận thấy dạng cấu tạo phổ biến của nó thường được triển khai bằng sự lắp ghép của các lớp truyện:

Ở lớp truyện thứ nhất, tác giả dân gian giới thiệu, miêu tả lai lịch nhân vật truyền thuyết từ sự “hóa thân” của linh thần đời trước.

Ở lớp truyện này, truyền thuyết có nhiều cách giới thiệu để dẫn dắt vào nội dung cốt truyện. Có khi kể về tình huống, hiện trạng đất nước các đời vua, có khi đi thẳng vào giới thiệu nhân vật trung tâm.

Có thể nói, trong truyền thuyết nhóm A, hầu hết các nhân vật đều có nguồn gốc và hoàn cảnh xuất thân từ sự hóa thân của linh thần qua trung gian là bà mẹ. Những đứa con mà các bà mẹ mang thai trong nhóm truyện này thường do sự hiển linh “hóa thân” của các linh thần đời trước. Nói cách khác, nhân vật trong truyền thuyết nhóm này được sinh ra từ *sự thụ thai và sinh đẻ thần kỳ* của các bà mẹ. Đây là điểm đồng nhất của truyền thuyết về linh thần với truyền thuyết về người anh hùng nói chung. Bởi, suy cho cùng, nhân vật linh thần trong truyền thuyết cũng chính là nhân vật anh hùng trong truyền thuyết. Việc kể về sự xuất thân kỳ lạ của nhân vật truyền thuyết là một bước chuẩn bị cho nhân vật trở thành người anh hùng cứu nước giúp đời trong tương lai. Vì thế, sự ra đời của nhân vật truyền thuyết ở đây còn chịu sự chi phối bởi những quan niệm tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân: “Đối với quá trình nhào nặn và biến hóa của truyền thuyết anh hùng còn phải kể đến sự tác động âm thầm của tôn giáo. Tùy theo giai đoạn lịch sử được cấu tạo, ghi chép, truyền thuyết sẽ mang theo luôn vào bản thân nó những ý niệm tôn giáo mà nó chịu ảnh hưởng. Cảm quan tôn giáo được thể hiện trong chính những nhân vật anh hùng hoặc trong những tình tiết của truyền thuyết, khi đậm khi nhạt, phản ánh rõ thời kỳ hưng thịnh hay suy vong của từng loại tôn giáo” [30, tr.52].

Trước hết, có thể thấy, nhân vật truyền thuyết ở đây thường là *những thiên thần* do cha mẹ nằm mơ mà có mang sinh thành. Chẳng hạn, truyện A.3 kể về sự ra đời của nhân vật Thiên Quan và Đài Vàng triều Hùng Duệ Vương trong dã sử như sau: cha mẹ các ngài nằm chơi trên thạch bàn, mơ màng thấy có chiếc thang mây lao thẳng từ trên trời xuống, họ leo lên cao, gặp một ông lão râu tóc bạc phơ dắt hai đứa trẻ thanh đồng đưa cho và nói rằng: “Một vị là Thiên Quan, một vị là Đài Vàng, vâng mệnh Thiên đình đầu thai làm con nhà ngươi để giúp nước”.

Ở truyện A.54 nhân vật lịch sử Lê Thánh Tông, một vị vua anh minh trong chính sử, đã được dân gian huyền thoại hóa nguồn gốc xuất thân như sau: “Tương

truyền thái hậu trước lúc thụ thai, nằm mơ đến chỗ Thượng Đế, nghe truyền mệnh cho Tiên Đồng xuống trần, làm vua nước Nam, cùng Ngọc Nữ kết hôn. Tiên Đồng dùng dằng không chịu vâng theo ngay. Thượng Đế giận ném viên ngọc khuê vào trán”. Việc ném đá này dẫn đến sự hoài thai của Thái hậu. Tính chất ly kỳ ở tích “Thượng Đế giận ném ngọc khuê vào trán Tiên Đồng” của truyền thuyết càng củng cố thêm niềm tin thiêng liêng vào vị “vua Thánh triều Lê” trong sử sách.

Thiên thần có khi được định vị bằng *nhiên thần* và hoài thai vào ông bà già hiếm muộn. Chẳng hạn như năm vị sơn thần đời vua Thục ở truyện A.20: Người cha mộng thấy Tam phủ công đồng hội nghị và có tiếng bảo rằng: “Nay có vợ chồng tên trưởng bộ xét ra nhà ấy phúc nhiều họa ít, vậy cho thần Ngũ nhạc giáng thể làm con” mà bà mẹ có thai sinh ra các ngài.

Ở lớp truyện thứ nhất, nhân vật linh thần được sinh ra từ sự thụ thai và sinh đẻ thần kỳ còn có thể tìm thấy xuyên suốt trong truyền thuyết các thời đại như *Truyện tích đức Thánh mẫu thời Hùng Vương* (A.4), *Sự tích Phương Dung công chúa thời vua Trung* (A.21), *Truyện Đình Tiên Hoàng* (A.35), *Sự tích Thiên Bồng nhà Lý* (A.43), *Truyện Bạng công và Hải công đời Trần* (A.49), *Sự tích Ghềnh Bờ* (A.69)... Một điều có thể dễ nhận thấy là *nhóm truyền thuyết về nhân vật truyền thuyết được “hóa thân” từ các linh thần đời trước* xuất hiện nhiều trong truyền thuyết thời Hùng Vương (20 truyện) và thời Bắc thuộc (14 truyện). Như vậy, nhân vật trong truyền thuyết nhóm này đều được kể với công thức được “hóa thân” từ kiếp trước.

Dạng thức này trở thành motif phổ biến dùng để kể về xuất xứ nhân vật trong truyền thuyết và có thể tìm thấy ở rất nhiều truyền thuyết khác nhau. Đó là Cội công trong truyện A.2: “Ta là Sơn Nhạc Tư Tào, phụng mệnh Thiên đình giáng sinh xuống đầu thai làm con cha mẹ để đền đáp công tích nhân tích đức của cha mẹ”, đó là hai anh em thủy thần sinh đôi đánh giặc Lương: “bà mẹ ra sông Hồng tắm thì bị giao long quấn, rồi sinh ra nhị vị” (A.33), đó là Không Lộ thiền sư: “Bà Phùng trông thấy một người con trai từ trên nóc miếu xuống, đứng trước bà tự xưng là Linh Linh thủy thần vâng mệnh Thiên đình xuống đầu thai làm con” (A.1) ...

Nhìn chung, đây đều là những dạng truyền thuyết ra đời sớm, ở đây tín ngưỡng sơ khai đa thần “vạn vật hữu linh” cộng với tư duy thần thoại còn đậm nét. Bên cạnh đó, các tôn giáo như Phật giáo, Đạo giáo thần tiên buổi đầu du nhập vào nước ta còn ở dạng nguyên thủy nên quan niệm về con người nói chung, về người anh hùng nói riêng trong truyền thuyết mang nặng tính duy linh như lời Kiều Thu Hoạch nhận định: “Trong cùng một truyền thuyết vừa nhuộm màu Phật giáo, lại vừa nhuộm màu Đạo giáo, lại có cả những thứ thuộc về tín ngưỡng nguyên thủy. Lại cũng có trường hợp cả ba tôn giáo Nho, Phật, Đạo đều hỗn dung trong một truyền thuyết, đồng thời còn đan cài với đủ thứ tín ngưỡng dân gian hết sức phức tạp.” [30, tr.102]. Song, tính chất thần kỳ, hư ảo của truyền thuyết về linh thần là bắt nguồn từ một cơ sở hiện thực lịch sử nhất định nên khi bóc bỏ lớp vỏ hoang đường thì bên trong vẫn có bằng cứ của đời sống thực tại. Vì tính chất hỗn dung trong tư duy như vậy nên nó sớm mất đi ở những truyền thuyết muộn hơn. Đó là lý do tiểu loại truyền thuyết này không xuất hiện ở thời nhà Nguyễn và giai đoạn chống Pháp.

Lớp truyện thứ hai, tác giả dân gian kể về hành trạng, công tích và mô tả dung mạo của nhân vật truyền thuyết được “hóa thân” từ linh thần đời trước.

Trong cốt truyện của truyền thuyết nhóm A, khi kể về hành trạng, công tích của các nhân vật, tác giả dân gian chủ yếu kể về việc các nhân vật đã dùng sức mạnh, tài năng phi thường, thiên bẩm cùng những phẩm chất tốt đẹp của mình để đánh giặc cứu nước, trừ quái vật ác thú cho dân làng. Chính lớp truyện này là điều kiện thể hiện kết quả siêu phàm của sự hiển linh vào nhân vật.

Chẳng hạn, năm vị sơn thần đời vua Thục ở truyện A.20: “cả năm ông mắt sáng như sao, tiếng nói vang như sấm, tài năng văn võ hơn người, hình vóc cao lớn khác thường, tay cầm trăm cân sắt đá đi chạy nhẹ nhàng như bay, sức mạnh như thần không ai dám địch, văn chương quý khốc thần kinh, võ nghệ rồng gầm cộp thét” đã phò vua Thục đánh tan quân Triệu Đà.

Đó là Tây Hải Á hầu Đại tướng, Tây Hải Cao Sơn Đại tướng đều là những người tinh thông văn võ, phò Triệu Việt Vương đánh giặc Lương trong truyện A.33.

Hay như Trần Hưng Đạo “thể mạo đường đường, phong tư lẫm liệt, mặt như chữ điền, ngũ nhạc thiên triều”, có tài dụng binh như thần, tinh thông binh pháp, phò vua Trần đánh giặc Nguyên Mông (A.46). Cách kể về dung mạo tài năng của nhân vật tương xứng với gốc tích thần linh của họ.

Lớp truyện thứ ba, tác giả dân gian kể về đoạn kết của nhân vật truyền thuyết được “hóa thân” từ linh thần đời trước.

Ở lớp truyện này, tác giả dân gian thường kể về cái chết của các nhân vật truyền thuyết. Có cái chết sau khi thắng trận, lập được công to, triều đình ban thưởng như cái chết của Tây Hải Á hầu Đại tướng, Tây Hải Cao Sơn Đại tướng “Giặc thua, quân ta thắng lớn. Vua ban thưởng trọng hậu. Sau khi giặc tan, quốc gia vô sự, nhị vị xin vua về thăm dinh thự tại các địa phương, giúp dân khuyến khích nông tang. Sau khi nhị lang mất...” (A.33).

Có cái chết do tử tiết vì thất trận, vì bị giặc giết hại. Cái chết này lưu lại nhiều trong truyền thuyết thời Bắc Thuộc. Đó là cái chết của hai anh em Uyên Mặc đại vương và Quang Dung công chúa thời Hai Bà Trưng “Thế giặc mạnh hơn ta gấp bội, bà Trưng giao cho anh em Trình công cầm quân ra trận chiến đấu với giặc, đều bị tử trận” (A.23), hay cái chết của Đệ ngũ Át Sơn “Khi quân Triệu Đà đánh nhau với quân Thục thì ông Đệ ngũ Uy công Đại vương phải người Triệu Đà nó hại” (A.20).

Như vậy, phần kết của nhóm truyện này phần lớn mang màu sắc có hậu như cổ tích. Đó là sự thành công trong sự nghiệp của nhân vật được ban thưởng. Cũng có trường hợp bi thương. Đó là kiểu kết tuân thủ logic của cuộc sống trần thế.

Sau đây là mô hình cấu tạo truyền thuyết nhóm A:

Từ mô hình trên, có thể thấy, truyền thuyết linh thần nhóm A bao gồm những bản kể chủ yếu kể về sự “hóa thân” của linh thần đời trước vào người đời sau thông

qua nhân vật truyền thuyết. Theo mô hình cấu tạo này, trên đại thể có thể hình dung tuy hình thức kể có thể khác nhau, đa dạng, nhiều tầng bậc nhưng chung quy nhân vật trung tâm của truyền thuyết vẫn là sự “hóa thân” của linh thần đời trước. Sự xuất hiện linh thần trong nhóm này thiên về mô tả gốc tích của nhân vật truyền thuyết nên xuất hiện ở đầu truyện. Còn phần truyện tiếp theo chỉ nêu công đức của nhân vật và chung cục.

Với kết cấu nhất quán, đầu - cuối tương ứng trong truyền thuyết về linh thần nói chung, truyền thuyết nhóm này nói riêng giúp người đời sau có cái nhìn toàn diện hơn về các nhân vật truyền thuyết, nhất là đối với các nhân vật anh hùng: họ đi ra từ thế giới của linh thần thì khi mất đi họ lại được chính thế giới ấy đón về. Tuy nhóm truyền thuyết này không kể về sự “hiển Thánh” uy linh của các nhân vật sau khi “hóa”, nhưng âm hưởng của uy linh ấy vẫn đọng lại ở phần chung cục. Nói đúng hơn tư duy thần thoại và tư duy trần tục hòa quyện với nhau ở đây nên bố cục dễ nhớ.

3.2.1.2. Nhóm truyền thuyết có “yếu tố hiển linh” của linh thần (nhóm B)

Khác với nhóm truyện trên, truyền thuyết có “yếu tố hiển linh” của linh thần tức là linh thần không xuất hiện với tư cách là nhân vật của truyện mà chỉ là một tình tiết có liên quan và chỉ tham gia vào hành động nhân vật trong sự phát triển cốt truyện. Trong các tiểu loại truyền thuyết linh thần, tiểu loại truyền thuyết có “yếu tố hiển linh” chiếm số lượng nhiều hơn cả.

Hình thức này còn phổ biến ở thể loại khác như cổ tích. Khi chuyển hóa vào trong cổ tích “yếu tố hiển linh” của linh thần thường được gọi là tiên, trời, bụt, Phật mang chức năng trợ giúp nhân vật bất hạnh, nhân vật thiện, đồng thời trừng trị các thế lực phản diện theo quan niệm dân gian.

Điều này có nghĩa, trong truyền thuyết nhóm B, nhân vật trung tâm không phải là linh thần đời trước “hóa thân” vào người đời sau, cũng không phải là nhân vật lịch sử có công, trở thành linh thần sau khi “hóa Thánh”. Nhân vật trung tâm trong truyền thuyết nhóm này có khi là những người anh hùng, có khi chỉ là những con người bình thường nhưng khi cần thì họ lại được sự âm phù dương thế của các

vị thần thiêng. Nghĩa là, khi gặp bế tắc thì linh thần xuất hiện với chức năng trợ giúp như kiểu nhân vật trợ thủ trong cổ tích.

Nhìn chung, yếu tố hiển linh của linh thần trong truyền thuyết nhóm này có chức năng âm phù trợ giúp nhân vật truyền thuyết vượt qua những tình huống bế tắc khi đánh giặc, trừ thiên tai, dịch bệnh hoặc hiển linh trừng trị kẻ thù.

Khảo sát truyền thuyết nhóm B, chúng tôi ghi nhận có hai dạng cốt truyện:

- Dạng cốt truyện có yếu tố hiển linh âm phù trợ giúp nhân vật truyền thuyết đánh giặc.

- Dạng cốt truyện có yếu tố hiển linh vạch mặt, trừng trị kẻ thù.

Mỗi dạng cốt truyện đều có ba lớp truyện. Tùy theo đặc điểm cốt truyện mà nội dung, nhiệm vụ của mỗi lớp truyện sẽ khác nhau.

Tương tự các nhóm truyền thuyết khác, nội dung các lớp truyện của nhóm truyền thuyết này cũng xoay quanh kể về nguồn gốc, công trạng, đoạn kết cuộc đời các nhân vật lịch sử. Qua đó nhằm suy tôn người anh hùng, vạch mặt kẻ thù hoặc giải thích nguồn gốc, tên gọi địa danh.

Trên cơ sở đó, ở đây, chúng tôi chủ yếu khảo sát yếu tố hiển linh phù giúp, trừng trị của linh thần. Dạng linh thần này có thể có nguồn gốc *thiên thần*, *nhiên thần* hay *nhân thần* song lại *không có đời sống con người trong cấu tạo cốt truyện*. Nghĩa là, trong cốt truyện có “yếu tố hiển linh”, linh thần không được kể về *lai lịch*, *tài đức*, *hành trạng* như các nhân vật trong các nhóm truyền thuyết khác mà chủ yếu được đề cập đến quanh các tình tiết hiển linh để âm phù các nhân vật truyền thuyết khi họ cần sự trợ giúp hoặc hiển linh để trừng trị kẻ thù.

Trên cơ sở tư liệu khảo sát, chúng tôi tìm được 63 truyện có yếu tố hiển linh âm phù nhân vật truyền thuyết đánh giặc. Thí dụ, ở truyện B.5 đã kể rằng: Hùng Vương cầu đảo xin âm phù đánh giặc Ân. Trong lúc hành lễ, trời nổi mưa to gió lớn, có một cụ già cao lớn chín thước, mặt vàng bụng lớn, mày râu bạc trắng hiển linh mách vua Hùng tìm người tài đánh giặc. Vua theo lời tìm được Thiết xung Thần vương Thiên tướng. Yếu tố hiển linh ở đây được biểu hiện dưới dạng tiên ông

mang vai trò mưu sỹ có thể ảnh hưởng phong cách đạo thần tiên ở Trung Hoa, chủ yếu xuất hiện trong truyền thuyết thời Hùng Vương và Bắc thuộc.

Truyện B.8 lại kể rằng: Hai Bà Trưng tiến quân đánh giặc Hán, khi đến ghềnh Lòi gặp nước chảy mạnh, thuyền quân không vượt nổi. Bà Trưng khẩn xin thần linh phù giúp. Vua Hùng linh ứng phù hộ thuyền Hai Bà “hành quân vượt ghềnh Lòi đánh giặc Hán, đền nợ nước, trả thù nhà, nối nghiệp xưa” bằng luồng gió ào ào chuyển cả bầu trời, khiến nước rút dần, giúp quân Bà vượt được ghềnh Lòi. Khi quân của Hai Bà tới kẻ Gió, Hai Bà bái yết đền thờ Xuân Dung công chúa thuộc dòng dõi nhà Hùng cầu xin âm phù đánh giặc. Đêm, Bà Trưng nằm mộng thấy Xuân Dung công chúa hiện ra báo cho biết sẽ sai con trai là Đinh Công Tuấn (tướng của Thục An Dương Vương) theo quân Hai Bà để âm phù. Nhờ thế, cuộc khởi nghĩa được thắng lợi.

Truyện B.18 thì kể: Lê Đại Hành kéo quân tới sông Đô Lỗ cự với quân nhà Tống, hai vị thần Trương Hồng, Trương Hát hiển linh âm phù vua Lê đánh Tống xâm lược.

Truyện B.21 cũng kể: Lý Thái Tông đem binh đánh Chiêm Thành. Đến canh ba vua thấy một người thân cao 8 thước, mắt sáng, râu rậm, mặc chiến bào, tay cầm binh khí, đến tự xưng là thần núi Đồng Cổ, xin theo âm phù đánh giặc và báo mộng xin chỉ chỗ lập đền thờ và mộng báo cho vua Thái Tông biết về mưu làm phản của ba vị vương em vua.

Ngoài ra, truyện B.27 còn kể rằng: Lê Lợi trên đường chạy trốn quân Minh được cáo thần hiển linh cứu giúp. Tương tự, các dị bản *Truyện vua Lê Lợi*, *Truyện Lê Lợi*, *Truyện Hồ Ly phù nhân* cũng có yếu tố hiển linh này trong cấu tạo cốt truyện nhưng được kể một cách cụ thể và chi tiết hơn: Lê Lợi trong lúc chạy trốn quân Minh nhìn thấy xác một cô gái bị giặc bức chết, ngài liền chôn cất và khẩn xin hồn cô gái phù giúp, hồn liền biến thành hồ ly cứu Lê Lợi thoát chết.

Và cả truyện B.30 cũng kể rằng: Vua Lê Thái Tổ đánh giặc Minh. Đêm hôm đó, vua chiêm bao thấy công chúa Thượng Ngàn báo mộng cho vua biết tình thế địch ta để “mong nhà vua sớm bề liệu định”. Công chúa Thượng Ngàn còn hiển linh thành

“mớ thuốc dẫn đường” để giúp vua thoát khỏi cảnh hiểm nguy. Theo lời Nguyễn Trãi, Thượng Ngàn công chúa đã âm phù giúp nhà Lý đánh Ai Lao, giúp nhà Trần đánh Chiêm Thành. Rõ ràng, linh thần xuất hiện trong cốt truyện dạng này chủ yếu khi có tình huống nhân vật truyền thuyết bị lâm nạn. Linh thần ở đây như kiểu nhân vật trợ thủ trong cổ tích dường như có chức năng rất cụ thể: giải nạn cho nhân vật. Dĩ nhiên, từ sự phò trợ đó mà nhân vật truyền thuyết chiến thắng kẻ thù.

Trên cơ sở mô tả các “yếu tố hiển linh” của linh thần trong câu tạo cốt truyện của truyền thuyết nhóm B, chúng tôi tiến hành mô hình hóa cốt truyện của nó như sau:

Đáng lưu ý là mô hình này khá bền vững qua các thời đại và khá tiêu biểu cho tư duy truyền thuyết. Để chứng minh cho điều đó xin đi vào nhóm truyền thuyết về Nguyễn Ánh - Gia Long khá dày đặc tạo thành một nhóm riêng độc lập. Đây là dòng truyền thuyết muộn vào thời nhà Nguyễn.

Truyền thuyết B.61 kể rằng: Trong một lần Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn truy đuổi, chúa Nguyễn đã đến một ngôi thảo am giữa đồng ở thôn Tân Trạch, tỉnh Long An để nghỉ ngơi. Đêm nọ, chúa Nguyễn đang ngủ, mộng thấy một bà lão đầu tóc bạc phơ gọi chúa Nguyễn và chỉ tay về hướng Tây. Ngay sau đó, chúa Nguyễn tỉnh giấc và bảo bộ hạ vượt sông núi về miền Tây, ra đảo Phú Quốc lánh nạn. Nhờ vậy mà khi quân Tây Sơn đến đã không bắt được chúa Nguyễn.

Tương tự, truyện B.64 kể về sự kiện Nguyễn Ánh chạy trốn quân Tây Sơn, vượt biển ra đảo Phú Quốc, gặp sóng to gió lớn nên đoàn thuyền của Nguyễn Ánh vào một hòn đảo để tránh sóng gió. Khi lương thực, nước uống sắp hết thì trong giấc mộng được thần linh mách bảo rằng: “Chúa hãy cho người đi về bãi Thiên Tuế gặp một bà lão, bà lão sẽ cho nước uống, cử người đi về cuối bãi Nam sẽ có cái ăn”. Chúa làm theo lời mách bảo thì được một bà lão tên là Quặng ở bãi Thiên Tuế chỉ

cho một giếng nước ngọt và ở cuối bãi Nam thì có hàng trăm gia cá đều do con rái cá bắt đem về chất đống để đó.

Truyện thuyết B.65 cũng có cấu trúc tương tự như hai truyện thuyết vừa nêu, khi Nguyễn Ánh chạy trốn quân Tây Sơn trên dòng sông huyện Kiến Hòa, thỉnh linh giông gió nổi lên ùng ùng, mây đen kịt bầu trời, trong lúc đó thì dây cột buồm và dây cột bánh lái bị đứt rơi ra, nếu tiếp tục chờ thêm thì rất nguy hiểm, thuyền nhất định sẽ chìm. Nhà vua cùng toàn thể quan quân ngửa mặt lên trời cầu nguyện, ngay sau đó có một chiếc thuyền nan nhỏ do hai thiếu phụ cầm chèo đi tới. Sau khi nghe các quan kể lễ sự tình, hai chị em quăng qua thuyền vua nhiều cuộn tơ bông trắng, dặn lấy những cuộn tơ này xe lại, cột đỡ trần buồm và lái ghe, quay chèo.

Truyện thuyết B.67 kể rằng: Sau một trận tử chiến cả hai mặt thủy bộ, Nguyễn Ánh thu gom tàn quân xuống chiến thuyền đến Giang Khẩu, Sa Rạp (con sông lớn phân ranh hai tỉnh Gia Định - Gò Công). Tình thế thập phần nguy kịch, chúa Nguyễn nhìn trời thở ra và khẩn: “Nếu lòng trời còn tựa nhà Nguyễn, xin pho trợ Nguyễn Ánh này thoát khỏi cơn thập tử nhất sinh!” Con giông gió lại nổi lên dữ dội thêm, các thuyền Tây Sơn rượt theo gần kịp thì bị gió thổi gãy một cột buồm, văng bánh lái, thuyền xoay vòng rồi lật úp. Quân Tây Sơn đang thắng hóa bại, thuyền chúa Nguyễn sắp lâm nguy bỗng được bình an. Từ dưới nước nổi lên một cặp cá ông kẹp hai bên mạn chiến thuyền, đưa lưng đỡ và dìu dắt thuyền vào đến đất bình an.

Truyện thuyết B.62 cũng có cốt truyện tương tự, nhưng ở truyện thuyết này, nhân vật trợ giúp Nguyễn Ánh và đoàn tùy tùng vượt qua sóng gió ngoài biển khơi là đàn cá voi xuất hiện kịp thời sau khi binh gia tướng tá “kẻ vái trời, người khẩn Phật, kêu gọi cá ông đến giúp”. Có thể nói, nhóm truyện này đề cao vai trò đế vương của Nguyễn Ánh ngay khi còn hàn vi nhưng vẫn được thần linh chiêu mệnh.

Sau khi khảo sát 6 truyện thuyết thuộc type truyện này, chúng tôi sơ đồ hóa cấu trúc cốt truyện có yếu tố thần kỳ như sau:

Chúa Nguyễn Ánh và đoàn tùy tùng chạy trốn quân Tây Sơn, gặp nhiều khó khăn nguy hiểm → chúa Nguyễn Ánh khẩn vái hoặc được thần linh báo mộng → được trợ giúp → vượt qua khó khăn, nguy hiểm. Kiểu truyền thuyết này khiến cho ta nghĩ rằng có thể nó được tái sinh từ truyền thuyết đời trước vào đời sau chăng.

Trong truyền thuyết nhóm B, chúng tôi cũng tìm được 14 truyện có “yếu tố hiển linh” nhằm thị uy, vạch mặt, dằn mặt, trừng trị kẻ thù. Dạng linh thần hiển linh lên để trừng trị giặc ngoại xâm không thông qua hay tác động đến nhân vật hành động đánh giặc mà trở thành một lực lượng độc lập có khả năng trấn áp bằng uy linh. Nhóm này chủ yếu ở thời Bắc thuộc.

Các thần ở Đền Cao hiển linh trừng trị bọn giặc phương Bắc phá phách những quả núi mà chúng cho rằng đó là đất phát có vượng khí, đất có long mạch phát để phát vương và phá hai đầu voi ở núi Bàn Cung. Kết quả là quân chúng đánh trận nào thua trận ấy, rồi ốm bệnh, rồi đánh lộn nhau, rồi đột tử chết không biết bao nhiêu mà kể (B.59).

Khác với kiểu hiển linh phù trợ, nhóm truyện có “yếu tố hiển linh” trừng trị kẻ thù còn mang nội dung phản ánh bộ mặt thâm độc và âm mưu đồng hóa của chính kẻ thù khi chúng muốn biến thần linh nước Việt thành tay sai hòng tìm kiếm thế lực và tạo sự “hậu thuẫn” để dễ bề xâm chiếm, cai trị. Nội dung này được kể qua câu chuyện thần Cao Lỗ hiển linh báo mộng cho Cao Biền biết ngài đã phù giúp Cao Biền dẹp quân Nam Chiếu ở truyện B.4 và *Truyện tướng quân họ Cao ở Vũ Ninh* (bản khác của truyện B.4); chuyện thần Tô Lịch hiển linh đứng giữa sông, cười hớn hở, đối đáp với Cao Biền ở truyện *Nói về sự tích sông Tô Lịch* (bản khác của truyện B.17); chuyện Lý Thường Minh, đời Đường Cao Tông, làm quan đô hộ đất Phong Châu xây hai ngôi am và muốn tạc tượng thờ nên khẩn xin vị thổ thần linh ứng hiện rõ hình trạng để theo đó mà tạc. Đến đêm, Lý Thường Minh mộng thấy có hai dị nhân là Thạch Khanh và Thổ Lệnh. Thường Minh cho hai người đo tài, nếu ai thắng sẽ ở am trước. Kết quả Thổ Lệnh thắng ở truyện B.39.

Thực chất khi kể các câu chuyện này nhân dân đã vạch rõ bộ mặt gian trá, điêu ngoa, bịp bợm của kẻ thù bằng chính yếu tố hiển linh ấy.

Nhìn chung ở dạng cốt truyện có “yếu tố hiển linh” trừng trị kẻ thù, yếu tố này có xu hướng trở thành biểu tượng về sức mạnh linh khí và lòng căm thù của dân tộc tạo nên nỗi ám ảnh đối với kẻ thù. Có thể đây là mô hình dạng cổ nhất và nằm trong hệ thống truyền thuyết thời Bắc thuộc.

Như vậy, “yếu tố hiển linh” của linh thần ở nhóm này tuy không xuất hiện như kiểu hóa thân vào nhân vật như ở nhóm một nhưng vẫn thể hiện năng lực siêu phàm nhằm tăng thêm sức mạnh cho nhân vật truyền thuyết thường có gốc từ nhân vật trong lịch sử hoặc chủ động trấn áp kẻ thù mà không cần thông qua lực lượng trung gian.

3.2.1.3. Nhóm truyền thuyết về nhân vật có công được “hiển Thánh” trở thành linh thần (nhóm C)

So với hai nhóm trên, nhóm này kể về sự hiển linh của nhân vật truyền thuyết sau khi có công đã “hiển Thánh”. Sự hiển linh ấy tạo nên kết quả cụ thể trong cốt truyện hoặc không mà chỉ được nhắc đến như một thái độ tụng ca. Kiểu này linh thần xuất hiện ở cuối cốt truyện thường được gọi là “Ngài hóa” hay “hóa Thánh”.

Tiểu loại truyền thuyết về nhân vật có công được “hóa Thánh” gồm 62 truyện. Sự phân bố 62 truyện này không đều, tập trung nhiều nhất ở truyền thuyết giai đoạn muộn như nhóm *truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ* (17 truyện). Trong khi đó, các thời kỳ phong kiến tự chủ, tiểu loại truyền thuyết này được phân bố tương đối đều nhau: *thời Ngô - Đinh - Tiền Lê* (4 truyện), *thời Lý* (3 truyện), *thời Trần* có nhiều hơn (9 truyện), *thời Lê* (6 truyện). Đáng lưu ý, ở thời kỳ sơ sử tiểu loại truyền thuyết này lại xuất hiện ít hơn truyền thuyết các tiểu loại khác: *thời Hùng Vương* (6 truyện), *thời Bắc thuộc* (7 truyện).

Trên cơ sở tư liệu khảo sát, chúng tôi nhận thấy cấu trúc của nhóm truyền thuyết về nhân vật có công được “hiển Thánh” thành linh thần như sau:

Ở lớp truyện thứ nhất của mỗi câu chuyện thường được biểu hiện dưới nhiều dạng cấu trúc.

Trong dạng cấu trúc thứ nhất, phần lớn văn bản đều có điểm chung là ngay phần mở đầu của mỗi truyện, tác giả dân gian thường kể về hiện tình đất nước của các đời vua. Chẳng hạn như: “Tục truyền vào cuối đời vua Hùng thứ 18 tức là Hùng Duệ Vương, bộ Giao Chỉ mấy năm liền thiên tai tật dịch, nước biển dâng ngập lụt ruộng đồng, nhân dân lầm than cơ cực” (C.1), “Tương truyền, vào đời Hùng Vương thứ 6, dưới triều Hùng Huy Vương, nhà nước Văn Lang đang trong thời kỳ bị giặc phương Bắc đe dọa xâm lược...” (C.3), “Thời quân Nam Hán vào quấy nhiễu nước ta... (C.13).

Ở dạng cấu trúc thứ hai, tác giả dân gian đi ngay vào việc giới thiệu nguồn gốc, lai lịch của nhân vật có công. Nhân vật truyền thuyết ở đây hầu hết đều là những con người có nguồn gốc xuất thân bình thường, tự nhiên nhưng không kém phần cá biệt. Nét cá biệt này được biểu hiện qua đặc điểm tính cách, hành động của nhân vật dù dưới hình thức miêu tả ước lệ của truyện cổ dân gian. Đặc điểm này của nhân vật truyền thuyết mang tính dự báo cho những công tích của người anh hùng trong tương lai và trở thành thần thiêng trong tình cảm và niềm yêu mến của nhân dân sau khi các ngài “hóa”. Chẳng hạn như: “Cuối đời Hùng Vương có người ở xã Thụy Hương, huyện Từ Liêm, đất Giao Chỉ họ Lý tên Thân. Khi đẻ ra rất to lớn, rồi cao đến 2 trượng 3 thước, tính tình hung hãn, hay giết người, tội ác đáng chết, Hùng Vương tiếc mà không nỡ giết...” (C.2), “Bà họ Triệu, tên húy là Trinh, lúc nhỏ có tên hiệu là nàng Âu, em gái Triệu Quốc Đạt, người đất Trung Sơn, huyện Cửu Chân. Bà mặt hoa, tóc mây, mắt chầu, môi đào, mũi hỏ, trán rộng, đầu báo, hàm én, tay dài quá đầu gối, tiếng như chuông lớn, mình cao chín thước, vú dài ba thước, vòng lưng rộng mười ôm, chân đi một ngày năm trăm dặm, sức có thể khua gió bạt cây, tay đánh chân đá như thần, lại có sắc đẹp làm động lòng người...” (C.9), “Vương họ Lý, tên Hoảng, con thứ 8 vua Lý Thái Tông. Vương có tính trung hiếu, kính cần, rất quả cảm và có tài...” (C.19).

Truyện C.18 kể rằng: Lê Phụng Hiểu, thời vua Lý Thái Tổ có sức khỏe lạ thường, ăn nôi “ba mươi” com, uống rượu cực nhiều, lấy tay nhỏ tre non cả gốc lẫn rễ xông ra đánh nhau với bọn cây khỏe tranh ruộng ở làng, không ai địch nổi.

Ở dạng cấu trúc thứ ba, trong phần mở đầu cốt truyện, tác giả dân gian kể kết hợp cả hai yếu tố: giới thiệu sự kiện lịch sử, tình huống truyện hoặc địa danh đi kèm giới thiệu nhân vật truyền thuyết hoặc những biến cố của cuộc đời nhân vật truyền thuyết. Sự kết hợp này là một trong những đặc điểm của thể loại truyện cổ và truyền thuyết nói riêng. Nó giúp câu chuyện được kể gần hơn với cuộc đời thực và tạo nên độ tin cậy cần thiết cho cả người kể lẫn người nghe. Truyện C.5 được kể như sau: “Tương truyền xưa ở bến Lâm Ấp, khi nhà Thục giành được chính quyền từ tay nhà Hùng, có đôi bạn là Võ Trung, Lỗ Quốc, đều là tướng tài của vua Thục”, hay truyện C.38: “Thành Thăng Long đắp từ đời vua Lý Thái Tổ. Hồi ấy nhà vua xuống lệnh rất nghiêm, học trò ở trường Quốc học cũng phải ra cuộc đất đội sọt. Phạm sinh tên là Khởi Trương, người yếu ớt...”

Dạng kể này còn được tìm thấy trong truyền thuyết giai đoạn muộn, thời chống Pháp. Chẳng hạn như các truyện: *Đám lá tối trời* (C.46), *Khu mỏ lớn* (C.53), *Ông Nguyễn* (C.55), *Sự tích miếu ông Gốc* (C.59). Truyện C.46 kể như sau: “Đám lá tối trời là vùng rộng lớn, ở làng Kiềng Phước, gần cửa Soi Rạp, tỉnh Gò Công. Ngày trước, như tên gọi, đây là một vùng mọc toàn dừa nước dày đặc, dày đến nỗi không thấy bóng mặt trời... Ngày xưa, nơi đây đã che dấu nghĩa quân của anh hùng Trương Công Định...”, truyện C.53 thì kể: “Ở xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh có một doi đất nổi lên giữa sông... Khi giặc Pháp bao vây Thiên Hộ Dương...”

Truyện C.55 kể rằng: “Tương truyền, khi bắt được Nguyễn Trung Trực, bọn Pháp rất hí hửng. Chúng cho là hổ đã sa cơ. Phen này hãy xem người anh hùng “xứ An Nam” hành động ra sao? Chúng khuyến dụ rồi hăm dọa...”. Truyện C.59 kể rằng: “Sau khi chiếm Gia Định, thực dân Pháp kéo quân chiếm phủ Tân Ninh. Quân ta thất trận, tản lạc tứ phía. Có một võ quan tên Nguyễn Phương Hồng...”

Ở lớp truyện thứ hai, tác giả dân gian kể về diễn biến của những sự kiện lịch sử có liên quan đến nhân vật truyền thuyết hoặc hành trạng, công tích của nhân vật truyền thuyết.

Khi kể về những sự kiện lịch sử có liên quan đến nhân vật truyền thuyết, tác giả dân gian thường kể lại diễn biến của những sự kiện đáng ghi nhớ nhất như các cuộc chiến đấu chống ngoại xâm của nhân vật lịch sử và các sự kiện liên quan đến chủ đề này.

Nói về các cuộc khởi nghĩa chống xâm lược, truyền thuyết ghi dấu chiến thắng vẻ vang của người anh hùng Hùng Hải và Đỗ Huy thời Hùng Duệ Vương trong truyện C.1: “Bấy giờ nước Hồ Tôn ở phía Nam nước Văn Lang thường mang quân vượt biển vào cửa Đại Nha cướp của giết người. Vua Hùng Duệ Vương lại sai Hùng Hải lĩnh đạo thủy quân, sai Đỗ Huy lãnh đạo bộ binh tiến xuống biên giới phía Nam, quân giặc Hồ Tôn thua trận bỏ chạy về nước”.

Truyền thuyết còn ghi nhận các cuộc chiến đấu kiên cường, bất khuất của những người anh hùng khi đương đầu, quyết chiến với giặc ngoại xâm. Đó là Bà Triệu Thị Trinh chống quân Ngô thời thuộc Bắc: “mỗi khi đánh nhau với quân Ngô, bà Âu thường vắt vú ra sau vai, dùng lực quán chặt vào lưng, mặc váy vàng, đi guốc ngà, đứng trên đầu voi, thanh thế dũng liệt, chẳng có kẻ nào dám chống lại” (C.9), là anh hùng Nguyễn Trung Trực thời chống Pháp với câu nói đã đi vào huyền thoại: “Bao giờ người Tây nhỏ hết cỏ nước Nam thì nước Nam mới hết người Nam đánh Tây” và khí phách lẫm liệt: “Quân ác phò Tây, không được giờ giọng điệu ngoa, cứ lấy đầu ta một cách ngon lành!” (C.54, C.55).

Truyền thuyết cũng ghi công những trận đánh đầy mưu trí của người anh hùng, vốn là dân lao động bình thường như cô đào hát tên gọi Đào Nương. Nàng đã dùng sắc đẹp và tài trí của mình cùng dân làng chống lại bọn giặc Ngô: “Vùng ấy bấy giờ bị quân Ngô bạo ngược, những người mạnh khỏe đều trốn tránh đi nơi khác, chỉ còn những người già yếu ở lại. Nàng (Đào Nương) bàn với họ nhân lúc quân Ngô ngủ say, khiêng cả người lẫn túi đem vớt xuống một cái ngòi ở bên cạnh làng, một lát thì trôi ra ngoài sông cái. Đêm nào cũng làm như thế, quân Ngô cứ bị voi

dân...” (truyện C.31 và các dị bản *Truyện ở Đào nương, Thôn Á Đào, Sự tích Tháp Bà*).

Truyện thuyết cũng nhắc nhớ công tích của các liệt nữ đã xả thân cứu khốn phò nguy: “Năm công chúa Mai Châu được 13 tuổi, các bộ lạc mọi ở vùng Ngũ Quảng nổi dậy chống người Việt, không ai dám cử binh chinh phạt. Công chúa Mai Châu mặc dầu nhỏ tuổi vẫn xin phép vua cho ra trận. Thuyền đến bờ Quảng Bình thì bỗng nhiên sóng to gió lớn nổi lên ầm ầm. Các binh sĩ đoán là điềm của Long Thần muốn bắt công chúa. Công chúa suy nghĩ: “Nếu nàng không nhảy xuống cho Long thần ăn thịt thì tất cả mười chiến thuyền này bị đắm”. Sau khi trời lại với quân sĩ, nàng nhận sự hi sinh, nhảy xuống biển” (C.33); của những người vợ, người mẹ không phân biệt vua chúa hay thứ dân đều đồng lòng góp công, góp sức vào nhiệm vụ chung của triều đình, của đất nước lúc lâm nguy: “Bà Chúa Tó lo lắng việc quân lương rất là đặc lực... Bà còn có sáng kiến làm bánh chè lam, làm cơm nếp ngào mật để quân sĩ có lương khô ăn đường giết giặc” (C.17), hay bày tỏ chí nguyện của một con người vốn sinh vào thời loạn, trả lời câu hỏi của Triệu Quốc Đạt về lẽ sống ở đời, Triệu Thị Trinh nói: “Em chỉ muốn cuời gió đập sóng, chém cá kình ở biển Đông, quét sạch giặc ở bờ cõi, cứu dân ra khỏi cảnh chìm đắm” (C.9), hay sẵn sàng hi sinh để bảo toàn khí tiết: “Thái bảo được giao bảo vệ mặt trận, phía sông Thao, rồi tử trận ở đó. Châu Nương nghe chồng mất, khóc lóc thảm thiết, ngửa mặt lên trời than rằng: “Trời sinh ta là gái, nhưng ta nguyện vì dân, vì nước, dù thịt nát, xương tan, mong được tiếng thơm muôn đời”” (C.27).

Khác với truyện thuyết các giai đoạn trước đó, ở lớp truyện này trong truyện thuyết thời chống Pháp tác giả dân gian trực diện nhiều hơn trước những thất bại của người anh hùng, của nhân vật lịch sử. Cụ thể là khi mô tả hành trạng, công tích họ tác giả dân gian không né tránh những tổn thất nặng nề, thậm chí cả những cái chết bi thảm của họ. Đây là sự thật lịch sử. Nhưng, nếu như lịch sử phản ánh sự thật này theo xu hướng “khách quan hóa” thì truyện thuyết đã “mĩ lệ hóa”, “bi thương hóa” những thất bại của người anh hùng, của nhân vật truyền thuyết để hành trạng và công tích mà họ để lại luôn trở nên bi hùng trong tâm trí nhân dân: “Tương

truyền, khi Trương Công Định tử tiết, quan phó tướng dẫn tàn quân qua Tân Bình Điền ... mong có ngày dấy lại muôn binh. Rủi thay, vừa dừng quân nghỉ ngơi, Pháp lại hay tin tới đánh. Trận quyết tử diễn ra suốt một ngày một đêm. Nghĩa quân chống cự không nổi, tan rã. Nguyễn Nhựt Chi cùng người tùy tướng tên Cương đưa gương lên trời, lạy ba lạy rồi thổ huyết ra chết”. (C.45), “Khi Pháp tràn vào Gò Tháp, Đốc Binh Kiều tử thương. Lãnh binh Cẩn kiên quyết bảo toàn lực lượng. Ông mở huyết lộ, đưa quân về Hồng ngự. Không may, tới vàm Hồng Ngự, nghĩa quân lại bị bao vây, chặn đánh. Ông lại cố sức mở đường, lui binh về Gia Định” (C.52).

Lớp truyện thứ ba, đoạn kết của nhân vật có công. Đây là lớp truyện có nhiều kịch tính nhất trong truyền thuyết nhóm C.

Ở lớp truyện này, tác giả dân gian thường kể về chung cục của nhân vật truyền thuyết qua tình tiết “Ngài hóa”. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến cái chết của họ. Có cái chết diễn ra một cách **tự nhiên**: Lý Hoảng đương nằm nghỉ, không phát bệnh gì mà mất (C.19), “Đến năm Đại Định thứ hai Minh Không mất, bảy giờ đã 76 tuổi” (C.20), Sĩ Nhiếp mất vì tuổi già (C.8), Lê Phụng Hiểu thọ 77 tuổi thì mất (C.18), Phùng Hưng vào phủ Đô hộ giữ quyền trị dân được bảy năm thì mất (C.12), “Ngày 25 tháng 12 năm 1902, thiền sư viên tịch, hưởng thọ đúng 100 tuổi và được mai táng tại làng Mỹ Lợi” (C.52).

Có cái chết **bất đắc kỳ tử hoặc do nhân vật gặp nạn**: Phạm Thị Toàn đột ngột qua đời (C.26), “Một hôm, nàng Ý Hạnh (Bà Chén) đang làm cỏ ở ngoài ruộng dâu bãi sông, bỗng nhiên nước sông dâng lên rất nhanh, tràn vào ruộng và cuốn Ý Hạnh đi mất” (C.10, C.11), “Bỗng nhiên giời đất tối tăm, mưa to gió cả, thuyền bị đắm chìm, hồn bà đã sông nước vui chơi, không ngờ con giao long đã nuốt tụt bao giờ” (C.28), “Phạm sinh tên Khởi Trương, người yếu ớt, không kham nổi việc nặng nhọc, ngã lăn ra bên cạnh cửa Đông Hoa, bị phu tráng đắp chồng lên” (C.38), “Một đêm kia, nàng trốn nhà đi sâu vào trong núi đồi không thấy về nữa. Người nhà hoảng hốt đi tìm thì chỉ còn sót lại cái chân giữa vũng máu” (C.41), “một đêm mưa gió bà Ngô Thị Nương đã từ già đời khi cho lột lòng bốn cái bọc, mỗi bọc có một quả trứng” (C.42), theo *Từ điển Biểu tượng văn hóa thế giới* thì “Người đàn bà chết

sau khi cho ra đời một đứa con, trong tất cả các nền văn hóa đều có một ý nghĩa thiêng liêng, giống ý nghĩa của việc hiến tế mạng người để bảo đảm tính trường tồn không chỉ của sự sống, mà cả của bộ tộc, quốc gia, gia đình.” [40, tr.161].

Có cái chết do nhân vật **tự tử, tuẫn tiết**: Vũ Nương gieo mình xuống sông tự tử (C.25), ba mẹ con phu nhân họ Triệu, công chúa nước Nam Tống cùng đâm đầu xuống bể hóa theo (C.29), sợ vua Tần nên Lý Thân tự vẫn (C.4), Võ Trung đi xuống hồ tự hóa (C.5), thấy bốn mặt đều tắc lối, Triệu Thị Trinh bèn cắt cổ mà tự tử (C.9), Nguyễn Bô, Nguyễn Bặc đánh phải tự tử ở xứ Điền Kiều (C.15), Kiều Công Hãn bước lên cầu mà hóa (C.16), Lý Châu Nương lấy khăn hồng thắt cổ tự tử (C.27), Bà Đênh, con gái viên quan người Khome hóa giữa núi đồi (C.41); Bích Châu nhảy xuống biển làm vật hiến tế (C.23, Công chúa Mai Châu, con gái vua Lê Thánh Tôn tự nguyện hiến sinh cho Long thần (C.33), “Xong đâu đó, ông Nguyễn Phương Hồng ra bờ sông, gieo mình xuống sông tử tiết, không để cho giặc bắt” (C.59), bức chí nhảy xuống sông Hát Giang tự trầm, hóa làm hai người bằng đá, nổi lên trôi đi (dị bản *Nói về sự tích bà Trưng Trắc, bà Trưng Nhị và truyện Trưng Vương*).

Có cái chết do nhân vật **bị giặc giết hại**: “Lý Tiến được cử mang quân ra gần cửa ải cự giặc. Khi quân của ông đến đất Vũ Ninh thì gặp giặc Ân. Hai bên đánh nhau quyết liệt. Lý Tiến chém giết được rất nhiều giặc. Trong một trận, chẳng may ông bị tên giặc bắn trúng ngực. Ông gắng gượng trở về đến bờ sông Tô rồi mới mất” (C.3), Võ Quốc tử trận trên đường hành quân (C.5), “Viện đem quân đến đánh, bộ hạ bà Trưng đều bỏ chạy. Bà thế cô, bị hại trong trận. ” (C.7 và dị bản *Chế thắng nhị Trưng phu nhân*).

“Nàng Tiết Thị Huệ và mấy người nữa đều bị giặc giết hại” (C.13), cô đào Huệ bị quân Minh giết chết (C.31), “Gia Long trả thù nhà Tây Sơn rất ác liệt. Riêng bà thiếu phó Bùi Thị Xuân bị đem cho voi hành hạ ở trước cửa thành Phú Xuân. Tương truyền rằng lúc bị đem ra hành quyết, bà Xuân vẫn thắt dải lụa điều, uy nghi lẫm liệt tiến ra làm cho mấy con voi phải sợ, co vòi lại không dám hại bà. Bọn đao phủ phải lén giết bà trước rồi mới ném xác cho voi” (C.36), “Người Tàu đem Tử

Nghi ra hành tội, rồi bỏ đầu lâu và thân vào một cái hòm, che một cái lộng, rồi bỏ xuống sông cho trôi về nước Nam”(C.32), người anh hùng Nguyễn Trung Trực bị giặc Pháp giết hại (C.54, C.55): “tuy bị giặc chém nhưng đầu Nguyễn Trung Trực chưa đứt hẳn, máu từ cổ phun ra như cầu vồng” (C.54), “Giặc đưa ông ra hành quyết và đem bêu đầu ông ở chợ Tân Thới vào ngày 21 tháng Giêng năm 1869” (C.60).

Trong truyền thuyết nhóm C, luận văn ghi nhận có nhân vật là người chết vào giờ thiêng. Loại nhân vật này, thường là nhân thần, nhưng không phải anh hùng dân tộc, nhân vật lịch sử, người có công lao, người học rộng, tài cao ... mà thường là những con người bình thường, thậm chí có địa vị xã hội thấp, nhân cách thấp hèn, nhưng họ lại chết một cách không bình thường, vào giờ phút “bất thường” mà dân gian gọi là “giờ thiêng”, nên linh hồn của họ chứa đựng một “sức mạnh” đặc biệt, siêu nhiên. Sức mạnh ấy có thể mang lại sự che chở cho cuộc sống bình an của cộng đồng, nếu như cộng đồng thỏa mãn những “ước vọng” rất đời thường lúc sinh thời của vị thần đó, như thích đâm dục: người đàn bà ấy (bà Chúa Ngựa) chết và thành thần (C.40).

Lớp truyện thứ tư, nhân vật truyền thuyết hiển linh sau khi “hóa Thánh”.

Đây là lớp truyện quan trọng, chủ yếu của truyền thuyết nhóm C. Hiển linh là một trong những biểu hiện của thế giới tâm linh. Hiển linh chỉ sự hiển ứng, sự chuyển hóa từ thực thể này sang thực thể kia, từ kiếp này sang kiếp khác, từ cõi người sang cõi thần, từ cõi hữu hình sang cõi hư vô. Trước hết nó nhấn mạnh cái chết sinh học của một thực thể. Tuy nhiên, “Chết ở một cấp độ này có lẽ là điều kiện cho một cuộc sống cao hơn ở cấp độ khác” [40, tr.160].

Ở lớp truyện này, chúng tôi ghi nhận hầu hết các nhân vật truyền thuyết nhóm C đều có sự hiển linh sau khi “hóa” dù dưới bất kỳ hình thức nào. Điều đó có nghĩa, các nhân vật truyền thuyết nhóm này đều trở thành linh thần âm phù người đời sau trong các công cuộc và cũng có khi hiển linh để trừng trị kẻ thù.

Chẳng hạn, sau khi “hóa”, Chữ Đồng Tử hiển linh âm phù vua Lý Nam Đế và Triệu Quang Phục đánh quân Hậu Lương do Trần Bá Tiên cầm đầu. Sau, Trần

Bá Tiên được vua nhà Lương gọi về, tì tướng Dương Sằn sang thống lĩnh sĩ tốt. Quang Phục lập đàn cầu đảo, thấy thần nhân cười rồing bay vào trong đàn bảo rằng hiển linh còn đó, có thể cầu tới cứu trợ để dẹp bằng họa hoạn và tháo vuốt rồing cho Quang Phục đeo lên mũ đầu mâu diệt giặc. Quân Lương thua to, phải lùi (C.2).

Sau khi chết, Lý Tiến đã báo mộng vua Hùng cho sứ giả đến vùng Tiên Du rao mỗ, cầu hiển. Do đó mà tìm được Thánh Gióng đánh giặc Ân (C.3).

Về sau, vua Lý Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, cho cầu đảo ở đền thờ Võ Trung, Võ Quốc và được toàn thắng (C.5).

Sau, quan Trung úy nhà Lê đem quân đánh nhà Mạc, ngang miếu thờ Nguyễn Minh, ngài hiển linh thành con rắn nằm giữa đường, quân không dám tiến. Quan Trung úy vào linh từ ngài bái yết. Đánh giặc toàn thắng, lập nhiều công to (C.6).

Sau khi “hóa”, linh thần Trung Trắc, Trung Nhị rất linh thiêng, người gặp tai họa cầu đảo đều ứng nghiệm, thời Lý Anh Tông gặp đại hạn, vua sai người cầu mưa, thần linh ứng cho mưa xuống cứu dân qua cơn đại hạn. Vua ngủ mộng thấy hai người con gái tự xưng là hai chị em vâng mệnh Thượng đế làm mưa (C.7).

Vào thời Lý Nam Đế, quân Lâm Ấp cướp phá đất Nhật Nam. Đêm, vua mộng thấy người đàn bà đội mũ trận, mặc áo giáp, tự xưng họ tên (Triệu Thị Trinh), xin theo đánh giặc (C.9).

Đời vua Lê Đại Hành đánh giặc Tống xâm lược. Vua đem quân từ Hoa Lư ra chống giặc. Quân đến trang Xuyên Bảo nghỉ lại. Đêm, vua mộng thấy một người con gái xin âm phù giết giặc. Nàng hiến dâng kế sách và hẹn khi vua ra trận sẽ hiển linh phù trợ. Vua hỏi họ tên nàng nhận là bà Chén ở Xuyên Bảo trang (C.10, C.11).

Sau khi Phùng Hưng “hóa”, rất hiển linh. Dân thường nghe có tiếng xe, ngựa đi ầm ầm trên các nóc nhà, các cây cổ thụ, trông lên thường thấy trong đám mây năm sắc có cờ, kiệu rực rỡ, có tiếng đàn sáo văng vẳng. Trong làng có việc gì sắp xảy ra, về đêm thấy có một dị nhân báo cho người hào trưởng biết trước. Dân lập đền thờ ngài ở phía tây Đô Phủ. Đền rất thiêng, lễ cầu mưa, cầu tạnh đều được linh ứng. Ai có việc khó khăn, bị trộm cướp, muốn cầu tài đến đền kêu cầu tất được hài

lòng. Người đến đền rất đông, hương khói không dứt. Đời Ngô Quyền dựng nước, đánh giặc Nam Hán. Đêm Tiên Chủ mộng thấy một cụ già hiền linh nói rõ họ tên và xin theo âm phù giết giặc. Khi Tiên Chủ đánh giặc ở sông Bạch Đằng, nghe thấy trên không có tiếng xe ngựa ầm ầm. Trận đánh đại thắng. Vua đến đền tế lễ và sắc phong mỹ tự. Đến nay vẫn còn dấu thiêu dân vẫn sùng phụng (C.12).

Sau khi “hóa”, Bà Chúa Tó hiền linh ngầm giúp vua Trần đánh giặc Nguyên, linh ứng phò trợ vua Lê Lợi đánh giặc Minh (C.17).

Có lần thôn Tụ Tháp bị một trận hỏa hoạn khủng khiếp. Giữa lúc cháy dữ dội, người ta thấy một người đàn bà hiện ra trên ngọn cây, tay cầm quạt quạt tắt ngọn lửa, cứu nhiều gia đình thoát nạn (C.31).

Sau khi “hiển Thánh”, linh thần Bà Đền trở nên linh thiêng, giúp dân lành tay qua nạn khỏi. Nguyễn Ánh chạy trốn quân Tây Sơn, đã nhiều lần khẩn vái tại núi Bà Đen và tin rằng bà đã giúp cho họ Nguyễn thành công, lập nên đế nghiệp (C.41).

Ở lớp truyện thứ tư, sự linh thiêng hiển ứng của linh thần đời sau ngoài mục tiêu âm phù “hộ quốc giúp dân”, còn đi kèm động cơ thị uy, vạch mặt, trừng trị kẻ thù. Về điểm này, vai trò của linh thần đời sau giống với vai trò của “yếu tố hiển linh” trong cốt truyện truyền thuyết nhóm B. Nội dung hiển linh thị uy, vạch mặt, trừng trị kẻ thù được kể ở hai truyện tiêu biểu sau đây:

Sau khi Sĩ Vương Tiên “hóa”, ông hiền linh khiến Đào Càn (đời nhà Tấn vua Hiếu Đế) sợ hãi vì đào mã ông vẫn thấy sau 160 năm mà hình dung ông vẫn như người sống. Hiền linh mũ áo tử tế, đón đường tiếp chào Cao Biền, tướng nhà Đường sang đánh nước Nam. Từ đấy ai đến đền ông ấy, cầu việc gì được việc ấy (C.8).

Sau khi Châu Nương phu nhân “hóa”, tám khăn hồng bay về nơi sinh của ngài, quân giặc vào kho lòng sục, có con rắn lớn hung dữ lao ra uy hiếp, chúng sợ hãi bỏ đi (C.27).

Sau đây là mô hình cấu tạo cốt truyện truyền thuyết nhóm C:

Như vậy, so với các nhóm trước, việc hiển linh của nhóm này bắt đầu từ lúc “Ngài hóa”. Đây là cách kết thúc phổ biến phù hợp với quan niệm của dân gian về cái chết thiêng. Nó tạo tiền đề cho sự hiển linh tiếp theo mà đâu đó trong cuộc đời con người nhận được. Điều đáng lưu ý là kiểu truyện này gắn với các nhân vật lịch sử từ thời Bắc thuộc trở về sau và tập trung khá nhiều vào nhân vật phụ nữ.

3.2.1.4. Nhóm truyện kể về nhân vật truyền thuyết được “hóa thân” từ linh thần đời trước và tiếp tục “hóa Thánh” sau khi có công để hiển linh âm phù người đời sau (nhóm D)

Thực chất của bộ phận truyền thuyết này là sự kết hợp mô hình nhóm một và nhóm ba. Nhóm truyền thuyết này có 49 truyện, được phân bố đều ở các giai đoạn nhưng nhiều nhất vẫn là ở thời Hùng Vương (18 truyện) và Bắc thuộc (13 truyện).

Giống như lớp truyện thứ nhất trong đặc điểm cấu tạo cốt truyện của nhóm truyền thuyết tiểu loại 1, đây là nhóm truyền thuyết mà nhân vật trung tâm của nó cũng được ra đời từ sự “hóa thân” của linh thần đời trước, tức từ sự *thụ thai và sinh đẻ thần kỳ* của các bà mẹ. Tuy nhiên, khác với nhóm truyền thuyết thứ nhất, nhân vật truyền thuyết có công trong nhóm truyện này sau khi “hóa Thánh” sẽ được hiển linh âm phù người đời sau. Về điểm này, nó giống lớp truyện thứ 3 trong đặc điểm cấu tạo cốt truyện của nhóm truyền thuyết tiểu loại 3. Điều này có nghĩa, đây là kiểu cấu trúc hỗn hợp, có khả năng tích hợp các dạng kể khác nhau về nhân vật linh thần trong truyền thuyết Việt Nam, khiến cho thể loại truyền thuyết này có nhiều biến thể sinh động. Dưới đây là đặc điểm cấu tạo cốt truyện của truyền thuyết nhóm D:

Lớp truyện thứ nhất, tác giả dân gian giới thiệu nguồn gốc nhân vật truyền thuyết.

Trong 49 truyện của truyền thuyết nhóm D, chúng tôi ghi nhận có các trường hợp sinh đẻ thần kỳ từ sự “hóa thân” của linh thần đời trước vào nhân vật truyền thuyết như sau:

Trường hợp thụ thai qua giấc mơ thấy **nuốt vật thiêng** của các bà mẹ: Bà mẹ nằm mơ gặp một ông lão đưa một cái lưỡi bảo nuốt (D.3), bà mẹ chiêm bao thấy quan Thủy thần phụng mệnh thiên đình xuống đầu thai làm con và đưa cho hai quả trứng bảo nuốt (D.12)... mà có mang.

Sự sinh đẻ thần kỳ do hành động *nuốt* của bà mẹ và hành động *đưa, đưa cho* khiến bà mẹ *mộng thấy, chiêm bao thấy, mơ thấy* của lực lượng siêu nhiên: *quan Thủy thần phụng mệnh thiên đình xuống đầu thai làm con* hay của Trời qua hành động *ban cái lưỡi, hai quả trứng, mặt trăng, ngôi sao, con rết trắng, viên ngọc đỏ, râu rồng, khí Thái âm, sao Vũ Khúc, đám mây ngũ sắc* cho bà mẹ nuốt để thụ thai suy cho cùng là hình thức thụ thai và sinh đẻ thần kỳ của con người thời viễn cổ và bởi quá trình thụ thai và sinh đẻ thần kỳ ấy nên những đứa con ngay từ trong trứng nước đã là sự báo trước cho những chiến công của người anh hùng mai sau. Những vật mà bà mẹ nuốt ở đây vừa là hiện thân của vật linh vừa là hiện thân cho sức mạnh siêu nhiên của các vị thần linh theo tín ngưỡng dân gian cổ xưa.

Sự thụ thai và sinh đẻ thần kỳ của bà mẹ từ sự hóa thân của linh thần đời trước còn được biểu hiện dưới dạng **điềm báo**: bà mẹ lên núi Bàn Thạch hái thuốc bị quái vật đầu gà thân rắn quấn lấy thân người ba vòng nên sợ hãi ngắt đi dẫn đến một điềm mộng: trong mơ thấy một đại thần tướng, thân người đầu gà xưng hiệu Thiên Bồng vâng mệnh trời xin làm con mà có thai (D.1), bà mẹ chiêm bao lên vườn bàn đào của Tây Vương Mẫu bắt được hai bông hoa đào, huệ (D.19)... mà thụ thai.

Ngoài các truyện kể về nhân vật truyền thuyết được “hóa thân” từ linh thần đời trước qua sự mơ thấy của riêng bà mẹ, nguồn gốc của các linh thần còn được kể từ sự “mơ thấy” của hai vợ chồng:

Hai vợ chồng mơ thấy một người con trai đáng thanh tú thừa mệnh Ngọc Hoàng thượng đế giáng sinh làm con (D.3), vợ chồng chiêm bao thấy một vị tướng trên trời đầu thai làm con (D.4).

Bên cạnh đó, người cha cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thụ thai và sinh đẻ thần kì của bà mẹ.

Ở truyện D.9, D.14 không kể về sự mơ thấy của một mình bà mẹ hay hai vợ chồng mà ở đây kể về sự mơ thấy của riêng người cha: người cha nằm mơ thấy được Thiên đình cho bảy đứa trẻ đầu thai làm con (D.9), Người cha nằm mộng thấy vị thần tướng tự xưng là người con thứ 37 theo Lạc Long Quân xuống biển, phụng mệnh Thiên đình đầu thai làm con (D.14).

Sự thay đổi cách thức thụ thai và sinh đẻ thần kỳ từ cách thức bà mẹ mơ thấy nuốt vật mà có mang đến cách thức một mình bà mẹ, rồi hai vợ chồng và chỉ người cha mơ thấy thiên thần giáng sinh làm con trong nhóm truyện kể trên phải chăng có sự chuyển đổi trong quan niệm hôn nhân gia đình của con người thời đại Hùng Vương từ chế độ mẫu hệ sang phụ hệ. Từ sự độc tôn vai trò của người phụ nữ trong chế độ mẫu hệ (bà mẹ mơ) đến sự xóa bỏ chế độ ấy (hai vợ chồng cùng mơ) và thiết lập chế độ phụ hệ (người cha mơ).

Ở truyện D.2 còn kể về sự thụ thai của bà mẹ cũng từ một **điềm báo đến điềm mộng**: trong lúc chèo thuyền ra giữa lòng sông đánh cá tình cờ thấy đám mây đen sà xuống, vợ chồng hốt hoảng chạy vào khu miếu cổ trú ẩn và cầu xin. Cùng lúc có một giải hào quang bao trùm lên thân thể người vợ. Bà té ngất đi. Trong mơ bà mẹ trông thấy một trang nam nhi đáng vẻ dị kỳ, tự xưng là quan Thủy thần vâng mệnh giáng sinh làm con mà có mang.

Còn ở truyện D.7 thì kể ly kỳ hơn về sự thụ thai thần kỳ của bà mẹ là đi từ **điềm mộng đến điềm báo và kết thúc ở điềm mộng**: Nhân lúc cầu tự ở chùa Hương Tích vợ chồng chiêm bao thấy một cụ già cho hai con cá chép màu hồng và thấy một con rồng thần từ dưới Thủy phủ bay lên quần chung quanh người vợ. Trên đường trở về vợ chồng tiếp tục thấy hai con cá chép đỏ bơi theo sau thuyền, thấy các loài thủy tộc dữ tợn như côn, ngạc, kinh, nghê nổi lên mặt nước, thấy con giao

long dài mười trượng giễu chung quanh thuyền người vợ và thái dót dãi lên khắp người bà. Sau đó, bà mẹ chiêm bao thấy rồng thần đến phủ mà có mang.

Ở truyện D.11, D.13 cũng kể về motif bà mẹ mơ thấy bị rồng vàng, rắn vàng hãm hoặc mơ thấy rồng vàng giáng sinh mà có thai: Bà mẹ chiêm bao thấy rồng vàng từ trời lao xuống đè lên người thái ra mùi hương thơm phức, bà sợ hãi quờ tay nhỏ hai chiếc râu của nó, hai chiếc râu hóa thành hai rồng con bò ngoằn ngoèo mà có thai (D.11), Bà mẹ mơ thấy đám mây ngũ sắc bay lượn và một con rồng từ đám mây lao xuống, diễu quanh ba vòng, khi xuống sông tắm, thấy giao long diễu quanh dưới chân, phun dãi thơm vào thân thể mà có mang (D.13).

Tự nhiên cảm động có thai cũng là một trong những trường hợp của sự thụ thai và sinh đẻ thần kỳ ở nhân vật truyền thuyết.

Chẳng hạn, bà mẹ nhân khi trông thấy mây lành vương vấn, khí tốt rực rỡ, một con rồng vàng xuống giếng lấy nước, phun sóng ngọc châu, đáy giếng cuộn lên mây mờ khí tốt, du dương khúc nhạc dậy đất trời. Được một lúc rồng vàng cười mây bay lên, biến mất. Gió nhẹ thổi, như nhắc bông người mẹ lên đến tắm gội trên hòn đá trắng ở bên bức tường bên giếng. Tự nhiên hương tỏa thơm tho ngào ngạt, khí tốt giăng đầy, như nước non trời dậy anh linh, sông biển chập trùng khí tốt. Bà mẹ cảm thấy trong người phấn chấn lạ thường. Tự nhiên thấy cảm động mà có mang (D.5).

Hay như bà mẹ nhân thấy diềm lạ: mỗi khi đi dạo bằng thuyền giao long và các loài thủy tộc nổi lên hộ tống nên tự nhiên cảm động mà có mang (D.8).

Hoặc bà mẹ nhân thấy diềm rồng vàng nổi trên mặt nước để năm quả trứng tròn trĩnh như hạt ngọc, tỏa ánh sáng rực rỡ, vớt lấy xem, năm quả trứng vỡ ra thành những chất thơm phưng phức thấm vào mình mấy, kỳ lạ không hết. Bà mẹ thấy trong người bàng hoàng, tâm thần chuyển động mà có thai (D.10).

Sự thụ thai và sinh đẻ thần kỳ của nhân vật linh thần trong truyền thuyết ở cốt truyện này còn được ghi nhận qua những trường hợp khác như: Cha mẹ có tuổi muộn con, do cầu đảo hoặc tu nhân tích đức mới có con; hoặc, Sau khi sinh con và nuôi con đến một độ tuổi nào đó (thường là chưa trưởng thành) thì bố chết hoặc cả

hai bố mẹ đều chết, người con tuổi ấu thơ ấy do bà con, hàng xóm láng giềng cưu mang hoặc được các bậc vua chúa nuôi dạy; hoặc, trường hợp Bà mẹ có thai quá nhiều tháng mới sinh con; hoặc, Khi bà mẹ đẻ có mùi hương thơm nức, hào quang chói lòa hoặc có hỏ vàng trên núi hay rồng đen từ trời xuống chúc mừng hoặc có điềm báo của thần tiên; hoặc, Bà mẹ đơn thân thụ thai thần kỳ.

Trường hợp **Cha mẹ có tuổi muộn con, do cầu đảo hoặc tu nhân tích đức mới có con** được kể như sau: Cha mẹ của Đào kỳ, thời vua Trung, có tuổi muộn con, cầu tự ở chùa Linh Quang, núi An Tuy (D.20), Đường Hoàng, thời vua Trung có cha mẹ người đất Long Biên, tu nhân tích đức, hiếm muộn con trai, cầu tự ở chùa Thiên Thai (D.21).

Trường hợp **cha mẹ mất sớm** được kể như sau: năm Nam Định 18 tuổi cha mẹ qua đời (D.2), năm Mục công 18 tuổi cha mẹ qua đời (D.4).

Trường hợp **Bà mẹ có thai quá nhiều tháng** chúng tôi ghi nhận các truyện kể như sau: Bà mẹ thụ thai 12 tháng (D.4), thụ thai 14 tháng (D.5), bà mẹ mang thai 21 tháng (D.9).

Khi sinh nở có sự đón chào của thần linh như **Khi bà mẹ đẻ có mùi hương thơm nức, hào quang chói lòa hoặc có hỏ vàng trên núi, rồng đen từ trời xuống chúc mừng hoặc có điềm báo của thần tiên** như sau: khi sinh Hoảng công, có một đám mây vàng từ trên không trung bay về phía tây rồi biến mất. Khi đương sinh Lôi công nghe trên không trung có ba tiếng sấm nổ vang, trời rung đất chuyển, hương thơm ngào ngạt khắp nhà (D.3), Trước khi sinh người con trai, bà mẹ ngồi bên một hòn đá trắng, thấy mây lành quần quýt, khí tốt vẫn vương, hào quang rực rỡ (D.5).

Ngoại hình nhân vật truyền thuyết trong cốt truyện này cũng là một trong những biểu hiện của sự thụ thai và sinh đẻ thần kỳ. Nhân vật truyền thuyết ở đây thường có tướng mạo dị thường, hoặc hết sức khôi ngô tuấn tú, hoặc có đặc điểm gì khác lạ (có chữ ở lòng bàn tay hay ở trán... có nhiều nốt ruồi...).

Về đặc điểm **khôi ngô tuấn tú**, các truyện kể như sau: Nam Định đại vương, thời Hùng Duệ Vương thể mạo khôi ngô khác thường (D.2), Hoảng công là con cầu

tự, thời Hùng Duệ Vương hình dung tuyệt vời, diện mạo khôi kỳ, Lôi công thiên tư đỉnh ngộ (D.3), Mục công, thời Hùng Duệ Vương phong tư đỉnh ngộ (D.4).

Về **đặc điểm khác lạ**, các truyện kể như sau: Thiên Bồng đại vương, thời Hùng Vương thứ 16 có thân người đầu gà, trong lòng bàn tay có in dấu bốn chữ “Thiên Bồng chi ấn”. Thân hình cao lớn đường đường, năm 18 tuổi, thân cao dư trượng (D.1), Thiện, Quang, thời Hùng Duệ Vương đầu rồng mình rắn, hình dáng dị kỳ, thường hay biến tướng hiện hình (D.7). Như vậy, ở lớp truyện thứ nhất của kiểu này đều tập trung khá đậm đặc motif bà mẹ hoài thai thần kỳ do đầu thai của thần linh. Mô hình này từng xuất hiện ở nhóm 1 như đã trình bày.

Lớp truyện thứ hai vẫn kể về công tích như các kiểu trên. Chúng tôi chỉ tập trung vào sự khác biệt ở **lớp truyện thứ ba**.

Ở đây cốt truyện phát triển theo hướng nhân vật tiếp tục hiển linh để âm phù người anh hùng đánh giặc và trừng trị kẻ thù sau khi “Ngài hóa”. Nội dung **hiển linh âm phù người đời sau** thường được biểu hiện dưới hình thức những phép thiêng, thuật lạ, nhằm phát huy thêm tài năng, uy đức của nhân vật khi còn sống, và cuối cùng là để thực hiện không ngoài những công việc ích nước lợi dân.

Trong luận văn của mình, chúng tôi khảo sát thấy sự **hiển linh âm phù** của linh thần đời sau được biểu hiện dưới các nội dung sau:

Linh thần đời sau hiển linh âm phù vua, quan đánh giặc: Sau, Tản Viên Sơn Thánh cùng các tướng phụng mệnh Hùng Duệ Vương đánh giặc Thục có làm lễ mật đảo Thiên Bồng đại vương xin được âm phù hộ quốc và được toàn thắng (D.1), Đời Đinh Tiên Hoàng đánh dẹp mười hai sứ quân linh thần Thành công, Mang công đã từng hiển linh giúp nước. Hồi ấy, tướng Nguyễn Bặc hành quân qua đất Mai Xá, bỗng thấy hai con rắn và ba con cọp vàng từ trong đền ra, dương mắt nhìn rồi lại vào trong đền biến mất. Nguyễn Bặc vào đền mật đảo các ngài âm phù đánh giặc (D.10).

Linh thần đời sau hiển linh âm phù nhân dân chống thiên tai, dịch bệnh, trừ quái vật: Thời Lê Túc Tông, trời đại hạn, nhà vua cho cầu mưa ở đền thờ linh thần Thiện, Quang rất linh ứng (D.7), Triều Lê Đại Hành khảo sát bách thần, thấy

hai ngài anh linh. Đòi Trần Thái Tông quân Nguyên sang xâm lược, Trần Quốc Tuấn phụng mệnh cầu đảo, hai vị hiển ứng âm phù. Đòi Lê Thái Tổ khởi nghĩa đánh quân Minh hai vị hiển ứng âm phù (D.12).

Sau khi “hóa”, linh thần Huyền Quang thường hiển linh thu phục yêu quái (Quy tinh, Xà tinh, cửu Hồ tinh); hiển phép oai linh cứu người bị nạn, kẻ nguy khốn, người bị đau, kẻ cầu tự; giúp vua Lê Đại Hành đánh Tống: hôm hai bên sắp sửa giao chiến tự nhiên có một trận phong ba bão táp nổi lên, sấm sét âm ầm, sóng nổi cuộn cuộn. Trên lưng chừng trời hiện ra một ông tướng, thân cao mười trượng mặc áo vóc vàng, tay cầm thanh kiếm bằng vàng, lơ lửng trên từng mây (D.35).

Linh thần đòi sau hiển linh âm phù hộ quốc, giúp dân: Dấu thiêng của ngài vô cùng hiển hách. Thời Lý Nam Đế, vua sai quân triều đi đảo vũ ở miếu ngài, trong lúc đang hành lễ trời bỗng đổ mưa đến ba thước nước cứu dân qua cơn đại hạn. Trãi các triều Đinh, Lê, Lý, Trần thần đều có hiển linh giúp nước giữ dân, cầu mưa cầu nắng được mưa được nắng. (D.4), Vua đảo vũ giải hạn các ngài thật có linh ứng. Trong lúc làm lễ, trời bỗng đổ mưa đến ba thước nước. Vua ban sắc phong đưa về Mản Trù lập miếu thờ phụng. Từ đấy, các vị hộ quốc cứu dân, cầu mưa được mưa, cầu nắng được nắng (D.9).

Linh thần đòi sau hiển linh âm phù nhiều đời vua: Thời vua Lê Đại Hành khảo cứu bách thần thấy có linh ứng. Từ đó về sau luôn luôn linh ứng. Thời Trần Thái Tông đánh giặc Nguyên, Trần Quốc Tuấn được lệnh cầu đảo tại các linh từ, cầu xin trăm thần phù hộ, đền thần khu Nguyễn Xá cũng hiển ứng phù giúp (D.2), Trãi các triều Đinh, Lê, Lý, Trần các ngài đều hiển linh cứu dân hộ quốc. Hiển linh cứu Chu Huyền Linh, quan nội thị dưới thời vua Lê Chiêu Tông thoát khỏi sự truy bức của quân Mạc. Thời vua Lê Trang Tông đánh giặc Mạc, qua đền thờ Dục công bỗng thấy con cọp vàng từ trong đền đi ra, vẫy đuôi đến trước xe nhà vua nhảy múa ba vòng gầm lên ba tiếng, trời đất liền tối tăm mù mịt, cọp nhảy vào trong đền biến mất. Vua cho người mật đảo xin âm phù diệt giặc. Vua chiêm bao thấy một ông tướng cao lớn đường hoàng, tay cầm thanh long đao xin âm phù đánh giặc giúp nước. Nhà Lê trung hưng, ngài hiển linh giữ nước giúp dân (D.11).

Từ các lớp truyện chính được minh họa như trên, chúng tôi tiến hành mô hình hóa cốt truyện của truyền thuyết nhóm D như sau:

Như vậy, xét về mặt kết cấu cốt truyện, tất cả các truyền thuyết linh thần có nhiều dạng xoay quanh nhân vật, hoặc được “hóa thân” từ linh thần đời trước hoặc “hóa Thánh” trở thành linh thần sau khi có công. Đây là kiểu “hóa thân” kép do tích hợp hai kiểu trên. Ngoài ra, linh thần có thể xem là yếu tố tạo nên nội lực cho nhân vật truyền thuyết. Sự nhất quán này cho thấy linh thần chi phối sự phát triển cốt truyện theo hướng hóa thân linh phù truyền nối nhau giữa các thế hệ. So với nhóm C, nhóm này cốt truyện có triển khai hành trạng của nhân vật truyền thuyết sau khi hiển linh.

3.2.2. Kiểu nhân vật linh thần

Kiểu nhân vật là một trong những đặc điểm cấu tạo của truyền thuyết linh thần. *Từ điển văn học* định nghĩa “Nhân vật văn học là một thuật ngữ chỉ hình tượng nghệ thuật về con người, một trong những dấu hiệu về sự tồn tại toàn vẹn của con người trong nghệ thuật ngôn từ” [63, tr.1254]. Tuy nhiên, đối với truyền thuyết linh thần, nhân vật không chỉ hiện hữu trong hình hài cụ thể mà có thể thông qua thế lực siêu nhiên vô hình có khả năng tác động làm thay đổi tình thế.

Trong phạm vi đề tài của mình, chúng tôi xác định nhân vật linh thần trong truyền thuyết vừa là “nhân vật” nhưng có khi chỉ xuất hiện như “yếu tố”. Trong trường hợp nhân vật linh thần được truyền thuyết xem là trực chính để xây dựng cốt truyện thường được mô tả qua hành động thì nó là “nhân vật”. Dạng nhân vật truyền

thuyết này có khi là linh thần đời trước chuyển hóa thành, có khi là con người có công, sau khi “hóa Thánh” trở thành linh thần đời sau “âm phù dương thể”.

Ngược lại, trong trường hợp linh thần không phải là nhân vật chính của truyền thuyết mà chỉ là “một yếu tố tâm linh” hiện hữu trong quá trình nhân vật truyền thuyết gặp bế tắc thì đây được gọi là “yếu tố linh thần”.

Sau đây, chúng tôi sẽ đi khảo sát từng kiểu nhân vật linh thần ứng với từng loại truyền thuyết.

Như trên đã nói, chúng tôi xác nhận có 2 loại truyền thuyết về nhân vật linh thần: loại truyện về linh thần đời trước “hóa thân” vào nhân vật truyền thuyết và loại truyện về nhân vật truyền thuyết trở thành linh thần sau khi “hiển Thánh”, loại này nhân vật hiện hữu trong hình hài cụ thể.

Kiểu thứ nhất, loại truyền thuyết về nhân vật được “hóa thân” từ linh thần đời trước. Nhân vật linh thần dạng này chỉ được thể hiện như một thể lực màu nhiệm, chuyển hóa vào nhân vật truyền thuyết để tăng thêm sức mạnh tài năng cho nhân vật. Nói cách khác, đây là kiểu nhân vật được “hóa thân” từ nguồn gốc thiên thần, nhiên thần nên không có hình hài cụ thể. Ngài chỉ có hình hài sau khi “hóa thân” trở thành nhân vật truyền thuyết. Chẳng hạn, đó là nguồn gốc thủy thần của nhân vật đức Thánh Cả Hùng Hựu và đức Thánh Đệ Nhị Hùng Chí trong truyện A.4: “Hai ông bà vào chùa Hương Tích cầu tự, khi ra về, còn nghỉ ở thị trấn Bạch Kiều, nằm mộng thấy thần báo rằng: “Lòng chí thành của các người ta sẽ tâu với Thượng đế. Ngài hứa cho hai viên Thủy thần đầu thai làm các con người, để giúp nhà, giúp nước””. Nhân điềm mộng ấy, bà vợ có mang sinh ra các ngài. Cũng có thể kiểu nhân vật vô hình là kiểu nhân vật xuất hiện dưới dạng thức của các lực lượng tự nhiên (gió, mưa, sấm, chớp), âm thanh, tiếng động. Tuy vô hình, nhưng sự hiển linh của kiểu nhân vật này cũng đem lại kết quả thấy được.

Chẳng hạn, truyện C.19 kể về sự hiển linh của kiểu nhân vật vô hình này như sau: “Dân cầu đảo ở đền thờ Lý Hoảng rất được linh ứng. Mỗi khi vua Lý đi đánh giặc, cho rước kiệu Vương đi trước, ra trận thường nghe có tiếng binh mã âm âm

trên không, trận đánh tất thắng. Vua Thái Tông đánh Chiêm Thành, sai cầu đảo tại đền, rồi thuyền đi như gió, trận ấy đại thắng quân Chiêm”

Nguồn gốc của nhân vật truyền thuyết ở đây có thể được hình thành từ một biểu tượng văn hóa mang tính truyền thống, hoặc có thể bị ảnh hưởng bởi văn hóa ngoại sinh. Tuy là kiểu nhân vật vô hình trong truyền thuyết, nhưng nó vẫn chứa đựng những đặc tính chung nhất trong quan niệm về linh thần của dân gian ở chỗ nó có sức mạnh siêu nhiên. Bên cạnh đó, nó còn là lực lượng siêu phàm có khả năng tác động đến các thế lực khác trong truyền thuyết theo tín ngưỡng dân gian.

Theo chúng tôi, kiểu nhân vật linh thần “hữu hình” trước khi đầu thai là kiểu nhân vật xuất hiện dưới dạng thức cụ thể (người hoặc vật), có hành động, lời nói tác động đến đối tượng và đem lại kết quả thấy được. Chẳng hạn, sự hiển linh của linh thần đời sau trong truyện C.2: “Quang Phục lập đàn cầu đảo, thấy thần nhân (linh thần Chữ Đồng Tử) cười rỗng bay vào trong đàn bảo rằng hiển linh còn đó, có thể cầu tới cứu trợ để dẹp bằng họa hoạn và tháo vuốt rỗng cho Quang Phục đeo lên mũ đầu mâu diệt giặc. Quân Lương thua to, phải lùi”. Nhân vật linh thần ở đây hiện hữu dưới dạng thần nhân. Kiểu nhân vật hiển linh này xuất hiện chủ yếu trong truyền thuyết thời Hùng Vương gắn với sự tích Thục Phán An Dương Vương được Rùa Vàng hiển linh tặng móng, vuốt thần để chế nỏ (B.6) và trong truyền thuyết thời Bắc thuộc với tích Chữ Đồng Tử hiển linh cho vuốt rỗng gắn mũ đầu mâu đánh giặc kể trên.

Ngoài ra, kiểu nhân vật linh thần “truyền lưu” là kiểu nhân vật mà sự hiển linh của nó chỉ được lưu lại qua lời kể của dân gian: Về sau vua Lý Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, cho cầu đảo ở đền thờ linh thần Võ Trung, Võ Quốc và được toàn thắng (C5), Sau khi “hóa”, linh thần Ả Lả âm phù vua Lê Thái Tổ bình giặc Minh, vua Thánh Tông bình giặc Chiêm (C.28), Dân cầu đảo ở đền thờ Lê Phụng Hiểu và Lý Hoảng rất được linh ứng (C.18, C.19), Người đàn bà ấy chết và thành thần, cầu đảo được nhiều ứng nghiệm (C.40).

Như vậy, về kiểu nhân vật linh thần có từ nhiều nguồn gốc khác nhau như đã nói nhưng chủ yếu hiển linh dưới hình dạng người là phổ biến, một số ít tồn tại

dưới dạng thức loài vật hoặc vật thể. Kiểu phổ biến khác là vô hình thường chỉ được đưa vào lời kể về hiệu quả của sự hiển linh.

3.2.3. Các hình thức hiển linh

Hiển linh là một biểu hiện quan trọng của linh thần trong truyền thuyết. Truyền thuyết dùng rất nhiều khái niệm, từ ngữ để nói về sự linh thiêng, hiển ứng của linh thần. Theo kết quả khảo sát đã trình bày ở chương 2, “hiển linh” là khái niệm được dùng nhiều nhất để chỉ sự hiển ứng của linh thần trong cấu tạo cốt truyện. Bên cạnh đó, khái niệm “âm phù” và “hiển linh âm phù” cũng được truyền thuyết sử dụng nhiều khi nói về sự linh ứng của thần thiêng.

Thực ra, xét về nghĩa, tất cả các khái niệm được tìm thấy trong truyền thuyết về linh thần đều có quan hệ đồng đẳng, trực tiếp với khái niệm “hiển linh”. Suy cho cùng, nghĩa của chúng không khác gì so với nghĩa của khái niệm “hiển linh”. Nghĩa là, chúng đều chỉ sự linh ứng của thần thiêng trong cấu tạo cốt truyện. Điều đó chứng tỏ, đây là một trong những khái niệm thống nhất của nhân dân dùng trong truyền thuyết để chỉ sự hiển ứng của linh thần. Vì thế, chúng tôi sẽ dùng khái niệm “hiển linh” để khảo sát, mô tả, phân tích, đánh giá các hình thức xuất hiện của linh thần.

Theo chúng tôi, nói đến sự hiển linh của linh thần trong truyền thuyết Việt Nam là nói đến thế giới tâm linh trong đời sống tinh thần người Việt. Ở chương 1, luận văn đã đề cập những nội dung liên quan đến vấn đề tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo người Việt, đặc biệt là quan niệm về sự “sống - chết” của con người theo tín ngưỡng dân gian.

Căn cứ vào cách thức xuất hiện của linh thần, chúng tôi xác định linh thần thường hiển linh dưới hai **hình thức** sau đây:

- *Linh thần đời trước hiển linh “hóa thân” vào nhân vật truyền thuyết thông qua giấc mơ, điềm báo của các bà mẹ.* Hình thức này gắn với quá trình “cầu tự” của các bà mẹ trong truyền thuyết.

Đây là hình thức mà linh thần từ cõi siêu hình hiện lên trong cõi thực, cõi mà các nhân vật truyền thuyết (có thể là nhân vật được chuyển hóa từ linh thần đời

trước, có thể là nhân vật lịch sử) mộng thấy linh thần hiện lên âm phù, mách bảo. Điều kiện để linh thần đời trước hiển linh “hóa thân” vào nhân vật truyền thuyết chủ yếu do lòng thành “cầu tự” của các bà mẹ hiếm muộn con. Một số khác do âm đức của họ khiến thần thiêng cảm ứng ban cho. Nội dung “hiển linh âm phù” của linh thần ở đây rất đa dạng. Đối với nhân vật được chuyển hóa từ linh thần đời trước thì **đó là giấc mơ** được sinh con thánh của các bà mẹ hiếm muộn: “mơ thấy một vị tướng trên trời đầu thai làm con” (D.4), “chiêm bao thấy bóng mây rực rỡ trong chùa, mùi hương thơm ngào ngạt, thấy được đức Hoàng thiên ban cho một đứa con Phật” (D.20), “mộng thấy Ngọc Hoàng thượng đế ban cho bốn cái sừng ngọc tề” (D.38), “mơ thấy Hoàng thiên cho một đứa trẻ giáng sinh làm con” (D.42) ... mà thụ thai của các bà mẹ; **đó là điềm báo** sẽ sinh con thần của các bà mẹ: cây gỗ thần giáng sinh làm con (D.24), con rớt từ trời sa xuống, mình dài một thước, bò vào chiếu, rồi tự biến mất (D.32), bà mẹ bị dải hào quang rực rỡ cuốn lấy (D.33), bà mẹ bị con rắn trắng phủ quanh thân thể, dải nước thơm khắp người (D.39)... mà có mang. Nhìn chung, đây là kiểu hiển linh gián tiếp, qua vai trò trung gian của bà mẹ. Hình thức hiển linh này là bước chuẩn bị cần thiết để nhân vật truyền thuyết trở thành người anh hùng xả thân “cứu khốn phò nguy” trong tương lai.

- ***Linh thần hiển linh khi nhân vật hành động gặp bế tắc.*** Hình thức này gắn với hành trạng của nhân vật truyền thuyết.

Sự “hiển linh âm phù” người anh hùng đánh giặc của linh thần trong truyền thuyết chủ yếu xuất hiện trong hai **tình huống**:

Thứ nhất, linh thần hiển linh qua hành động “cầu khẩn” của nhân vật truyền thuyết. Khi các nhân vật truyền thuyết lâm vào tình thế bế tắc: bị sự cố thiên tai, bị giặc bao vây, bị giặc dồn vào thế bí không tìm ra lối thoát, nhân vật **khẩn cầu** sự âm phù trợ giúp của linh thần thì linh thần xuất hiện. Trong tình huống hiển linh này, có khi linh thần xuất hiện dưới dạng thức mộng thần, có khi xuất hiện dưới dạng thức nhân thần (linh thần hiện ra dưới hình dạng con người), dạng thức vật thần, vật thiêng và cả lực lượng siêu nhiên. Truyện G.8 kể rằng “thời vua Lý Thần Tông đất nước có giặc Chinh Vĩnh, vua cầu đảo bách thần âm phù hộ quốc. Sau ba

ngày trời đất bỗng tối tăm. Đêm, vua nằm mộng nghe thấy tiếng thần đọc thơ mách tìm người tài đánh giặc. Vua y lời, tìm được người tài và đánh tan quân giặc”.

Nếu ở truyện G.8 linh thần hiện ra trong giấc mộng của người cầu khẩn thì ở truyện A.46 sự hiển linh của linh thần chủ yếu xuất hiện thông qua tác động của lực lượng siêu nhiên: “Trần Hưng Đạo đánh giặc Nguyên Mông, bị giặc vây ở ngôi Vạn Kiếp, làng Yên Mô, thấy làng ấy có ngôi miếu thờ mới khẩn xin thần phù giúp. Đến đêm, tự nhiên nổi cơn mưa to gió lớn, bóc cả thuyền chạy qua mây dãy núi, rồi bỏ xuống sông Lục Đầu. Sáng, những thuyền binh của quân ngải đã ở ngoài vòng vây, mới biết thần miếu giúp”.

Trong khi đó, linh thần trong truyện *Tướng quân Cao Lỗ* (dị bản của truyện C.4) thì hiển linh dưới dạng thức vật thần: “An Dương Vương sai Cao Lỗ đắp thành Cổ Loa. Trong ba năm, thành đắp lên rồi tự đổ. Vua lập đàn cầu đảo. Thần Kim Quy hiện lên mách bảo phép đắp thành giữ nước và trao cho vua Thục chiếc móng để chế nỏ thần đánh giặc. Vua đắp được thành, Cao Lỗ chế được nỏ thần”.

Bên cạnh đó, tình huống khẩn cầu sự hiển linh âm phù của linh thần khi nhân vật hành động gặp bế tắc còn tìm thấy chủ yếu qua lời kể của dân gian. Truyện D.1 kể rằng “Tản Viên Sơn Thánh cùng các tướng phụng mệnh Hùng Duệ Vương đánh giặc Thục có làm lễ mật đảo Thiên Bồng đại vương xin được âm phù hộ quốc và được toàn thắng”. Tương tự, truyện D.7 kể rằng “Thời Lê Túc Tông, trời đại hạn, nhà vua cho **cầu mưa** ở đền thờ Thiệu, Quang rất linh ứng”.

Thứ hai, linh thần “tự hiển linh” khi thấy nhân vật truyền thuyết gặp bế tắc trong lúc đánh giặc. Đây là tình huống hiển linh phổ biến của linh thần trong truyền thuyết. Sự hiển linh này có thể thông qua giấc mơ, có thể biểu hiện dưới dạng thức nhân thần, vật thần, vật thiêng như tình huống hiển linh qua “cầu khẩn”. Rõ ràng, tuy tình huống hiển linh có thể khác nhau, nhưng dạng thức và động cơ thì không thay đổi.

Có thể tìm thấy tình huống chủ động hiển linh của linh thần trong các truyện sau đây: “Hai vị tướng tài của Hùng Huy Vương là Thiên Đá và Đường Lô mang quân đi đánh giặc Ân và nhận được sự trợ giúp của thiên thần Phù Đổng nên chỉ

trong một trận đánh lớn giặc Ân đã tan tác ngay” (E.8), “người anh hùng Hà Đại Liễu, thời vua Trưng tự mộ hương binh ứng tuyển làm tướng Hai Bà đánh giặc Tô Định. Ông lập đồn ở trang Tiên Châu và khu Xuân Ái ngăn chống quân Tàu. Đến đêm ông mộng thấy hai vị Cao Sơn, Tản Thảng là bản cảnh ở Tiên Châu xin tòng quân âm phù đánh giặc” (F.3).

Hay như ở truyện B.16, tuy có nhiều dị bản, song cùng kể về vị thần Long Đỗ - Tô Lịch hiển linh khiến tướng giặc Cao Biền nhà Đường khiếp sợ khi Cao Biền có ý định đắp La Thành, hiển linh phá tan trận yểm trấn áp thần bằng đồng sắt của Cao Biền khiến Cao Biền phải bỏ về nước.

Truyện B.15 còn kể về sự tự hiển linh của Trương Hống, Trương Hát nhằm phù giúp vua Lê Đại Hành đánh Tống, vua Ngô Nam Tấn đánh giặc Lý Huy qua điềm mộng của các vị vua ấy.

Ở truyện B.21 thì kể “vua Lý Thái Tông đem binh đánh Chiêm Thành, canh ba vua thấy một người thân cao 8 thước, mắt sáng, râu rậm, mặc chiến bào, tay cầm binh khí, đến tự xưng là thần núi Đồng Cổ, xin theo âm phù đánh giặc và báo mộng xin chỉ chỗ lập đền thờ. Ngoài ra, thần núi Đồng Cổ còn mộng báo cho vua Thái Tông biết về mưu làm phản của ba vị vương em vua”. Nhìn chung, hình thức hiển linh này được xem là trực tiếp. Các linh thần hiện diện tức thì sau khi có khẩn nguyện, cầu đảo hoặc không dưới dáng mạo hữu hình.

Với tình huống hiển linh vô điều kiện, luôn chủ động của linh thần đã làm tăng thêm sức mạnh giúp người anh hùng đánh thắng giặc xâm lược. Đây là cách biểu đạt về sức mạnh dân tộc qua các thời đại đúng như Kiều Thu Hoạch đã khái quát: “*Sức mạnh của truyền thống anh hùng của dân tộc Việt Nam là một sức mạnh thần kỳ, bất khả xâm phạm, đã đập tan mọi âm mưu thâm độc và tham vọng điên cuồng của bọn xâm lược ngoại bang*” [30, tr.187]. Sức mạnh này chuyển hóa thành đời sống tâm linh của dân tộc, làm điểm tựa cho nhân dân ta trước họa ngoại xâm và những lần đối đầu với kẻ thù trong quá khứ lịch sử. Chính kẻ thù đã phải thừa nhận sức mạnh thiêng liêng ấy như là “hạo khí nước Nam” tích tụ trong quá trình hàng ngàn năm khó bề khuất phục được.

Nhìn chung, trong hai hình thức hiển linh của linh thần kể trên, chúng tôi ghi nhận hình thức *linh thần hiển linh khi nhân vật gặp bế tắc trong lúc đánh giặc* chiếm tỉ lệ nhiều hơn so với hình thức *linh thần hiển linh “hóa thân” vào nhân vật truyền thuyết thông qua giấc mơ, điềm báo của các bà mẹ* (63.50%). Phải chăng, cùng với tư duy huyền thoại và tín ngưỡng thờ thần trong đời sống văn hóa tâm linh của mình, người Việt, ngay từ buổi đầu dựng nước, giữ nước đã tin tưởng hết mực vào sự “âm phù dương thế” của các thể lực siêu phàm. Ngoài ra, hình thức hiển linh của linh thần khi người anh hùng gặp bế tắc trong quá trình đánh giặc còn khẳng định tính cố kết cộng đồng trước mọi hiểm nguy. Đồng thời khẳng định sức mạnh nội tại của dân tộc trước mọi kẻ thù xâm lược.

3.2.4. Một số motif tiêu biểu

Về thuật ngữ motif

Motif vốn là thuật ngữ xuất hiện đầu tiên trong cuốn *Từ điển âm nhạc* Pháp (1703) nhằm chỉ những yếu tố lặp đi lặp lại trong âm nhạc.

Từ điển thuật ngữ văn học định nghĩa: “Motif từ tiếng Hán là mẫu đề, có thể chuyển thành các từ “khuôn”, “dạng” hoặc “kiểu” trong tiếng Việt, nhằm chỉ những thành tố, những bộ phận lớn hoặc nhỏ đã được hình thành bền vững và được sử dụng nhiều lần trong sáng tác văn học nghệ thuật, nhất là trong văn học nghệ thuật dân gian” [26, tr.192].

Motif được sử dụng phổ biến trong việc phân tích tác phẩm tự sự dân gian. Nguyễn Tấn Đắc quan niệm motif (và cả type) là “những phần tử đơn vị vừa mang tính đặc trưng vừa mang tính bền vững của truyện kể dân gian” [18, tr.11]. Có thể hình dung, motif là yếu tố khởi đầu, là thành tố trung tâm, là yếu tố hạt nhân cơ bản để hình thành nên cốt truyện. Những thành tố này tuy bền vững song lại được sử dụng hết sức cơ động, có thể tách rời, lắp ghép được. Chúng có đặc điểm là thường được lặp đi lặp lại trong tác phẩm folklore. Ở mỗi văn cảnh folklore khác nhau, chúng thường được biểu hiện một cách khác nhau. Trong câu chuyện, chúng luôn là những tình tiết có khả năng gây ấn tượng đặc biệt, có sức ám ảnh người nghe (người đọc). Nguyễn Tấn Đắc lưu ý thêm: “Trong khi thuật ngữ motif được dùng một cách

rất lỏng lẻo để đưa vào bất kỳ yếu tố nào tham gia vào truyện truyền miệng, cần phải nhớ rằng để trở thành một phần thật sự của truyện kể thì yếu tố đó phải có cái gì đó làm cho người ta nhớ và lặp đi lặp lại nó, nó phải khác với cái chung chung. Một bà mẹ thông thường không phải là một motif. Một bà mẹ hung ác trở thành một motif, vì ít ra người ta nghĩ rằng đó không phải là điều bình thường” [18, tr.28].

Từ đó Nguyễn Tấn Đắc định nghĩa: “motif là chỉ một phần nhỏ ở trong truyện, một thành tố tạo nên mẫu chuyện. Thông thường người ta xem motif là những phần nhỏ nào, những thành tố nào có thể tách rời được, có thể lắp ghép được, hay lặp đi lặp lại, và phải nhiều khác lạ, bất thường, đặc biệt” [17, tr.50].

Mỗi motif luôn hình thành từ một cơ sở văn hóa - xã hội nhất định, chứa đựng những tư tưởng thẩm mỹ nhất định. Về điều này, Nguyễn Tấn Đắc nhận xét: “Đối với người nghiên cứu, muốn tìm hiểu rộng ra nhiều nền văn hóa khác nhau, thì việc nghiên cứu motif rất quan trọng để chỉ ra mối quan hệ quốc tế. Đôi khi chúng chỉ có tính chất logic, chẳng qua là do quá trình tư duy giống nhau giữa các nơi trên thế giới mà thôi. Đôi khi chúng có tính chất lịch sử và cho thấy được con đường đã dẫn dắt từ truyện này đến truyện khác, hoặc là chúng có một nguồn gốc chung [18, tr.28].”

Lý thuyết về motif trên giúp chúng tôi vận dụng khảo sát các motif về linh thần trong truyền thuyết Việt Nam nhằm làm rõ những yếu tố được “lặp đi lặp lại, khác với cái chung chung, nhiều khác lạ, bất thường, đặc biệt” của các truyền thuyết về linh thần. Trên tư liệu khảo sát chúng tôi tìm được các motif: motif thụ thai và sinh nở thần kỳ; motif chiến công phi thường; motif hóa thân (“Ngài hóa”); motif hiển linh và motif giấc mơ, điềm báo.

3.2.4.1. Motif sinh nở thần kỳ

Nhân vật linh thần trong truyền thuyết được khảo sát suy cho cùng là kết quả hóa thân của người anh hùng trong các công cuộc từ thời đại Hùng Vương, Bắc thuộc cho đến các thời kỳ phong kiến sau này.

Về motif sinh nở thần kỳ, các nhân vật linh thần trong truyền thuyết thường có xuất xứ lạ kỳ, họ là kết quả của sự hòa hợp giữa tự nhiên và con người. Ở đây là

từ sự hóa thân của linh thần đời trước trong sự đa dạng nguồn gốc (thiên thần, thủy thần, sơn thần, vật thần). Đây là cách nhân dân tưởng tượng ra để nhân vật của mình trở thành phi thường và mọi chi tiết thần kỳ được tập trung khai thác cuối cùng cũng nhằm suy tôn người anh hùng. Motif này có nhiều biểu hiện: thụ thai kỳ lạ (trực tiếp, gián tiếp: giấc mơ thấy nuốt vật thụ thai, tự nhiên cảm động có thai), có thai quá nhiều tháng, điềm lạ khi đẻ.

Biểu hiện đầu tiên của motif sinh nở thần kỳ là kể về sự **thụ thai kỳ lạ** của bà mẹ linh thần. Sự thụ thai kỳ lạ này thường có hai biến dạng:

Dạng thứ nhất **kể trực tiếp** việc bà mẹ mang thai một cách lạ kỳ: đám hào quang từ trên trời rơi xuống người bà mẹ (D.22), bà mẹ đơn thân bị dải hào quang rực rỡ cuốn lấy (D.33), bà mẹ ra sông Nhĩ Hà bị giao long cuốn (A.33), nhân đó thụ thai để ra linh thần và thường là trong **một bọc thai chung**: một bọc - hai con trai (D.7, A.33), hai trứng - hai con (D.36).

Dạng thứ hai **kể gián tiếp** việc thụ thai của bà mẹ thường thông qua những giấc mơ. Đó thường là giấc mơ thấy nuốt vật thụ thai hoặc tự nhiên cảm động có thai. Giấc mơ ở đây có giá trị như những điềm báo: mơ thấy một người con trai dáng thanh tú thừa mệnh Ngọc Hoàng thượng đế giáng sinh làm con (D.3), chiêm bao lên vườn bàn đào của Tây Vương Mẫu bắt được hai bông hoa đào, huê (D.19), mộng thấy tinh rồng từ trời giáng xuống, lấy một cái râu rồng nuốt, tinh rồng biến mất (E.20), mơ gặp Phật Quan Âm thể tôn đất tới cho hai đứa trẻ (D.37), mộng thấy một người cười hùm đen, tay ôm Tiên đồng đến cho (D.40), mơ thấy trời cho kiêu đất hình nhân bái tượng và thần đồng ứng làm con (D.43), nằm mơ thấy Phật giáng hạ (D.47).

Tự nhiên cảm động có thai cũng là một trong những biểu hiện của dạng **kể gián tiếp** về sự thụ thai kỳ lạ của bà mẹ linh thần. Bà mẹ nhân khi trông thấy mây lành vương vấn, khí tốt rực rỡ, một con rồng vàng xuống giếng lấy nước, phun sóng ngọc châu, đáy giếng cuộn lên mây mờ khí tốt, du dương khúc nhạc dậy đất trời. Tự nhiên thấy cảm động mà có mang 14 tháng (D.5), bà mẹ tắm gội ở hồ, bị con rắn

trắng phủ quanh thân thể, dải nước thơm khắp người, trong lòng chuyển động, cảm hoài mà có mang 12 tháng sinh ra ngài (D.39).

Có thai quá nhiều tháng cũng là một trong những biểu hiện của dạng **kể gián tiếp** về sự thụ thai kỳ lạ của bà mẹ linh thần: ít nhất là 11 tháng (D.32), nhiều nhất là 21 tháng (D.9), còn lại là 12 tháng (D.4, D.39), 13 tháng (D.38), 14 tháng (D.10), 16 tháng (A.20), 18 tháng (D.5).

Các biểu hiện phong phú ở hai dạng kể trên thể hiện tín ngưỡng vật linh thời cổ, cùng sự ảnh hưởng của các tín ngưỡng nguyên thủy khác và cả tín ngưỡng Phật giáo, Đạo giáo... Những tục thờ thiên thần, sơn thần, thủy thần in dấu rất rõ trong motif này cho thấy chiều sâu văn hóa cổ trong truyền thuyết.

3.2.4.2. Motif chiến công phi thường

Có thể nói, nhân vật linh thần trong truyền thuyết để lại dấu ấn đậm nét nơi người đời qua bao thế hệ là bởi những chiến công phi thường mà họ lập được lúc sinh thời. Đây cũng là motif có giá trị khẳng định, tiếp nối motif sinh đẻ thần kì, đồng thời chuẩn bị cho motif “Ngài hóa” và motif hiển linh của nhân vật linh thần. Như vậy, chiến công phi thường là motif trung tâm của truyền thuyết về linh thần bởi miêu tả chiến công của người anh hùng lúc sinh thời là lí do tồn tại của nhân vật linh thần sau khi “Ngài hóa”. Motif này được trình bày qua hai biểu hiện: sức mạnh phi thường tự thân của nhân vật linh thần lúc sinh thời và sự âm phù dương thế của linh thần khi người anh hùng gặp hiểm nguy.

Biểu hiện thứ nhất, các nhân vật linh thần trong truyền thuyết thường có sức khỏe phi thường, có thể làm nên chiến công trong nháy mắt, chủ yếu là các linh thần thời Hùng Vương như Thiên Bồng đại vương (D.1), Nam Định đại vương (D.2), Hoảng công (D.3)... linh thần thời Bắc thuộc như Trưng Trắc, Trưng Nhị (C.7), Trù công, Thuận Nương (D.19)... linh thần thời Ngô - Đinh - Tiền Lê như Trình An Tể (G.6), Trần Lãm (C.14) ..., linh thần thời Lý như Lê Phụng Hiểu (C.18), Lý Hoảng (C.19)... Các ngài đều là những người có sức mạnh lạ kỳ, với sức lực vượt ra khỏi những chiều kích đo đếm thông thường. Ở các ngài, tài đẹp giặc dữ, hung bạo chỉ trong phút chốc là tài năng nổi bật nhất. Vì thế, công trạng của các

ngài cũng trở thành những kì tích phi thường trong cái nhìn và tình cảm của nhân dân.

Biểu hiện tiếp theo của motif này là sự âm phù dương thế của linh thần khi người anh hùng gặp hiểm nguy nhằm giúp người anh hùng lập nên những chiến công như Thần Bản cảnh Út Sơn hiển linh trong giấc mộng của Cao Sơn, Quý Minh xin âm phù đánh giặc Thục (F.1), con trai vua Lạc Long Quân hiển linh xin âm phù Niệm Hưng đánh giặc Thục (G.2), Cao Sơn, Tần Thắng là bản cảnh ở Tiên Châu hiển linh xin tòng quân âm phù Hà Đại Liễu đánh giặc Tô Định, thắng trận sẽ cùng phối hưởng (F.3), vua Hùng, Xuân Dung công chúa hiển linh âm phù Hai Bà đánh giặc Tô Định (B.8), Bản cảnh Thành hoàng xin theo âm phù Quan Âm đại vương đánh giặc Ngô (E.20), Trương Hồng, Trương Hát âm phù vua Lê Đại Hành đánh Tống (B.15), Lý Phục Man âm phù vua Trần Thái Tông đánh giặc Thát Đát (B.20), thần núi Đồng Cổ xin theo âm phù Lý Thái Tông đánh giặc Chiêm Thành và báo mộng xin chỉ chỗ lập đền thờ (B.21), thần miếu hiển linh giúp Trần Hưng Đạo đánh giặc Nguyên Mông (*Nói về sự tích ông thánh Hưng Đạo*, bản khác của truyện A.46), hồn cô gái bị giặc Minh bức hại biến thành con chồn cứu Lê Lợi thoát khỏi sự truy bức tìm diệt của quân Minh (B.27), Lạc Long Quân hiển linh cho Lê Lợi mượn gươm thần đánh giặc Minh (B.44).

Nếu như ở motif sinh nở thần kỳ, người anh hùng trong xác thân lịch sử phải hàm chứa năng lượng tích tụ từ các lực lượng siêu tự nhiên thì ở motif chiến công phi thường, trong hình hài cá nhân người anh hùng lại chứa đựng sức mạnh của tập thể, cộng đồng. Nhờ sức mạnh ấy, người anh hùng đã lập nên được những chiến công phi thường và đây cũng là tiền đề để người anh hùng sau khi hóa thân vào cõi thiêng liêng bất diệt quay trở lại hiển linh âm phù đời sau tiếp tục lập nên những chiến công, tiếp nối truyền thống dựng nước, giữ nước, bảo vệ cộng đồng dân tộc của cha ông.

3.2.4.3. Motif “Ngài hóa”

Để trở thành nhân vật linh thần trong truyền thuyết, phần lớn những người anh hùng không chỉ được sinh ra thần kỳ, lập nên những chiến công phi thường lúc

sinh thời mà còn thể hiện sự *lạ hóa* ở phần chung cục sau khi chết mà dân gian gọi là “hiển Thánh” hay “Ngài hóa”. Điều này biểu hiện niềm tin vĩnh cửu vào sự bất tử và hiển linh của người anh hùng. Ngoài ra, thể hiện sự *lạ hóa* ở cái chết là cách dân gian hóa giải những nghịch lý trong quy luật đời người và những nghịch lý trong quy luật tình cảm của mình trước sự *hiển Thánh* của nhân vật linh thần. “Ngài hóa” là một khái niệm chỉ về sự chuyển đổi không gian sinh tồn, từ cõi trần về cõi thiêng. Dân gian không muốn tin người anh hùng phải chết, nhưng cũng đành chấp nhận cái chết ấy, song, theo khuynh hướng linh thiêng hóa. Nghĩa là người anh hùng *trở về trời, hiển Thánh* sau khi đã hoàn tất sứ mệnh mà lịch sử và nhân dân giao phó. Và, với vai trò mới này, trong niềm tin và tín ngưỡng của mình nhân dân cho rằng người anh hùng đã trở thành linh thần và luôn trong tư thế sẵn sàng hiển linh âm phù người đời sau trong các công cuộc.

Theo truyền thuyết, thông thường có các hình thức “Ngài hóa” như người anh hùng **không bệnh tự nhiên mất** như linh thần Ngô Sơn đại vương (D.6), linh thần Lý Hoảng (C.19), **bay lên trời** như linh thần Thiên Bồng đại vương (D.1), linh thần Đường Hoàng (D.21), linh thần Đô công (D.33), linh thần Đoàn Thượng Đông Hải đại vương (G.10), linh thần Thiên Y a Na thánh mẫu cùng hai con bay vút lên trời (D.48); **đi xuống biển (dưới hình thức trầm mình hoặc bị nước cuốn trôi)** như linh thần Thiện, Quang hóa (D.7), linh thần Trung Trắc, Trung Nhị (*Nói về sự tích bà Trung Trắc, bà Trung Nhị, Trung Vương*, bản khác của truyện C.7), linh thần nàng Ngọc (D.39), linh thần Đinh Công Tuấn (D.40), linh thần Dương Trục (D.43); **đi vào núi mất tích** như linh thần Trung Trắc, Trung Nhị (C.7, *Chế thắng nhị Trung phu nhân, Truyện Trung Vương*, bản khác của truyện C.7); **hóa thân, hóa thánh** như linh thần Nguyễn Tuấn - Nguyễn Tùng - Tản Viên Sơn Thánh (D.5), linh thần Lê Ngọc Bái (C.30), linh thần Đại thánh Khai thiên Nghĩa tôn Bình đẳng Hành thiện Bồ tát Chân nhân (D.47); **bị giết hại hoặc bị đánh chết** như linh thần Lý Tiến (C.3), linh thần Mộc Hoàn (G.4), linh thần Đỗ Cảnh Thạc Độc nhĩ Đại vương (D.34), linh thần Đoàn Thượng Đông Hải đại vương (G.10); **chết sau khi sinh** như linh thần Ngô Thị Nương (C.42); **chết vì té ngã** như linh thần Huyền

Thiên Hắc Đế (D.49); **hóa vật thiêng** như linh thần Thiện, Quang (D.7), linh thần Hùng Hải, Đỗ Huy (D.10), linh thần Anh Công, Dục Công (D.11); **tự hiển tế** như linh thần Nguyễn Cơ (C.23), linh thần Công chúa Mai Châu (C.33).

Nhìn chung, motif “Ngài hóa” là một trong những hạt nhân quan trọng của loại truyền thuyết linh thần. Nó là kết quả của ý niệm về sự sống, cái chết, kiếp sống, cõi sống của dân gian. Khác với kiếp sống của người trần, hiện tượng “Ngài hóa” thường ly kỳ và thiêng liêng. Nó là một chiều ngược lại của “hiển linh” và tiền đề cho sự “hiển linh”. Có “hóa” thì mới có “hiển linh” được.

3.2.4.4. Motif hiển linh

Có thể nói, đây là motif quan trọng và chủ yếu của truyền thuyết về linh thần. Vì, để trở thành linh thần trong truyền thuyết (thần tích), nhân vật truyền thuyết (thần tích) phải có phần hiển linh trong cấu tạo cốt truyện.

Sự hiển linh của linh thần trong truyền thuyết có nhiều kiểu nhưng tựu trung lại dạng thức của motif này là: lực lượng thần linh từ cõi siêu nhiên xuất hiện ở cõi trần thế và thường là nhập vào thân xác của con người hoặc tác động trực tiếp làm tăng thêm năng lực cho con người để họ thực hiện sứ mệnh. Đây cũng là motif thâm thúy ý niệm về sức mạnh của cộng đồng qua nhiều thời đại.

Chẳng hạn, nhân dân muốn thông qua hình tượng Lê Lợi trả kiếm cho rùa vàng ở truyện B.44 để bày tỏ niềm tin vào sự “hiển Thánh” của tổ tiên luôn phò trợ cho con cháu muôn đời sau. Đó là hiện tượng tích hợp giá trị truyền thống qua các thời đại. Sự âm phù này thực ra đã có mô hình từ thời lập quốc được hiện thân dưới dạng rùa vàng (B.6): “thần Rùa Vàng hiển linh giúp vua xây thành, tặng vuốt cho vua làm nỏ thần chống giặc giữ nước, chỉ vua biết ai là giặc, rẽ nước dẫn vua đi xuống biển thoát sự truy bức của quân Triệu Đà”, có khi hóa thân vào các nhân vật hiển thánh như Lạc Long Quân: “An Dương Vương xây thành Cổ Loa nhiều lần thất bại, cầu đảo bách thần. Lạc Long Quân hiển linh báo trước sẽ cho sứ Thanh Giang đến giúp vua xây thành” (B.6), hay qua hình dạng cụ già (cũng là hiện thân của Lạc Long Quân): “Hùng Vương cầu đảo xin **âm phù** đánh giặc Ân. Trong lúc hành lễ, trời nổi mưa to gió lớn, có một cụ già cao lớn chín thước, mặt vàng bụng

lớn, mây râu bạc trắng hiển linh mách vua Hùng tìm người tài đánh giặc” (B.5), hay là Phù Đổng Thiên Vương hiển linh âm phù hai vị tướng tài của Hùng Huy Vương là Thiên Đá và Đường Lô đánh giặc Ân (E.8), là Chử Đồng Tử: “Triệu Quang Phục lập đàn cầu đảo trời đất, bách thần xin phù giúp đánh quân Lương. Đang làm lễ, Chử Đồng Tử hiển linh cuời rồng bay xuống đàn lễ trao cho Quang Phục chiếc móng của thần Kim Quy và dặn cách sử dụng cẩn kẽ” (E.16). Sự sáng tạo ấy nhằm thể hiện niềm tin vào quá khứ và ý thức về sự kế thừa truyền thống giữa các thế hệ. “Từ những mắt xích ấy nối kết lại hàng nghìn năm, ăn sâu vào nếp nghĩ của nhân dân tạo thành niềm tin, niềm tự hào rằng chúng ta là “con Lạc cháu Hồng”, tổ tiên của nhân dân ta là Hùng Vương. Niềm tin vì thế trở nên lung linh, diệu ảo hòa lẫn với lòng thành kính, tạo thành tín ngưỡng” [36, tr.17].

3.2.4.5. Motif giấc mơ, điềm báo

Motif giấc mơ, điềm báo là một trong những motif đặc trưng của truyền thuyết về linh thần. Motif này được biểu hiện dưới dạng “mộng” hay “điềm mộng”.

Theo chúng tôi, “mộng” hay “điềm mộng” là một trong những phương thức mà con người xem là có thể liên thông, giao tiếp, đối thoại với thần linh khi có nhu cầu liên quan đến thế giới tâm linh của mình.

Trong văn hóa tâm linh, “mộng” hay “giấc mộng” là “hiện tượng thấy người hay sự việc hiện ra như thật trong giấc ngủ” [67]. Mộng có trong các từ *mộng du*, *mộng triệu*, *mộng mị* và có thể gọi bằng *giấc chiêm bao*, *giấc mơ*, *con mê*. Theo thuyết duy linh, “mộng là một dự giác, một bí quyết răn dạy của thần linh”, nghĩa là thần linh báo trước cho ta biết điều lành, dữ, do đó có giấc mộng lành (cát mộng) và giấc mộng dữ (hung mộng). Từ lâu dân gian tin rằng giấc mộng có nhiệm vụ báo trước tương lai. Vào thời Cổ và Trung Cổ thì giấc mộng lại đóng vai trò quan trọng trong việc xét đoán các căn bệnh của lương y.

Theo quan niệm dân gian, mộng là lúc linh hồn lìa thể xác đi chu du bên ngoài. Đây là hiện tượng do quỷ thần sai khiến. Nằm mộng cũng có thể là một hoạt động nghỉ ngơi bình thường của con người nhưng có sự can dự của ma quỷ, cũng có

thể là do được thần gợi ý cho người nằm ngủ. Vì vậy, có thể căn cứ vào hình ảnh, sự việc trong mộng mà biết ý của thần, dự đoán điều sắp xảy ra (điềm mộng).

Đối với những câu chuyện về các giấc mơ trong văn học, thật khó để phân biệt cái gì là có thật, cái gì là bịa đặt. Tuy nhiên, có một điều chắc chắn rằng, trong thế giới nghệ thuật của các tác phẩm văn học dân gian, ở đây là truyền thuyết, giấc mộng là có thực với nhân vật truyện, chi phối tiến trình phát triển của cốt truyện và trở thành một motif đặc trưng của truyện. Ngoài ra, nguồn gốc của giấc chiêm bao có thể phát sinh những biểu tượng về thế giới hiện thực.

Khảo sát các truyền thuyết, có thể thấy hiện tượng giấc mộng xuất hiện dày đặc vừa với tính chất là giấc mộng (cầu mộng, báo mộng), vừa với ý nghĩa là sự linh thiêng hiển ứng. Mộng liên quan đến nhiều vấn đề của cuộc sống: *điềm báo sinh con Thánh, điềm báo “Ngài hóa”, âm phù vua đánh giặc, mong muốn được tạc tượng thờ,...*

Theo đạo Phật, nếu con người thường xuyên tu tĩnh, hành điều thiện, cảm đến bậc trên, khi chiêm bao sẽ hiện ra mộng lành. Trái lại, hành điều ác, cảm đến bậc trên lúc ngủ sẽ hiện ra mộng dữ. Trong truyền thuyết về linh thần, đó là sự hiển linh của rất nhiều vị thần với các điềm báo khác nhau. Song, chủ yếu và phổ biến hơn cả là báo điềm sinh con Thánh do linh thần đòi trước “hóa thân” thành.

Nói về lai lịch nhân vật trong truyền thuyết, dân gian có xu hướng linh thiêng hóa nguồn gốc, xuất thân của họ thông qua *motif thụ thai và sinh nở thần kỳ* của các bà mẹ. Nói cách khác, họ là hiện thân của linh thần đòi trước. Như vậy, nhân vật truyền thuyết ra đời là kết quả của những khát khao nơi người mẹ và ý muốn của thần linh. Sự thụ thai thần kì của bà mẹ lại thông qua motif giấc mơ, điềm báo, báo điềm sinh con quý tử.

Chẳng hạn, truyện A.27 kể: “Một đêm, bà mẹ nằm mê thấy một vị thần hiện đến tự xưng là Triệu Đô Đài ban cho bà một chiếc kim thoa. Từ đó bà có thai sinh ra một người con gái tên là Phật Nguyệt”.

Truyện E.8 kể: “Có một đêm bà mẹ nằm mơ đi dạo chơi tới cửa miếu nghe văng vẳng có tiếng người ngâm thơ. Thế rồi bà mẹ có thai sinh ra Đường Lô”, “Thế

rồi đêm ấy gió mưa ào ào, sấm rền chớp giật, bỗng có mấy chục tiếng sét nổ đình tai đánh vào vườn nhà tiên sinh. Sáng hôm sau, tiên sinh ra thăm vườn, thấy bàn đá vỡ làm hai mảnh trong đấy có mấy dòng chữ đề thơ. Nhân đêm lạ ấy bà mẹ thụ thai sinh ra Thiên Đá”.

Truyện E.20 kể: “Một đêm, bà mẹ nằm mộng thấy tinh rồng từ trời giáng xuống, bèn lấy một cái râu rồng mà nuốt, tức thời tinh rồng biến mất. Từ đó bà thụ thai sinh ra ngài Quan Âm”.

Truyện G.3 kể: “Người cha nằm mộng thấy một vị thần vãng mệnh Hoàng thiên ban cho ông một viên ngọc bích trắng và một đũa thanh đồng giáng sinh làm con. Nhân đấy, bà mẹ thụ thai sinh ra Vũ Lang Lữ”.

Truyện G.6 kể: “Người cha nằm mộng thấy Thượng đế cho Long Thần bộ chúa An Tể tướng quân giáng trần làm con. Bà nằm mộng thấy một đám mây xanh bọc một con rồng trắng bay vào trong màn. Nhân mộng ấy, có thai sinh ra ngài”.

Hiện tượng báo mộng của linh thần xin theo âm phù giúp vua đánh giặc cũng là một hiện tượng phổ biến của motif này.

Chẳng hạn, Thần Bản cảnh Út Sơn hiển linh trong giấc mộng của Cao Sơn, Quý Minh xin âm phù đánh giặc Thục (F.1), Niệm Hưng đánh giặc Thục, mơ thấy một người mặc áo đỏ, thân thể dị kì, hình dung cổ quái từ dưới nước đi lên, tự xưng là con trai vua Lạc Long Quân xin âm phù đánh giặc và nếu thành công xin cùng phối hưởng (G.2), Hà Đại Liễu đánh giặc Tô Định, mộng thấy hai vị mộng thần Cao Sơn, Tản Thảng là bản cảnh ở Tiên Châu xin tòng quân âm phù, thắng trận sẽ cùng phối hưởng (F.3), Quan Âm đại vương đánh giặc Ngô, mộng thấy có ba vị mũ áo chinh tề tự xưng là Bản cảnh Thành hoàng xin theo âm phù đánh giặc (E.20).

Đó còn là Phùng Hưng giúp Ngô Quyền đánh quân Nam Hán ở truyện C.12: “Đời Ngô Quyền dựng nước, đánh giặc Nam Hán. Đêm Tiên Chủ mộng thấy một cụ già hiển linh nói rõ họ tên và xin theo âm phù giết giặc. Khi Tiên Chủ đánh giặc ở sông Bạch Đằng, nghe thấy trên không có tiếng xe ngựa ầm ầm”; là thần nhân hiển linh trong giấc mộng của Lý Thường Kiệt xin theo âm phù ngài đánh Tống (B.38).

Là hai vị thần Long Nhân Như Nguyệt giúp các triều vua Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông chinh phạt Chiêm Thành và Lê Đại Hành chống Tống. Lời hai vị thần Trương Hống, Trương Hát trong giấc mộng của vua Lê Đại Hành: “Nay quân Tống phạm cỗi, làm khổ sinh linh nước ta, cho nên anh em thần đến yết kiến, xin nguyện cùng nhà vua đánh giặc để cứu sinh linh” (*Sự tích Trương Hống, Trương Hát, Truyện tích Trương Hống, Trương Hát* (bản khác của truyện B.15), B.18), và “ngày trước trong chiến dịch Bạch Đằng giang của Ngô Tiên chúa, bọn thần đã nỗ lực hiện trợ thuận lợi lắm” (B.15) thể hiện rõ công tích âm phù của các vị thần đối với sự nghiệp bảo vệ, xây dựng quốc gia Đại Việt.

Rõ ràng, qua truyền thuyết về linh thần có thể thấy lịch sử chống ngoại xâm, chống sự đồng hóa của các triều đại phong kiến phương Bắc, chống thù trong giặc ngoài thành công luôn có phần đóng góp to lớn của các linh thần từng là tướng lĩnh của tiền triều. Sau khi “hóa” họ tiếp tục hiển linh phò vua giúp nước. Hơn thế nữa, người anh hùng đời sau vẫn luôn cần đến sự trợ giúp của người anh hùng đời trước trong công cuộc chống giặc, xây dựng đất nước. Sự âm phù đó thường được hiển linh qua giấc mộng. Sự âm phù dương thế của linh thần khi người anh hùng gặp hiểm nguy đã giúp người anh hùng lập chiến công nhằm bảo vệ cộng đồng.

Như vậy, *motif giấc mơ, điềm báo* ngoài việc đề cao tính chất thiêng liêng của các vị thần còn là những tình tiết lịch sử quan trọng thể hiện đời sống tâm linh người Việt đương thời, không chỉ đối với các tầng lớp nhân dân mà còn đối với cả vua quan phong kiến, niềm tin vào sự báo mộng và sự ứng nghiệm của thần cũng là sự thật lịch sử.

Liên quan đến việc triều chính, truyền thuyết về linh thần cũng thể hiện rõ thế giới quan thần linh của người xưa. Qua *motif giấc mơ, điềm báo* các anh linh của đất nước hiện lên với những lời tiên tri như sấm truyền về sự thay thế triều đại. Điều này được thần linh dự báo trước: khi Lê Ngọa Triều băng hà, vua Lý Thái Tổ muốn mưu đại sự, tới đền mật cáo, chờ điềm linh ứng. Đêm, vua mộng thấy có dị nhân vốn là Thổ địa đất Đằng Châu đến báo về sự bền vững của cơ đồ triều Lý (*Truyện vị thần ở xứ Đằng Châu*).

Những motif mà chúng tôi khảo sát ở trên đều là những motif tiêu biểu. Xét về mặt bản chất thì đây “là những công thức nguyên sơ”, “những đơn vị trần thuật bằng hình tượng”, “những khái quát sơ khởi bằng hình tượng” (Vêxêlôpski) [13, tr.313]. Thực ra, trên cơ sở nòng cốt của những motif này nó còn có thể chuyển hóa dưới nhiều dạng thức khác nhau. Vì vậy, dù không phải là những yếu tố cố định của cốt truyện, nhưng chúng có sức hoạt động linh hoạt phù hợp theo từng câu chuyện. Việc vận dụng những motif hoặc biến thể của nó trong các truyền thuyết khác nhau đã làm nên sự linh động của thể loại khiến cho mỗi thời đại lại có thêm những cách kể của riêng mình.

Tiểu kết

Từ khảo sát trên có thể thấy cấu trúc cốt truyện truyền thuyết linh thần là một dạng cấu tạo đặc thù của truyền thuyết. Nó gồm nhiều biến thể mà mỗi biến thể có thể được nhào nặn từ những hình thức trước đó. Hay, nói cách khác, các yếu tố đã có sự tương tác qua lại lẫn nhau để tạo nên những dạng thức riêng nhưng thống nhất về cách biểu đạt. Đó là sự xuất hiện mang yếu tố thần linh hoặc không, đã lập công lớn có tác động của thần linh hoặc không và hoàn tất sự nghiệp sau đó “hiển Thánh” hoặc không. Các nhân vật ấy bao giờ cũng là tích hợp từ khí thiêng trời đất, từ hạo khí anh linh của tổ tiên bao đời để tạo nên các hình mẫu riêng.

Sự xuất hiện dày đặc trong truyền thuyết linh thần cho thấy các motif đã định hình khá ổn định và chi phối kết cấu cốt truyện. Có khi trong truyền thuyết motif chỉ là yếu tố, có khi trong truyền thuyết motif chính là cốt truyện (type). Motif này phát triển khá bền vững qua nhiều đời trong hệ thống truyền thuyết.

KẾT LUẬN

Toàn bộ khảo sát của chúng tôi về truyền thuyết linh thần Việt Nam trong luận văn này có thể chưa hẳn là tất cả. Nhưng dù vậy, qua hệ thống truyền thuyết linh thần của người Việt mà chúng tôi ghi nhận được vẫn cho thấy tính chất đặc trưng của loại hình này, đặc biệt là về tính phổ quát trong tư duy, trong cách biểu đạt. Tất cả điều đó đã phản ánh được những vấn đề sau:

1. Truyền thuyết linh thần là nơi lưu giữ khá bền vững quan niệm của nhân dân về sức mạnh của người anh hùng, người có công đối với cộng đồng, với dân tộc. Đó là sức mạnh tổng thể của nhiều thế hệ tích tụ qua nhiều đời. Sức mạnh ấy mang tính khả biến, có khả năng chuyển hóa vào người đời sau thông qua nhân vật truyền thuyết, người anh hùng dân tộc. Nó giúp người anh hùng thực hiện sứ mệnh cứu nhân độ thế, cứu nước giúp đời khi thành nhân. Sức mạnh vô hình linh thiêng ấy lại có khả năng phò trợ nhân dân trong các công cuộc dựng nước, cứu nước. Sức mạnh ấy tạo thành một chuỗi gắn kết quá khứ với hiện tại làm nên truyền thống đánh giặc giữ nước.

2. Truyền thuyết linh thần phản ánh khá rõ quan niệm về tồn tại thế giới, cõi trần thế, cõi thiêng và kiếp sống nhân sinh. Đây là quan niệm có tính nhất quán, xuyên suốt trong hệ thống truyền thuyết linh thần Việt Nam. Tùy vào mỗi thời đại mà quan niệm này đã có những biểu hiện khác nhau. Các biểu hiện ấy tuy đa dạng và có phần dị biệt, song đã khẳng định được sức sống trường tồn, mãnh liệt của niềm tin thiêng liêng vào sự âm phù truyền đời của các linh thần trong truyền thuyết Việt Nam. Chính trên cơ sở này mà một loạt niềm tin và khát vọng về sự bất tử của sức mạnh anh hùng, nói rộng ra là sức mạnh cộng đồng được hình thành, tồn tại, duy trì và phát triển thành biểu tượng cho sức mạnh Việt Nam mà trong sâu xa niềm tin ấy đã tạo ra được sức sống trường tồn của dân tộc. Trong mọi đối đầu và thách thức của lịch sử niềm tin ấy đã chứng minh được sức mạnh dân tộc, một sức mạnh truyền đời có khả năng trấn áp mọi âm mưu của kẻ thù xâm lược.

3. Truyền thuyết linh thần chứng minh dân tộc Việt Nam có đời sống tâm linh phong phú, đa dạng và phát triển bền vững qua các thời đại. Điều đó có ý nghĩa

quan trọng trong đời sống thực tiễn của nhân dân. Chính đời sống tâm linh ấy đã chi phối quan niệm về nguồn gốc, vai trò và sự xuất hiện của linh thần trong truyền thuyết Việt Nam. Về nguồn gốc của linh thần, đó là những con người được sinh ra và lớn lên một cách thần kỳ từ sự “chuyển hóa” của các linh thần đời trước với các gốc thiên thần, nhiên thần trong tín ngưỡng “vạn vật hữu linh” và tư duy “vật tổ” của dân gian. Sự có mặt của họ trên cõi đời không chỉ do nhu cầu và khát vọng của gia đình, của dòng họ mà rộng ra đó còn là do mưu cầu và khát vọng hòa bình của cả một cộng đồng, dân tộc. Chính vì thế, sự tồn tại của họ có một ý nghĩa thiêng liêng, to lớn, quan trọng trong đời sống tinh thần, vật chất, trong đời sống tâm linh lâu đời và phong phú của nhân dân. Về vai trò của linh thần trong truyền thuyết, đời sống tâm linh của người Việt quy định linh thần trong truyền thuyết, trong tín ngưỡng dân gian là những con người “sống khôn thác thiêng” “sống làm thần tử chết nên phúc thần” để “âm phù dương thế”. Mục tiêu âm phù của các linh thần trong truyền thuyết rất đa dạng, từ việc âm phù các gia đình hiếm muộn con cái có được sự thụ thai và sinh nở thần kỳ đến việc âm phù nhân vật truyền thuyết chiến thắng giặc thù, trừ thiên tai, dịch bệnh, tiêu diệt yêu ma, quái thú và cả hiển linh âm phù người đời sau trong các công cuộc sau khi “hóa Thánh” thành linh thần đời sau. Từ quan niệm về nguồn gốc và vai trò của linh thần trong truyền thuyết Việt Nam theo tín ngưỡng dân gian như thế, nó đã chi phối điều kiện xuất hiện, vai trò và nguồn gốc khác nhau của mỗi dạng linh thần với các kiểu hiển linh khác nhau.

4. Cấu tạo của truyền thuyết linh thần là cấu trúc bền vững nhưng uyển chuyển có thể tạo ra nhiều biến thể nhưng vẫn giữ được nòng cốt của quan niệm về sự hóa thân, bất tử của những người có công với nước và luôn là sức mạnh tiềm ẩn của dân tộc qua mọi thời đại. Nó cũng trở thành cấu trúc đặc trưng của truyền thuyết nói chung và được vận dụng ở nhiều mức độ khác nhau trong cách biểu đạt của đời sau đối với những vấn đề hệ trọng liên quan đến sự sinh tồn của cộng đồng dân tộc hay trong phạm vi hẹp hơn của tôn giáo, của dòng họ .v.v.

5. Truyền thuyết linh thần góp phần xây dựng, phát huy niềm tự hào về sức mạnh dân tộc, về truyền thống đoàn kết chống thù trong giặc ngoài của các thế hệ

người Việt Nam. Bên cạnh đó, truyền thuyết linh thần còn có khả năng củng cố tinh thần đề cao cảnh giác trước mọi âm mưu xâm lược và đồng hóa của kẻ thù. Truyền thuyết linh thần còn là nguồn tư liệu phong phú để qua đó bồi đắp nhu cầu hiểu biết lịch sử nước nhà của các thế hệ học sinh.

Những kết luận trên có thể chưa đủ nhưng chúng tôi mong gợi lên một vài ý tưởng để có thể tiếp tục tìm tòi.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN VĂN**

1. Võ Thạch Anh (2012), “Motif “mộng thần hiển linh” trong hệ thống truyền thuyết chống xâm lược phương Bắc của Việt Nam”, kỷ yếu *Hội thảo khoa học của học viên cao học và nghiên cứu sinh năm 2012 - 2013*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị An (1994), “Nghiên cứu truyền thuyết, những vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Văn học*, số 7, tr.34.
2. Trần Thị An (2008), “Nghiên cứu văn học dân gian từ góc độ type và motif - Những khả thủ và bất cập”, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 7 (86-104), Viện Văn học, Viện Khoa học xã hội và xã hội Việt Nam.
3. Trần Thị An (1992), “Sự vận động về truyền thuyết về Mẫu qua những truyện kể về Liễu Hạnh và truyền thuyết về nữ thần Chằm”, *Tạp chí Văn học*, số 5, tr. 44.
4. Chiềng Xom An (1992), “Bàn thêm thể loại truyền thuyết”, *Văn hóa dân gian*, số 2.
5. Đào Duy Anh (1992), *Hán - Việt từ điển*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Phương Anh (1974), “Truyền thuyết cổ tích Lam Sơn”, *Tạp chí Văn học*, số 1, tr. 144.
7. Lại Nguyên Ân biên soạn (1999), *150 thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội.
8. Võ Phúc Châu (2011), *Truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ (1858 - 1918)*, Nxb Thời Đại.
9. Nguyễn Đồng Chi (2000), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, quyển 1, Nxb Giáo dục
10. Claude Le vé - Strauss (2009), *Nhiệt đới buồn*, Nxb Tri thức.
11. Nguyễn Văn Dân (2000), *Lý luận văn học so sánh*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Nguyễn Văn Dân (2004), *Phương pháp luận nghiên cứu văn học*, NXB Khoa học xã hội.
13. Chu Xuân Diên (2001), “Về cái chết của mẹ con người di ghẻ trong truyện Tấm Cám”, *Văn hóa dân gian, mấy vấn đề phương pháp luận và nghiên cứu thể loại*, Nxb Giáo dục.

14. Chu Xuân Diên (2001), *Văn hóa dân gian, mấy vấn đề phương pháp luận và nghiên cứu thể loại*, Nxb Giáo dục.
15. Chu Xuân Diên (2004), *Mấy vấn đề văn hóa và văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Văn nghệ, TP HCM.
16. Nguyễn Đăng Duy (1996), *Văn hóa tâm linh*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
17. Nguyễn Tấn Đắc (1984), “Văn học dân gian trong các nền văn học dân tộc ở Đông Nam Á”, *Tạp chí Văn học* số 2 (46-48), Viện nghiên cứu văn học.
18. Nguyễn Tấn Đắc (2001), *Truyện kể dân gian - Đọc bằng type và motif*, Nxb Khoa học xã hội.
19. Cao Huy Đình (1967), “Người anh hùng làng Dóng trong lòng nhân dân”, *Tạp chí Văn học*, số 7, tr. 72.
20. Cao Huy Đình (1969), *Người anh hùng làng Dóng*, Nxb Khoa học Xã hội.
21. Trịnh Bá Đình (2011), *Chủ nghĩa cấu trúc trong văn học*, Nxb Hội Nhà văn.
22. Nguyễn Xuân Đức (2003), *Những vấn đề thi pháp văn học dân gian*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.
23. Emily A. Schultz, Robert H. Lavenda (2001), *Nhân học, một quan điểm về tình trạng nhân sinh*, Nxb Chính trị Quốc Gia.
24. Lê Sỹ Giáo - Phạm Quỳnh Phương (1992), “Tục thờ Liễu Hạnh trong hệ thống thờ nữ thần của người Việt”, *Tạp chí Văn học*, số 5, tr. 57.
25. Lê Sỹ Giáo (chủ biên) (1995), *Dân tộc học đại cương*, Nxb Giáo dục
26. Lê Bá Hán (chủ biên) (2007), *Từ điển thuật ngữ văn học*, tái bản lần hai, Nxb Giáo dục.
27. Đỗ Thị Hồng Hạnh (2012), *Đặc trưng thể loại truyền thuyết dân gian vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, Luận án tiến sĩ văn học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, TP HCM.
28. Nguyễn Thu Hiền (2010), *Yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Việt Nam sau năm 1975*, Luận văn thạc sĩ văn học, Trường Đại học Cần Thơ.
29. Kiều Thu Hoạch (2000), “Thể loại truyền thuyết dưới mắt các nhà nghiên cứu Folklore Nhật Bản và Trung Quốc”, *Tạp chí Văn học*, số 2.

30. Kiều Thu Hoạch (2006), *Văn học dân gian người Việt, góc nhìn thể loại*, Nxb khoa học xã hội.
31. Nguyễn Thị Huế (1983), “Tìm hiểu về motif cây trong truyện họ Hồng Bàng và Đẻ đất đẻ nước”, *Tạp chí Văn học*, số 6, tr 69 - 74
32. Nguyễn Thị Huế (1992), “Từ Phật Mẫu Man Nương đến Thánh Mẫu Liễu Hạnh”, *Tạp chí Văn học*, số 5, tr.50.
33. Châu Minh Hùng (2006), “Quan điểm quần chúng trong truyền thuyết dân gian Việt Nam”, dẫn theo www.evan.com.vn.
34. Hồ Quốc Hùng (2000), “Về sự tái sinh của nhóm truyền thuyết anh hùng bộ lạc ở một vùng đất mới”, trang 38 - 47, *Tạp chí Văn học*, số 10.
35. Hồ Quốc Hùng (1998), “Về nhóm truyền thuyết khăn hoang ở một vùng đất mới”, *Tạp chí Văn học*, số 4, tr. 71.
36. Hồ Quốc Hùng (2003), *Truyền thuyết Việt Nam và vấn đề thể loại*, Nxb Trẻ Hội nghiên cứu và giảng dạy văn học Tp. HCM.
37. Hồ Quốc Hùng (2010), *Mấy vấn đề nghiên cứu văn học dân gian qua văn bản*, trang 38-45, *Tạp chí Văn học*, số 05.
38. Nguyễn Văn Huy (chủ biên) (1997), *Bức tranh văn hóa các dân tộc Việt nam*, Nxb giáo dục, Hà Nội.
39. James George Frazer (2007), *Cành Vàng, Bách khoa thư về văn hóa nguyên thủy*, Nxb Văn hóa thông tin, Tạp chí văn hóa - nghệ thuật.
40. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (2002), *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới*, (Phạm Vĩnh Cư dịch), Nxb Đà Nẵng, Trường viết văn Nguyễn Du.
41. Đinh Gia Khánh (1992), “Tục thờ Mẫu và những truyền thống văn hóa dân gian Việt Nam”, *Tạp chí Văn học*, số 5, tr 5.
42. Vũ Ngọc Khánh (1973), “Vài mẫu chuyện về Tây Sơn trong một vùng văn học dân gian”, *Tạp chí Văn học*, số 4, tr.51.
43. Vũ Ngọc Khánh (1992), “Chúa Liễu qua nguồn thư tịch”, *Tạp chí Văn học*, số 5, tr. 32.

44. Vũ Ngọc Khánh (1996), “Đề tài chúa Liễu qua folklor xứ Lạng”, *Tạp chí Văn học*, số 11, tr. 15.
45. Vũ Ngọc Khánh, Trần Thị An, Phạm Minh Thảo (1998), *Truyền thuyết Việt Nam*, Nxb Văn hóa - Thông tin.
46. Trần Việt Kinh (1988), “Về huyền thoại Pônaga”, *Tạp chí Văn học*, số 1, tr.85.
47. Nguyễn Văn Khỏa (1978), *Anh hùng ca của Hômerô*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
48. Hoàng Khôi (2010), *36 vị thần Thăng Long - Hà Nội*, Nxb Thanh niên.
49. Lê Văn Kỳ (1995), “Mối quan hệ giữa truyền thuyết người Việt và hội lễ về các anh hùng”, Luận án Phó tiến sĩ khoa học Ngữ văn, Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn.
50. Lê Văn Kỳ (1993), “Tìm hiểu một số ý nghĩa về tục thờ Thành Hoàng không có sắc phong qua truyền thuyết và lễ hội”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 44, tr. 57.
51. Lã Duy Lan (1992), “Liễu Hạnh trong Vân Cát thần nữ và Liễu Hạnh trong tâm thức dân gian”, *Tạp chí Văn học*, số 6, tr. 40.
52. Lã Duy Lan (2001), *Truyền thuyết Việt Nam tập 1*, Nxb Văn hóa dân tộc.
53. Hồ Liên (2002), “Sự hình thành yếu tố thiêng liêng trong văn hóa của người Việt”, *Đôi điều về cái thiêng và văn hóa*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
54. Đặng Văn Lung (2004), *Văn hóa Thánh Mẫu*, Nxb Văn hóa - Thông tin.
55. Đặng văn Lung (1992), “Thử tìm hiểu cách xây dựng hình tượng Mẫu Liễu”, *Tạp chí Văn học*, số 5, tr.24.
56. Cung Văn Lược (1981), “Từ truyền thuyết ven sông Nhuệ vẽ hình ảnh người phụ nữ anh hùng thuở đánh Tống”, *Tạp chí Văn học*, số 2, tr.10.
57. Nguyễn Thị Thanh Lưu (2011), “Từ truyền thuyết rồng Thăng Long khám phá biểu tượng rồng trong truyền thuyết dân gian Việt Nam”, *Tạp chí nghiên cứu Văn học*, số 1 (467), tr. 51 – 65.

58. Lê Minh (chủ biên) (1994), *Văn hóa gia đình Việt Nam và sự phát triển xã hội*, Nxb Lao động, Hà Nội.
59. Phan Đăng Nhật (1992), “Những yếu tố cấu thành hình ảnh Địa tiên Thánh Mẫu”, *Tạp chí Văn học*, số 5, tr.29.
60. Bùi Mạnh Nhị (1985), “Tiếp cận văn học dân gian địa phương từ đặc trưng của văn học dân gian”, *Tạp chí Văn học*, số 3.
61. Bùi Mạnh Nhị, Hồ Quốc Hùng, Nguyễn Thị Ngọc Diệp (2012), *Văn học dân gian, những công trình nghiên cứu*, Nxb Giáo dục.
62. Nhiều tác giả (2003), *Tuyển tập V.IA.PROPP*, (2 tập), Nxb Văn hóa dân tộc, Tạp chí Văn hóa - Nghệ thuật Hà Nội.
63. Nhiều tác giả (2004), *Từ điển văn học bộ mới*, Nxb Thế giới.
64. Võ Quang Nhơn (1983), *Văn học dân gian các dân tộc ít người ở Việt Nam*, Nxb ĐH và THCN.
65. Phạm Lan Oanh (2009), *Tín ngưỡng Hai Bà Trưng ở vùng châu thổ sông Hồng*, Nxb Khoa học Xã hội.
66. Hoàng Phê (chủ biên) (2000), *Từ điển tiếng Việt 2000*, Nxb Đà Nẵng, Trung tâm từ điển học, Đà Nẵng.
67. Diêu Vĩ Quân (chủ biên) (1996), *Bí ẩn của chiêm mộng*, Nxb Văn học, Hà Nội.
68. Dương Trung Quốc (2005), *Trích bài đăng trên Tạp chí “Xưa và nay”*, Số 238 tháng 6 - 2005.
69. Lê Chí Quế (2001), *Văn hóa dân gian: Khảo sát và nghiên cứu*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
70. Vũ Quỳnh - Kiều Phú (1960), *Lĩnh Nam chích quái, truyện cổ dân gian Việt Nam, (sưu tập từ thế kỷ XV)*, Nxb Văn hóa.
71. Nguyễn Minh San (1993), “Tà thần, yêu thần, sự ra đời và bước đi của tục thờ cúng”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 4.

72. Kiều Thị Sopri (2012), *Truyền thuyết liên quan đến Tháp Chăm tại vùng Ninh Thuận, Bình Thuận*, Luận văn thạc sĩ văn học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
73. Nguyễn Hữu Sơn (2002), *Loại hình tác phẩm Thiền uyển tập anh*, Nxb khoa học xã hội Hà Nội.
74. Lê Văn Tạo (2011), *Tục thờ thần linh ở Thanh Hóa, Văn hóa nghệ thuật*, Cơ quan của Bộ văn hóa, thể thao và du lịch.
75. Phùng Thị Đan Thanh (2012), *Motif điềm báo và mộng báo trong truyện cổ tích của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
76. Tô Ngọc Thanh (1992), “Vai trò niềm tin trong đời sống văn hóa dân gian cổ truyền”, *Tạp chí Văn học*, số 5, tr. 14.
77. Bùi Quang Thanh (1981), “Tìm hiểu kết cấu của dạng truyền thuyết anh hùng”, *Tạp chí Văn học*, số 3, tr. 58.
78. Bùi Quang Thanh (1982), “Truyền thuyết dân gian với tâm lí cộng đồng người Việt”, *Tạp chí Văn học*, số 2, tr. 68.
79. Lê Mạnh Thát (1999), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, tập 1, Nxb Thuận Hóa.
80. Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
81. Doãn Kế Thiện (1959), *Cổ tích và thắng cảnh Hà Nội*, Nxb Văn hóa.
82. Ngô Đức Thịnh (1992), “Tục thờ Mẫu Liễu Hạnh - một sinh hoạt tín ngưỡng văn hóa cộng đồng”, *Tạp chí Văn học*, số 5, tr.17.
83. Ngô Đức Thịnh, Viện nghiên cứu văn hóa dân gian, chủ biên (1993), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb khoa học xã hội Hà Nội.
84. Ngô Đức Thịnh (chủ biên) (1993), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
85. Ngô Đức Thịnh (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.
86. Đỗ Lai Thúy (biên soạn) (2004), *Phân Tâm học và văn hóa tâm linh*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

87. Phan Trọng Thường (1999), *Tuyển tập 40 năm tạp chí văn hóa (1960 -1999)* tập 1, (1999) VHDG, Nxb Tp. HCM.
88. Phan Trần (1967), “*Tinh thần dân tộc qua các truyền thuyết lịch sử*”, *Tạp chí Văn học*, số 3, tr. 50.
89. Phan Trần, Trần Quốc Vượng (1967), “*Tinh thần dân tộc qua các truyền thuyết lịch sử*”, *Tạp chí Văn học*, số 3.
90. Tạ Chí Đại Trường (2006), *Thần Người và Đất Việt*, Nxb Văn hóa – Thông tin.
91. Chu Quang Trứ (1997), “*Lễ hội và tâm linh của người Việt*”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 1.
92. Hoàng Tiến Tựu (1983), *Mấy vấn đề phương pháp giảng dạy, nghiên cứu văn học dân gian*, Nxb Giáo dục.
93. Viện khoa học xã hội Việt Nam (2004), *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Truyền thuyết dân gian người Việt* (tập 4, 5), NXB Khoa học xã hội.
94. Viện Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Văn hóa dân gian (1990), *Văn hóa dân gian - những phương pháp nghiên cứu*, Nxb khoa học xã hội - Hà Nội.
95. Viện Ngôn ngữ học, Trung tâm từ điển ngôn ngữ (1992), *Từ điển tiếng Việt*, tập II, 1992, tr.909, 910, mục *Thần phả, thần tích*.
96. Lý Tế Xuyên (1961), *Việt điện u linh tập*, bản dịch của Lê Hữu Mục, Nhà sách Khai Trí.
97. Nguyễn Khắc Xương (1973), “*Tìm hiểu quan hệ thần thoại, truyền thuyết và điển xưng tín ngưỡng phong tục*”, *Tạp chí Văn học*, số 6, tr.98.
98. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1999), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin.
99. Hùng Nam Yên (1974), “*Về truyền thuyết thời Hùng Vương*”, *Tạp chí Văn học*, số 1, tr.140.

Website tham khảo

1. Website của Viện Văn học: <http://www.vienvanhoc.org.vn/>
2. Bách khoa toàn thư mở Wikipedia: <http://vi.wikipedia.org/wiki/>